VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

NGUYỄN NAM ANH

PHẠM VIỆT CƯỜNG

VÕ ĐÌNH * PHẠM DUY

NGUYỄN MỘNG GIÁC

NGUYỄN THỊ SÔNG HƯƠNG

NGHIÊM XUÂN HỒNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

TRIỀU KHÊ * HOÀNG LIÊN

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

TRỊNH GIA MỸ

NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÀN

ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯỢNG

NGUYỄN VĂN SÂM

ĐỖ QUÍ TOÀN * THÁI TUẤN

NGUYỄN NGỌC THUẬN

KIỆT TẤN * NGUYỄN VĂN

Số 11 tháng 12-86

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn nghệ sĩ hải ngoại : *Lên tiếng chung, trang 1.* * **Nguyễn Mộng Giác :** *Thư gửi một người bạn trẻ, trang 3.* * **Nguyễn thị Sông Hương :** *Đọc Văn học Miền Nam: Tổng quan, của Võ Phiến, trang 8.* * **Đỗ Quí Toàn :** *Buổi trưa ra đường, Ước chi, thơ, trang 20.* * **Nguyễn văn Sâm :** *Sống đời trôi giạt, truyện, trang 22.* * **Nghiêm Xuân Hồng :** *Gửi họ Vũ, thơ, trang 29.* * **Thái Tuấn :** *Một mùa thu không buồn , trang 31.* * **Nguyễn Ngọc Thuận :** *Thánh giá oan khiên buổi phế thần, thơ, trang 33.* * **Võ Đình :** *Thư cho một hoạ sĩ trẻ, trang 34.* * **Nguyễn đức Bạt Ngàn :** *Huế, thơ, trang 48.* * **Nguyễn Xuân Hoàng :** *Chiếc mặt nạ, truyện, trang 49.* * **Đặng thị Quế Phượng :** *Hoá kiếp...,thơ , trang 55.* * **Nguyễn thị Ngọc Lan :** *Bước chân chim, truyện, trang 56.* * **Phạm Việt Cường :** *Hoá thạch, thơ, trang 61.* * **Kiệt Tấn :** *Vườn chanh miệt biển, truyện, trang 64.* * **Phạm Duy :** *Thời kỳ phát triển nhạc tình, trang 83.* * **Trịnh Gia Mỹ :** *Bóng núi, truyện, trang 91.* * **Triều Khê :** *Tìm hiểu truyện Kiều, , trang 98.* * **Hoàng Liên :** *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký, trang 105.* * **Nguyễn Nam Anh :** *Đọc Dâu Bể của Phạm Quốc Bảo, trang 116.* * **Nguyễn Mộng Giác :** *Đọc Mưa đất lạ, Thơ Hiền, Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh, Đời sống và Cây bút chì, trang 118.* * **Nguyễn Văn :** *Thời sự văn học nghệ thuật, trang 122.* * **Toà soạn Văn Học :** *Thư tín, trang 130*

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove Cali, USA, 92 643. Phone : (714) 832 . 8445.

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

in tại
NVPrinting (714) 897-3628

Giá bán lẻ : US $ 2.50.

Lên tiếng chung

của nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ Việt Nam tại hải ngoại về việc bạo quyền Hà Nội đưa xử nhà văn Doãn Quốc Sỹ.

•●•

Sau mười năm nhà văn Doãn Quốc Sỹ bị giam giữ, được thả ra rồi bị bắt lại, bạo quyền Hà Nội ngày 30 tháng 10 năm 1986 sẽ đem ông ra xử trước cái được gọi là một tòa án nhân dân.

Chúng tôi, nhà văn, nhà báo và nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại cùng ký tên dưới bản lên tiếng chung này, vô cùng phẫn nộ và cực lực lên án quyết định thô bạo độc tài nói trên của bạo quyền Hà Nội đối với nhà văn Doãn Quốc Sỹ.

Chúng tôi khẩn cấp báo động trước toàn thể dư luận và lương tâm toàn cầu dã tâm đàn áp vô nhân đạo nhằm triệt hủy quyền sống và quyền làm người nói trên của bạo quyền Hà Nội đối với nhà văn Doãn Quốc Sỹ.

Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi mọi tổ chức đấu tranh cho tự do và nhân quyền thế giới, đặc biệt là Tổ Chức Ân Xá Quốc Tế và Văn Bút Quốc Tế, cùng chúng tôi cương quyết đòi hỏi bạo quyền Hà Nội phải tức khắc hủy bỏ vụ xử, tức khắc trả tự do cho nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cũng như cho tất cả những người làm văn nghệ thuật còn bị chế độ mới bắt giữ và giam cầm ở Việt Nam.

Làm tại California, ngày 20 tháng 10 năm 1986

Nguyễn Tú A, Nguyễn Đức An, Hồ Trường An, Chử Bá Anh, Long Ẩn, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Ang Ca, Hà Huyền Chi, Kiều Chinh, Lê Hùng, Phạm Đình Chương, Quyên Di, Nguyễn Thừa Du, Lâm Tương Dũ, Cao Thế Cung, Ngọc Dũng, Phạm Duy, Hồng Dương, Hà Túc Đạo, Phan Huy Đạt, Nghiêu Đề, Lê Tài Điển, Lê Tất Điều, Lê Đình Điểu, Võ Đình, Nguyễn Hữu Đông, Nguyễn Đồng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Hải Hà, Vũ Hạ, Thái Tú Hạp, Trần Diệu Hằng, Bùi Xuân Hiến, Nguyễn

Thượng Hiệp, Trần Thanh Hiệp, Dương Ngọc Hoán, Luân Hoán, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Hợp, Nghiêm Xuân Hồng, Mai Hương, Tuấn Huy, Nguyên Khai, Vi Khuê, Lưu Trung Khảo, Dương Kiền, Tử Vi Lang, Nguyễn Đức Lập, Du Tử Lê, Diệp Mỹ Linh, Viên Linh, Trần Cao Lĩnh, Bình Nguyên Lộc, Trần Văn Lưu, Khánh Ly, Nguyễn Thụy Ly, Chu Vương Miện, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Trần Văn Ngô, Định Nguyên, Lê Trọng Nguyễn, Nguyễn Đức Nam, Nguyễn Khắc Nhân, Nguyễn Tất Nhiên, Vũ Quang Ninh, Lê Huy Oanh, Nguyễn Xuân Phác, Nghiêm Phú Phi, Võ Phiến, Hoàng Khởi Phong, Nguyên Phong, Bùi vĩnh Phúc, Dương Phục, Ngọc Hoài Phương, Lê Uyên Phương, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Xuân Quang, Vũ Huy Quang, Trần Đình Quân, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Quỳnh, Nguyên Sa, Nguyễn Văn Sâm, Duy Sinh, Hà Thúc Sinh, Phan Ni Tấn, Bùi Bảo Sơn, Thái Thanh, Mai Thảo, Trầm Tử Thiêng, Bích Thuận, Vũ Thanh Thủy, Cung Tiến, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến, Phan Lạc Tiếp, Cao tiêu, Ngô Vương Toại, Đỗ Quý Toàn, Trịnh Y Thư, Lâm Triết, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Mạnh Trinh, Bùi Bảo Trúc, Trương Trọng Trác, Hà Trung, Kiêm Thêm, Nguyễn Anh Tuấn, Hoàng Anh Tuấn, Thái Tuấn, Giang Hữu Tuyên, Tôn Thất Tuệ, Kim Tước, Hàn Song Tường, Phạm Việt Tuyền, Ta Tỵ, Lê Văn, Nguyên Vũ, Tường Vi, Nguyễn Thị Vinh, Đỗ Ngọc Yến.

Danh sách này còn đang tiếp tục nhận được thêm nhiều chữ ký, và đang được bổ túc.

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Bắt đầu từ ngày 1.12.1986, Toà soạn Văn Học không còn dùng số điện thoại cũ 714. 838 8432, và đã đổi sang số mới là :

(714) 832. 8445.

Trân trọng thông báo cùng quí văn hữu và bạn đọc.

Nguyễn Mộng Giác

Thư gửi một người bạn trẻ

Anh Thanh thân mến,

Chắc Thanh ngạc nhiên khi đọc lá thư đăng báo này, thay vì nhận được một lá thư riêng dài cũng bằng lá thư Thanh gửi cho tôi. Việc công khai hoá tâm tình riêng tư giữa tôi và Thanh có vẻ như bất thường. Nhưng những điều Thanh nêu ra, và những gì tôi suy nghĩ có lẽ liên quan đến nhiều người khác, nên tôi xin phép dùng hình thức "chung chạ" này để giải bày. Mong Thanh tha lỗi cho.

Tôi mừng rằng lời lẽ trong thư Thanh chứng tỏ Thanh đã có một đời sống tinh thần vững chãi. Đã đặt ra những vấn đề lớn, đã đưa ra những xác quyết có định hướng như *"Sứ mệnh người cầm bút", Viết làm sao, viết cái gì để có lợi cho vận hội mới", "Trách nhiệm của báo chí trước vận mệnh đất nước".*

Thú thực, tôi vẫn có thói quen không mấy nghiêm chỉnh là sau khi đi làm về, thường tắm một phát, rồi nằm khểnh lên ghế xa-lông đọc thư của bạn bè vừa gửi tới. Vừa đọc vừa cười khúc khích một mình, hoặc vừa đọc vừa bâng khuâng nhớ tiếc. Đọc đến thư Thanh, tôi vội ngồi dậy ngay ngắn, không đến nỗi phải kéo lại cổ áo và vuốt các nếp nhăn trên chiếc áo ngủ nhàu nhò, nhưng nét mặt tôi mất hẳn vẻ thụ hưởng phè phỡn hay mơ mộng lãng mạn.

Xin Thanh đừng nghĩ tôi có ý mỉa mai đùa cợt. Không đâu ! Những vấn đề Thanh nêu ra đều rất lớn, và không phải chỉ bây giờ tôi mới sửa lại thế ngồi, nghiêm lại nét mặt.

Hồi còn đôi mươi, đám bạn bè làm báo Xuân trung học chúng tôi cũng đã đặt những câu hỏi trầm trọng kiểu đó. Ba mươi tuổi, bước chân vào làng văn, những bạn văn đồng lứa với tôi cũng nhắc lại những câu hỏi đại loại "*" Viết làm gì ? Viết cho ai ? Tại sao viết ?".* Có người mải lo giải đáp những câu hỏi lớn ấy nên chẳng viết được gì cả. Có người thông minh tìm ngay được lời đáp, đồng thời cũng nhận thấy viết lách chẳng đi tới đâu. Hồi đó, tướng Nguyễn Khánh bảo *"Một cây bút mạnh bằng một sư đoàn".* Nhưng cái sư đoàn ấy được cấp súng mà không được cấp đạn, chưa kể thứ súng chính

quyền cấp cho toàn là súng nhựa, nên một số bạn tôi vứt bút xoay sang hành động, rồi lãnh sẹo, hay làm con chốt thí.

Việt Nam Cộng Hoà sụp đổ, nửa đất nước ở miền Nam sa vào tay cộng sản, tôi lại phải nghe các quan văn nghệ nhai lại những câu hỏi trên. Viết thế nào ? Viết cho ai ? Chưa đủ ! Họ còn dạy cách nhìn nữa kia. Nhìn thế nào cho phù hợp với quan điểm lập trường, phân biệt cho ra bản chất và hiện tượng, cái nhất thời và cái tất yếu ! Chơi khó anh em cầm bút quá ! Chẳng những phải học cách nhìn hiện tại, lại còn phải đoán trúng phóc tương lai tươi sáng từ cái mớ hiện tại rối rắm, nhầy nhụa, tối tăm, nhếch nhác, quái đản ấy. Hồi đó, đọc những lời các quan văn nghệ Hà nội phán trên báo chí sách vở quốc doanh, tôi đã từng nghĩ thầm : "Nếu các ngài thông kim bác cổ, quan điểm thông suốt như vậy, thì viết phăng ra thành thơ thành truyện, việc gì phải tốn thì giờ giảng ra rả hết năm này đến năm nọ!".

Bọn làm thơ như Thanh cũng không được ở ngoài vòng cương toả đâu ! "Lãnh tụ" đã dạy :

Nay ở trong thơ nên có thép
Người làm thơ cũng phải biết xung phong.

Thơ *có thép ?* Dễ ợt ! Nhưng *xung phong* đi đâu ? Các quan văn nghệ Hà nội bảo phải chăm đọc xã luận nhật báo Nhân Dân, tạp chí Cộng sản, phải đọc từng chữ , nhớ thuộc lòng các lời dạy bảo, để lãnh tụ bảo xung phong về hướng nào thì phóng *thơ thép* về hướng đó, bảo tiến một bước thì tiến đúng một bước đừng sốc nổi tiến quá đà sẽ bị khép vào tội *âu trĩ tả khuynh*, bảo lui một bước thì lui đúng một bước, lui dài hơn là *hữu khuynh xét lại.* Khó dễ sợ ! Nguy hiểm chết người, cầm bút luyện thơ thành thép tưởng an toàn như người ngồi trong xe bọc thép, nhưng vì cứ thấp thỏm lấm lét nghe còi chỉ huy , nên số phận người cầm bút dưới chế độ cộng sản chẳng khác nào thân phận người phải lái xe tăng chạy trên một sợi dây giăng trên vực thẳm.

Số phận những người vâng lệnh cán bộ tuyên huấn làm *thơ có thép* đã vậy, số phận những người chỉ làm được thơ tình lại càng khốn đốn hơn.Những người như Thanh chẳng hạn.

Thanh nhớ không, những bài thơ đầu tiên Thanh gửi cho tôi đọc. Những bài thơ ngập ngụa khói thuốc lá và hương cà phê. Những ngón gầy. Những tóc rối. Những nhớ thương. Những quằn quại, những da diết. Những freeway hun hút. Những campus quạnh hiu. Vì sao mà thơ Thanh hồi đó hiu hắt gầy guộc như vậy? Chỉ vì như Lamartine viết hồi xưa :

Un seul être vous manque, tout est dépeuplé.

Thơ Thanh hồi đó yếu xìu ! Không biết những bài Thanh mới làm có còn yếu như thế không ? Chắc Thanh đã lột xác, đã choàng

dậy vươn mình như Phù đổng thiên vương. Cách đặt câu hỏi trong thư Thanh khiến tôi nghĩ vậy. Tôi mong đọc được những bài thơ mới của Thanh, những bài *thơ thép*.

Nhưng trước khi đọc một số thơ Thanh làm theo sinh khí mới tìm được, tôi phải nói qua những điều tôi nghĩ về vấn đề Thanh đặt ra.

Như câu hỏi *"Viết để làm gì ?"*. Thiên kinh vạn quyển đã bàn về câu hỏi này. Nhiều cuộc bút chiến nẩy lửa, nhiều án tù đã phán do câu hỏi này. Đại khái có hai câu trả lời chính : Viết để phục vụ cái đẹp, và Viết để phục vụ nhân sinh. (Nói văn hoa hơn thì bảo Nghệ thuật vị nghệ thuật và Nghệ thuật vị nhân sinh). Phe chú trọng tới thẩm mỹ hình thức thì chọn cách trả lời trên. Phe có khuynh hướng xã hội thực tiễn thì chọn cách trả lời dưới.

Tôi cho rằng cả hai câu trả lời đều sai, vì nghệ thuật nói chung có nghĩa gì nếu nó không liên hệ đến *con người, cuộc đời*, tức là *nhân sinh*. Nghệ thuật dĩ nhiên phải phục vụ nhân sinh. Nhưng *nhân sinh* nào ?

Từ cách định nghĩa về *nhân sinh* này mới phát sinh mọi sự rắc rối. Người làm chính trị thì bảo nhân sinh chính là cái mẫu trật tự xã hội họ phác hoạ ra, và muốn văn nghệ sĩ phải gắng hết sức tô điểm cho cái mẫu ấy.

Nếu không có những cái phanh hãm bớt đà kiêu căng và tham vọng của người làm chính trị, thì người làm chính trị nào cũng muốn giới văn nghệ cúc cung tung hô công đức của mình bằng nghệ thuật, vì họ biết nghệ thuật trường cữu hơn những bản kiến nghị, được tiếp đón nồng nhiệt hơn những nghị quyết, thông cáo, sắc lệnh...

Ở Mỹ, không có chuyện tổng thống Reagan ra lệnh cho USIS triệu tập tất cả các đạo diễn, tài tử, nhà phê bình điện ảnh toàn quốc về thủ đô Washington để cùng nhau "học tập và phát huy tư tưởng của Tổng thống Reagan vĩ đại" qua các cuốn phim cao bồi hạng B Ngài đã đóng. Nhưng sự quái đản đó đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là dưới chế độ cộng sản.

Cái mẫu *nhân sinh* kiểu đó, Thanh ơi, tôi ngán lắm ! Mỗi lần có một tay làm chính trị hoặc một bậc quyền thế hạ cố nhắn nhủ bọn cầm bút kém thế chúng tôi về *sứ mệnh*, về *sức mạnh ngòi bút*, về *trách nhiệm* , thú thực với anh, tôi ngại lắm. Tôi biết rõ khả năng hạn chế của mình, biết rõ khả năng hạn chế của chữ nghĩa, biết rõ nỗi cô độc trái mùa của việc viết lách. Biết rõ sự tiếp đón lạnh nhạt của độc giả đối với sách vở, nếu so với sự tiếp đón hào hứng sôi nổi họ dành cho các ca sĩ tài tử .Kể cũng phải, giới trình diễn đẹp để hơn ,ăn mặc chải chuốt hơn, rực rỡ sáng láng như những ánh hào quang trên sân khấu và giữa cuộc đời. Trong thời đại của tốc lực,

của màu sắc và âm thanh điện tử, những dòng chữ viết lặng lẽ già mấy nghìn năm bao giờ cũng kém thở.

Đừng bơm phồng chúng nó lên, tội nghiệp ! Và chúng tôi, những người cầm bút, chúng tôi đã quen với nếp sống cô độc. Trước trang giấy trắng, giữa lúc mọi người đang say ngủ, chúng tôi một mình đối diện với mình, thoải mái tung tăng trong thế giới tưởng tượng, với chữ nghĩa ngoan ngoản hay ương ngạnh, bởi vì chúng tôi đều là những kẻ khờ dại vụng về trong cuộc bon chen quyền lực.

Đừng nâng cao chúng tôi lên quá, chúng tôi ngợp ! Hơn nữa, nâng cao chúng tôi lên rồi ấn vào tay chúng tôi một cái mẫu vẽ để bắt tô màu, ra lệnh cho chúng tôi cười khóc tiến lui theo nhịp còi, thì thà để mặc chúng tôi sống cuộc đời heo hút. Hình ảnh một sân khấu rực rỡ náo nhiệt , anh Thanh ơi, đối với tôi không đẹp bằng hình ảnh một ngọn đèn leo lét cô độc giữa đêm khuya. Trăm người trăm tính, và tính của hầu hết những người cầm bút tôi quen, đều như vậy !

Chúng tôi có cái mẫu *nhân sinh* của riêng chúng tôi, những người cầm bút. Cái mẫu đó không hề cao hơn, đẹp hơn, rực rỡ hơn cái mẫu những nhà chính trị đưa ra. Ngược lại là khác. Cái mẫu đó thấp hơn nhiều, tầm thường hơn nhiều. Tôi xin lấy một ví dụ :

Nhà chính trị đưa ra trình diện một mẫu người hùng.

Anh ta đứng sừng sững như một pho tượng, môi bậm, mắt nhìn thẳng và sáng rực như hai ngọn đèn pha. Nếu một người cầm bút không vào guồng máy tả lại mẫu người hùng ấy, có thể anh ta sẽ vất hết các tài liệu ca tụng do cán bộ tuyên huấn phân phát. Anh ta vẫn quan sát khuôn ngực căng ấy, mái tóc húi ngắn ấy, dáng người vạm vỡ ấy. Nhưng giữa không khí trang trọng bừng bừng phấn khởi, có thể người cầm bút lại chú ý tới đường bay của một chú ruồi. Chú ruồi bay một vòng dò dẫm, rồi đậu lên mép người hùng. Người hùng cố giữ khuôn mặt tượng được nửa phút, một phút...Nhưng cuối cùng, mặt người hùng cau lại, nháy mắt vài cái để đuổi chú ruồi đi. Rồi người hùng hắt hơi.

Thanh thấy không, cái mẫu *nhân sinh* ấy thấp lè tè, không cao cả xinh đẹp như các mẫu khác. Đó là *mẫu người, mẫu đời* bình thường.

Ngủ đi em, mộng bình thường.

Vâng, chúng tôi là những người tầm thường với những giấc mộng bình thường. Với những *trách nhiệm, sức mạnh, sứ mệnh* bình thường. Một người trẻ hăm hở dùng ngòi bút lấp biển vá trời mà đọc những dòng tâm sự yếu xìu thế này, chắc chán lắm !

Làm sao được, hở Thanh ? Chúng tôi không muốn những tay

làm chính trị (dù tay mơ hay lão luyện) nâng chúng tôi cao lên tận mây xanh rồi giao cho chúng tôi những trọng trách mà chính quí vị ấy, dù có súng có tiền có danh có thế trong tay cũng chưa làm nổi.

Nói thẳng ra, chúng tôi không ưa bất cứ những ai bắt chúng tôi phải có *"đức vâng lời"*. Bây giờ thì Thanh thấy thêm một cái bệnh của lớp đi trước : bệnh bướng bỉnh.

Đấy, Thanh thấy không, đừng dại dột bước theo những bước lạng quạng của người đi trước như tôi.

Nếu muốn mạnh, Thanh hãy cầm súng. Muốn oai, hãy làm quan. Muốn giàu, làm business. Còn muốn sống cuộc đời hiu quạnh, muốn lắng nghe nhịp đập trái tim những người bình thường, vui buồn với cái vui buồn những người bình thường, mơ ước theo những mơ ước bình thường, thì hãy cầm bút. Thanh sẽ trở thành nhà thơ của đám đông bình thường chứ không phải là thi sĩ cung đình. Thanh sẽ là con chim sẻ rủ rỉ trên mái nhà chứ không phải là con hạc gỗ sơn phết loè loẹt nơi đình miếu. Tiếng hót đơn giản quê mùa của chú chim sẻ cũng có *"sứ mệnh"* của nó chứ, cần gì phải chen vào chốn miếu đình mới làm tròn *"trách nhiệm"*.

Tôi viết lá thư này với tất cả lòng thành. Có điều gì Thanh không vừa ý, đáng thất vọng, xin Thanh bỏ qua cho.

Thân ái.

Nguyễn Mộng Giác.

Tustin, tháng 12.1986.

KÝ THÁC

Tập truyện của Bình Nguyên Lộc

Sáng tác hồi 30 năm trước, vừa được tái bản tại Hoa Kỳ

Sách dày 160 trang giá 7.00 MK

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. BOX.2301, Westminster, ca 92683

Nguyễn thị Sông Hương

Tác phẩm : "Văn Học Miền Nam - Tổng Quan" của Võ Phiến.

*V*ăn-Học Miền Nam đã tồn tại 20 năm kể từ ngày đất nước bị chia đôi (1954-1975); rất nhiều nhà biên khảo viết về các bộ môn, như Phạm Thanh *(Thi nhân Việt Nam hiện đại,* 2 cuốn), Trần Tuấn Kiệt *(Thi ca Việt Nam hiện đại,* 2 cuốn, từ 1880-1965), Phan Cự Đệ *(Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại,* sau 1945), Cao Huy Khanh *(Vấn đề khuynh hướng trong tiểu thuyết Miền Nam từ 1954-1973),* Bùi văn Bảo *(Le roman Vietnamien contemprain)...;* nhưng viết về *Văn Học Miền Nam,* như việc làm tương đối qui mô của Vũ Ngọc Phan về nền văn học Việt Nam thời tiền chiến, qua bộ *Nhà văn hiện đại* (5 cuốn), thì tính cho đến nay, mới chỉ có nhà văn Võ Phiến, trong một hoàn cảnh thật khó khăn về mọi phương diện (tài liệu, tài chánh, cuộc sống...) đã cố gắng hoàn thành cuốn *Tổng quan về nền văn học Miền Nam từ 1954 đến 1975.* Thật ra cuốn sách của Võ Phiến không phải là một cuốn Văn học sử, vì thế tác giả đã dè dặt dùng hai chữ *"Tổng Quan";* nhưng chỉ là hình thức nhận định một cách tổng quát về dòng Văn học Miền Nam trong 20 năm, với số tài liệu eo hẹp mà tác giả đã sưu tầm được tại hải ngoại, dưới cái nhìn của một nhà văn, đã có mặt trên Văn đàn Việt Nam hơn một phần tư thế kỷ.

Võ Phiến tên thật là Đoàn Thế Nhơn, ngoài bút hiệu Võ Phiến, còn có bút hiệu Tràng Thiên; sinh ngày 20-10-1926 tại làng Trà Bình, Quận Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ từ năm 1975.

Theo tác giả, qua lời nói đầu, cuốn *Văn học Miền Nam - Tổng quan* (ghi ở trang bìa), nhưng trang trong ghi là *Hai mươi năm văn học Miền Nam 1954-1975,* được hoàn thành là do sự bảo trợ tài chánh của Ủy Ban Nghiên Cứu Khoa Học Xã Hội; Nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản tại California (Hoa Kỳ) vào tháng 8-1986, cuốn

sách dày 365 trang.

1. Đi vào tác phẩm.

Theo Võ Phiến, *20 Năm Văn Học Miền Nam* đã bị kẹp giữa hai cuộc di cư vĩ đại chưa từng có trong lịch sử dân tộc: 1954, hơn một triệu người Miền Bắc di cư vào Nam, năm 1975, hơn một triệu người phải rời quê cha đất tổ để sống cuộc đời tha hương, và con số này càng ngày càng tăng dần. Nhưng một giai đoạn văn học được cắm mốc không phải vì tính chất ngộ nghĩnh của lịch sử, mà vì những đặc thái của chính nó so với thời trước, và cũng không tìm thấy ở thời sau.

Cuốn sách chia làm 4 phần chính: Khái quát; Mấy nét tổng quát về nền văn học 1954-1975; Các giai đoạn; Các bộ môn; và phần sau cùng: tóm lược tiểu sử các tác giả và liệt kê một số tác phẩm đã phát hành.

- ***Khái quát** (từ trang 29-97)*—Trước hết về phía nhà văn nghệ sĩ, so với đội ngũ văn nghệ Miền Bắc, được Đảng nuôi và dạy, thì đa số giới nghệ sĩ Miền Nam có một đời sống không bị ràng buộc với chính quyền, dù họ là giáo chức hay quân nhân, cọng thêm với nghề tự do, ba thành phần này chiếm 85% giới văn nghệ sĩ Miền Nam. Về phái tính, dựa theo ý của Nguyễn Mộng Giác được đăng tải trên tờ Bách Khoa, sau năm 1966, nữ phái xuất hiện càng ngày càng nhiều: Nguyễn thị Hoàng, Nhã Ca, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn thị Thụy Vũ, Trần thị NgH, Lệ Hằng... Họ có một đời sống phức tạp cũng như ngoài đời, dĩ nhiên có nhà văn giàu và có nhà văn nghèo, nhưng giàu không do nghề viết văn, làm thơ. Về các nhóm và văn đoàn, Võ Phiến cho rằng có rất nhiều nhóm, nhưng văn đoàn thì không có một kết tập chặt chẽ như Tự Lực Văn Đoàn của thời Tiền Chiến. Có những nhóm qui tụ chung quanh một quan niệm văn nghệ như Văn Hóa Ngày Nay, sau là Tân Phong (Nhất Linh, Linh Bảo, Duy Lam...), có những nhóm qui tụ chung quanh một lập trường chính trị như nhóm Tin Văn (Vũ Hạnh, Lữ Phương...), nhóm Trình Bày (Thế Nguyên, Nguyễn Ngọc Lan...), hoặc trên một lập trường tư tưởng như nhóm Quan Điểm (Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ...). Có nhóm lại qui tụ chung quanh một tờ báo như nhóm Bách Khoa (Võ Phiến, Vũ Hạnh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Ngu Í...), nhóm Sáng Tạo (Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ...), nhóm Văn (Trần Phong Giao, Nguyễn Xuân Hoàng...). Có nhóm lại qui tụ xung quanh một nhân vật như Chu Tử qua tờ báo Sống (Trùng Dương, Tú Kếu...), như Nguyễn Đức Quỳnh (Thế Phong, Hồ Nam, Uyên Thao...). Trong giới biên khảo, chỉ thấy nhóm Nghiên

Cứu Sử Địa với Nguyễn Khắc Ngữ, Lâm Thanh Liêm..

Về phía độc giả, so với thời tiền chiến, độc giả Miền Nam không tăng bao nhiêu, trong các địa phương, thì Miền Trung là nơi tiêu thụ nhiều nhất, và dĩ nhiên, người dân thành phố đọc sách nhiều hơn người dân ở nông thôn, vì nhiều lý do có tính cách khách quan; đặc biệt phái nữ đọc sách càng ngày càng nhiều, và tuổi đọc sách càng về sau càng trẻ dần.

Về ngành xuất bản, theo Võ Phiến, phát triển mạnh, riêng tại Thủ đô Sài Gòn, có khoảng 1000 nhà in, 150 nhà xuất bản: Khai Trí, Sống Mới, Trường Thi, Trí Đăng, Nguyễn Đình Vượng...; và những nhà tổng phát hành qui mô như Thống Nhất, Nam Cường, Đồng Nai, Á Châu... Mặc dầu sống trong một tình trạng kiểm duyệt bất nhất, nhưng ngành xuất bản vẫn tiến nhanh đã đưa đến một hiện tượng mới, đó là những nhà xuất bản tài tử: Vàng Son, Phù Sa, Đất Sống...

Dựa vào số lượng sách xuất bản do Bách Khoa (từ số 289 đến 295/1969) công bố thì hai năm 1965-1966 là thời gian cực thịnh nhất của ngành xuất bản tại Miền Nam, nhiều nhất là 9000 cuốn, ít nhất là 800 cuốn, trung bình: từ 1500 cuốn đến 2500 cuốn.

● ***Mấy nét tổng quát về nền văn học 1954-1975*** *(từ trang 99-147)*—Cuộc ngưng bắn 20-4-1954, tiếp theo là cuộc di cư một triệu dân Miền Bắc vào Nam đã tạo ra cảm tưởng an bình trong quần chúng, mọi người bắt tay vào công tác xây dựng, đây là thời kỳ tưng bừng nhất của nền Văn Học Miền Nam; nhưng kể từ sau 1959, khi những cán bộ cọng sản nằm vùng bắt đầu tái xuất hiện để hoạt động, chiến tranh leo thang, cọng sản miền Bắc đổ người vào Miền Nam, tình hình chung của xã hội càng ngày càng suy sụp, trong tình cảnh ấy nền văn nghệ Miền Nam cũng đi vào thoái hóa. Sách tiêu khiển, sách dịch lấn át sáng tác, không có những tạp chí mới có giá trị ra đời. Vì kế sinh nhai, tác phẩm được viết một cách hối hả, cho nên không còn giá trị như trước.

Theo tác giả, Văn Học Miền Nam, có thể chia làm hai giai đoạn; 1954-1963, tương ứng với một xã hội ổn định, đời sống kinh tế phát đạt; 1963-1975, tương ứng với xã hội bất ổn, sa đọa, chính trị hỗn loạn, kinh tế suy sụp.

Võ Phiến đã đưa ra những đặc điểm của 20 năm Văn Học Miền Nam: tính cách chính trị, một thế hệ bị lịch sử dày vò, bị thời cuộc quật lên quật xuống nhiều quá, vì thế nên Văn Học Miền Nam 54-75 đậm mầu sắc chính trị hơn nền Văn Học Tiền Chiến; tính cách tôn giáo và triết học, một thế hệ mất niềm tin trong tình yêu, vì thế không còn biết tin vào đâu nữa: chính nghĩa, đạo lý, lý tưởng lần lượt sụp đổ, tuy thế chúng ta vẫn thấy sự tương quan giữa tôn

giáo và triết học qua hiện tượng rất nhiều tu sĩ múa bút trổ tài, và những học giả không phải tu sĩ đã viết về Phật giáo, cũng theo Võ Phiến, không có thời nào bằng thời kỳ này, người ta đã viết và đọc nhiều triết lý; thêm vào đó là tính cách cực đoan trong tình cảm; và đặc biệt là cá tính Miền Nam đã xuất hiện đầy trong giai đoạn văn học này; một đặc điểm sau cùng mà không ai có thể phủ nhận, tính chất tự do trong việc sáng tác của những người cầm bút.

Cũng trong phần đặc điểm, Võ Phiến đã so sánh Văn Học Miền Nam và Văn Học Miền Bắc trong cùng một giai đoạn: ở Miền Nam, công tác văn hóa là việc làm của những cá nhân tự do, trái lại Miền Bắc, công tác văn hóa là việc làm tập thể dưới sự lãnh đạo của đảng cọng sản; so với thời tiền chiến, phải nhận rằng mức độ phát triển của 30 năm Văn Học Miền Nam không bằng giai đoạn tiền chiến, từ thời phôi thai của chữ quốc ngữ cho đến 1945, tuy nhiên tiểu thuyết của 20 năm Văn Học Miền Nam phong phú hơn về màu sắc và dáng vẻ, nhìn chung, các bộ môn phát triển đồng đều, ngoại trừ bộ môn biên khảo, đã vượt xa thời tiền chiến. Để kết thúc phần này, tác giả đã đối chiếu với nền Văn Học Miền Nam trước 1954: thứ nhất là lớn mạnh; thứ hai, trước năm 1954, sáng tác "trong thành" phản ảnh tâm lý vọng chiến khu, thân cọng, sau năm 1954, cả một phong trào chống cọng bừng lên; thứ ba, trước năm 1954, văn học "trong thành" phản ảnh một thái độ thiếu niềm tin, sau năm 1954, Văn Học Miền Nam phản ảnh một niềm tin mạnh mẽ vào lý tưởng tự do của mình.

● ***Các giai đoạn*** *(từ trang 151-248)*—Đi vào giai đoạn 1954-1963, trước hết tác giả đề cập đến bối cảnh của tình hình trước năm 1954: Về mặt kinh tế, sinh hoạt ở vùng quốc gia khá tốt đẹp, tuy nhiên thị dân vẫn không bằng lòng, họ bất bình vì chính quyền thối nát, ở thôn quê, đời sống luôn bất an; về văn nghệ, họ công khai phỉ báng quốc gia, ngưỡng vọng "ngoài kia". Từ năm 1954, không khí hưng thịnh đã làm cho tình hình văn nghệ phát triển mạnh, nhưng từ 1959, cùng với sự xuống dốc của xã hội, văn nghệ cũng đi vào con đường suy đồi.

Trong giai đoạn này, ảnh hưởng ý kiến của Nguyễn Mộng Giác đăng trên Bách Khoa số Xuân Ất Mão ngày 24-1-1975, mặc dầu thêm vào những lập luận, nhưng cuối cùng Võ Phiến cũng đồng ý chia thành hai chặng: 1954-1960 và 1960-1963.

Mở đầu cho chặng thứ nhất, tác giả đã ghi nhận hai nhật báo Ngôn Luận và Tự Do, xuất hiện đầu tiên, đã qui tụ một số cây bút có giá trị như Hoàng Hải Thủy, Tam Lang, Hiếu Chân, Hà Thượng Nhân...; tuy nhiên theo tác giả, quan trọng nhất là những cây bút qui tụ quanh một số tạp chí, dưới hình thức nhóm: *Mùa*

lúa mới (1956, Người tù của Võ Phiến, Chữ tình của Đỗ Tấn); *Sáng tạo* (tháng 10-1956) với Mai Thảo, *Hiện đại* với Nguyễn Sa, qua những cây bút giá trị như Dương Nghiêm Mậu, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn. Theo Võ Phiến, nhóm *Sáng Tạo* đã làm một cuộc cách mạng văn nghệ, rồi đến nhóm *Văn Hóa Ngày Nay* của Nhất Linh, một bên sôi nổi cực đoan, không định hướng rõ rệt, một bên ôn hòa có hướng đi minh bạch; rồi đến *Bách Khoa* (tháng 1-1967) của các ông Huỳnh văn Lang và Hoàng minh Tuynh đã lưu lại một kho tài liệu có giá trị; năm 1956, tờ *Nhân Loại* ra đời,qui tụ một số nhà văn Miền Nam như Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam...; đến tờ *Đại Học* (1958), một tờ báo của Viện Đại Học Huế, với ngòi bút của Nguyễn văn Trung, Nguyễn Nam Châu, đã tạo được ảnh hưởng trong tầng lớp thanh niên; đến nhóm *Quan Điểm*, đặc biệt viết về đời sống của tầng lớp tiểu tư sản trí thức.

Đến chặng 1960-1963, theo Võ Phiến, đây là chặng đường của một số công việc bị bỏ dở: *Việt Nam Bách Khoa Tự Điển* của Đào Đăng Vỹ chỉ đến vần C, bộ *Văn Học Sử* của Lê vân Siêu không tiến đến đời Trần...; tuy nhiên văn nghệ vẫn tiến với một tầng lớp mới; về họa, chúng ta thấy xuất hiện Đinh Cường, Nghêu Đề....; về văn có Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Nguyễn Đình Toàn...; về phái nữ có Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo, Nhã Ca. Đặc biệt ảnh hưởng tiểu thuyết mới của Pháp, nền tiểu thuyết mới cũng bắt đầu xuất hiện trong chặng này, như *Con Sâu* của Dương Nghiễm Mậu.

Giai đoạn 1964-1975, với một nền chính trị bất ổn, chiến tranh gia trọng, kinh tế suy sụp, xã hội sa đọa, với sự xuất hiện đông đảo của đoàn quân viễn chinh Mỹ, Phật giáo trở thành một lực lượng quần chúng.

Ở giai đoạn này, các cây bút không xoay quanh một tạp chí hay một cá nhân, nhưng Võ Phiến đã chia ra thành những chủ đề. Trước hết là thất vọng, từ năm 1964, tình hình Miền Nam suy đồi, về tất cả mọi lãnh vực, đã ảnh hưởng sâu đậm đến giới cầm bút: Phan Nhật Nam, Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chươnbg, Trịnh Công Sơn...; từ thất vọng, người ta dễ đi vào "thiền vị" để quên đời: Nhất Hạnh, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn...; tuy đã dứt khoát "dấn thân" chống cọng: Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, Lê Tất Điều, Thế Uyên, và ngay cả Phan Nhật Nam, ngòi bút chỉa mũi dùi tấn công cộng sản; nhưng có một loại dấn thân khác, do ảnh hưởng tư tưởng thiên tả tại các nước Âu, Mỹ, hoặc lâu ngày ở ngoại quốc, chưa nếm mùi đau khổ của người dân trong nước, đó là những cây bút chọn con đường phản chiến: Nguyễn văn Trung, Nhất Hạnh..., số khác, được che đậy dưới lớp áo phản chiến, nhưng thực chất là cán bộ nằm vùng của cọng sản: Vũ Hạnh, Lữ

Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thế Nguyên... Một số cây bút khác lại sở trường về chủ đề "tình yêu" như Hoàng Ngọc Tuấn, Lệ Hằng, Trần thị NgH, Mai Thảo, Viên Linh... Viết chưa đủ còn địch cả những truyện về tình yêu: Quỳnh Dao, La Lan..., Francoise Sagan, Eric Segal... yêu đông đảo, nhưng còn yêu khác lạ nữa: Chu Tử, Nguyễn thị Hoàng, Phạm Thiên Thư.

Biến cố 1-11-1963 với chính sách tự do, đã tạo ra hiện tượng xuất bản báo, riêng tại thủ đô Sài Gòn đã có trên 40 tờ báo; báo nhiều thì viết nhiều để đáp ứng nhu cầu, vì thế các nhà văn nghệ sĩ đã bị kéo theo xu hướng bình dân: Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Thụy Vũ..., và loại văn thơ hài hước cũng xuất hiện trong giai đoạn loạn báo này: Sức Mấy, Đạo Cấy, Tú Kếu... Biến cố trên còn tạo ra một thời đại mới, phát sinh ra một loại văn hóa tiêu khiển: dịch Kim Dung, Quỳnh Dao , chuyện Mafia, chuyện Đức Quốc Xã... Theo Võ Phiến, trước năm 1963, được coi là thời kỳ của họa, nhưng từ năm 1964, nhạc sĩ và ca sĩ đã trở thành một hiện tượng: Trịnh Công Sơn, Từ Công Phụng, Ngô Thụy Miên, Nguyễn Đức Quang...; ca sĩ thì có Hoàng Oanh, Thanh Lan, Lê Uyên Phương, Khánh Ly... Cũng trong giai đoạn này, báo thiếu nhi bắt đầu lan tràn: *Tuổi Hồng,Tuổi xanh, Tuổi Hoa, Thằng Bờm, Thiếu Nhi*... Sống trong một xã hội đảo điên, người ta đã chán ngán và nghi ngờ tất cả, và chính những tâm trạng này đã đưa đến lời viết trâng tráo: Nguyễn thị Hoàng, Trần thị NgH, Lệ Hằng; bên cạnh đó, chúng ta thấy một phong trào về nguồn với Toan Ánh, Nguyễn Đình Tư, Quách Tấn; rồi phong trào dịch thuật; ngành khảo luận cũng phát triển mạnh: Lương Kim Định, Tuệ Sỹ, Trần văn Toàn, Nguyễn thế Anh, Nguyễn Khắc Ngữ... Và chấm dứt giai đoạn nầy, Võ Phiến đã đề cập đến bộ môn ký, rất thịnh hành: Phan Nghị (Đường mòn Hồ Chí Minh), Kim Nhật (Về R), Xuân Vũ (Đường đi không đến)...

- ***Các bộ môn*** (Từ trang 251-318)—Với bộ môn tiểu thuyết, Võ Phiến chia thành 7 khuynh hướng thuộc dòng truyền thống: luận đề (Nguyễn Mạnh Côn; Hồ Hữu Tường...), xã hội (Phan Du, Nguyễn văn Xuân...), phong tục (Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam), tình cảm (Linh Bảo, Thanh Nam...), luân lý (Nhật Tiến, Lê Tất Điều...), tâm lý (Nhất Linh, Tường Hùng), tả chân (Nguyễn Đình Thiều, Thế Uyên); dòng phản truyền thống, có 3 khuynh hướng, hai hiện sinh và một tiểu thuyết mới: suy tưởng (Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu), nếp sống (Nguyễn thị Hoàng, Chu Tử...), và bút pháp (Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Đông Ngạc...). Về đặc điểm của bộ môn tiểu thuyết trong giai đoạn này, Võ Phiến nhận định rằng, với lớp cũ như Doãn Quốc Sỹ, Sơn Nam..., hình

ảnh người dân quê thật đáng yêu, nhưng đến tầng lớp mới, thì hoàn toàn vắng bóng, còn phụ nữ thì tràn đầy; 20 năm quân dân Miền Nam chiến đấu chống cọng sản đã có những hình ảnh thật hùng vĩ, nhưng tiểu thuyết đã chưa đạt tới.

Bộ môn thứ hai là tùy bút; trước năm 1954, chỉ có Nguyễn Tuân là nổi bật nhất, sau năm 1954, chỉ có hai người: Võ Phiến và Vũ Bằng; Võ Phiến chuyên về tùy bút tâm tình, phiếm luận, có loại gần như truyện ngắn, còn Vũ Bằng thì gần với Nguyễn Tuân hơn.

Bộ môn thứ ba là thi ca, Võ Phiến cho rằng so với thơ tiền chiến, thơ của giai đoạn 1954-1075 không đánh động được tâm tư quần chúng, không phải vì lý do giá trị hay nghệ thuật, nhưng vì cái nội dung, cái tinh thần của thơ. Thứ nhất, một nền thi ca thiếu tình yêu và làm mệt người đọc; thứ hai, thiếu hình thức trau chuốt và đẹp đẽ. Ngoài ra Võ Phiến còn cho chúng ta biết có sự khác biệt giữa hai giai đoạn của Nền Văn Học Miền Nam; giai đoạn 1954-1963: về hình thức, muốn phá phách và thoát khỏi khuôn khổ, tích tập chữ nghĩa khó khăn, cầu kỳ, tối tăm; về nội dung, nặng trĩu những suy tư khổ sở, nhuốm sắc màu triết học; giai đoạn 1964-1975: hình thức chịu trở về khuôn khổ, vần điệu quen thuộc, dễ dàng, giản dị, trong sáng, với một nội dung sảng khoái, thênh thang, nhuộm sắc màu tôn giáo. Lý do về sự khác biệt, theo Võ Phiến, sau năm 1954, các nhà thơ muốn làm một cuộc đổi mới trong thi ca, vượt qua khỏi những câu thúc của thời tiền chiến, nhưng từ 1964, con người sống trong những nỗi thất vọng thường trực, vì thế câu thơ lại trở về với luật lệ cũ, ngôn ngữ giản dị thường nhật.

Bộ môn thứ tư là kịch; so với thời tiền chiến, chuyên về phong tục, xã hội và tình yêu, nhưng sau năm 1954, có nhiều xu hướng hoàn toàn mới: chính trị (Trần Lê Nguyễn, Bão Thời đại), triết lý (Vũ Khắc Khoan, *Ngộ nhận;* Nghiêm Xuân Hồng, *Người viễn khách thứ mười*).. Tuy nhiên kịch trong giai đoạn này không đến nỗi tiêu điều, có những người chuyên môn như Vũ Khắc Khoan, Trần Lê Nguyễn, Vũ Lang, Vi Huyền Đắc; còn có nhà thơ viết kịch như Vũ Hoàng Chương *(Tâm sự kẻ sang Tần)*, tiểu thuyết gia viết kịch như Doãn Quốc sỹ *(Trái cây đau khổ)*, về sau lại có những người viết kịch trẻ tuổi như Dương Kiền, Phan Tùng Mai, Phạm Đức Thịnh.. Tuy nhiên ngành kịch cũng đi vào con đường bế tắc, không lôi kéo được quần chúng, có lẽ quần chúng thường thích ca kịch hơn thoại kịch?

Bộ môn sau cùng là ký, là cái đặc biệt của nền Văn Học Miền Nam giai đoạn 1954-1975; đề tài của ký mở rộng và phong phú; giữa hồi ký và phóng sự có thể hòa hợp với nhau để trở thành ký.

Triều Đẩu viết về dân làng bẹp, Hoàng Hải Thủy viết về mấy em ca-ve, Cao văn Luận viết về chuyện bên này (Bên giòng lịch sử), Kim Nhật viết về chuyện bên kia (Về R), Lê Tử Hùng (Bốn Tướng Đà Lạt...), Đoàn Thêm (Những ngày chưa quên...), Trần văn Thái (Trại đầm đùn)... Ký trong thời kỳ này có sự khác biệt giữa hai giai đoạn: trước 1963; ít ký, đề tài quanh quẩn ở những nơi quen thuộc, hòa hợp với các bộ môn khác; sau năm 1963; nhiều ký, bám sát hiện tại, thiên hẳn về chiến sự, ký phát triển trong một bầu không khí riêng...; nhìn chung, ký của Miền Nam ngoài tính chất phong phú, còn mang tính chất thật cởi mở.

2. Một công tác cần được tiếp tay và đóng góp.

Ngày hôm nay, sở dĩ chúng ta còn biết đến tương đối tường tận về nền Văn Học Tiền Chiến, là nhờ bộ *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan. Nói thế khác, một nền văn học đi qua, với sự đóng góp của hàng ngàn nhà văn nghệ sĩ, nhà biên khảo..., nhưng nếu không được kết tập thành bộ văn học hay văn học sử, thì với thời gian, nền văn học của giai đoạn đó có thể chỉ còn là dấu mờ trong dòng văn học của dân tộc. Nhất là hiện trạng của chúng ta; tất cả những công trình sáng tạo văn nghệ, công trình biên khảo trước năm 1975 tại Miền Nam đều bị cho là "ngụy", cộng sản đã tìm mọi cách để tiêu hủy, và thay thế vào đó bằng một nền văn học khởi đi từ một chủ nghĩa Mắc-xít quái thai, với những thợ thơ, thợ văn cở Lê Duẩn, Trường Chinh..., với loại cai văn nghệ cở Tố Hữu... Tại hải ngoại, sau gần 12 năm, một số sách đã phát hành tại Miền Nam được in lại, nhưng con số thật khiêm nhường, vào khoảng 10%; và con số này cũng sẽ không tăng bao nhiêu, bởi vì tuổi của giới đọc sách Việt tại hải ngoại sẽ càng ngày càng già, hoặc còn do nhiều nguyên nhân khác nữa... Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam sẽ đi về đâu nếu không có những công trình như việc làm của Võ Phiến hiện nay; sau cuốn Tổng Quan, Võ Phiến sẽ cho xuất bản các tập: Thi Ca (tập 2), Tiểu Thuyết (tập 3, cuốn thượng và cuốn hạ), Ký, Bút, Kịch (tập 4).

Công trình của Võ Phiến thật to lớn, ngoài yếu tố khả năng, và dù có điều kiện được bảo trợ tài chánh, nhưng nếu không khởi đi từ tâm huyết tha thiết với tiền đồ văn hóa dân tộc, chắc chắn không thể làm được.

Vũ Ngọc Phan không nhận mình là nhà phê bình văn học, Hoài Thành — Hoài chân (tác giả Thi Nhân Việt Nam) không nhận mình là nhà phê bình văn học, và đến Võ Phiến cũng thế; nhưng thực tế, họ đã làm công tác phê bình văn học. Đặc biệt nhất đối với Võ Phiến, lời nói đầu của ông qua cuốn sách, là một tiếng

ngậm ngùi dài của một con người đang đi vào khoảng thời gian xế bóng, muốn mang hết sức lực, gọi là đóng góp một chút lòng thành vào gia tài của Mẹ. Từ căn bản hiểu rõ tấm lòng của Võ Phiến, nếu có những trình bày và nhận định thẳng thắn, cũng không ngoài mục đích muốn đóng góp vào công việc chung.

● ***Võ Phiến, một nhà phê bình văn học.***—Hai mươi năm văn học Miền Nam không có những nhà phê bình văn học chuyên nghiệp, mà chỉ có những người viết phê bình văn học để đăng báo như Đặng Tiến, Lê Huy Oanh, Cao Huy Khanh...; hoặc những bài cảm hứng của các văn nghệ sĩ tán tụng lẫn nhau, viết cho nhau là một điều quý, nhưng không tránh khỏi chủ quan tính; lời nhận xét của Võ Phiến rất đúng, nhưng tại sao? Văn Học Miền Nam khởi đi từ 1954, đến năm 1963, chấm dứt giai đoạn 1, mặc dầu đời sống kinh tế xã hội tương đối ổn định, nhưng người dân lại bị ám ảnh trong một không khí chính trị có tính cách áp đảo, một chiều; đến giai đoạn 2, từ 1964, xã hội Miền Nam đi vào con đường hỗn loạn, với một không khí giành giựt, sẵn sàng thanh toán lẫn nhau, đã đưa người dân và con đường chọn đời sống yên thân, tiêu cực; tình trạng này hoàn toàn không thuận lợi cho ngòi bút phê bình đứng đắn và qui mô; vì thế trên văn đàn lúc bấy giờ, chúng ta thường thấy hai loại phê bình: mặc áo thụng để chào nhau, hoặc phê bình theo kiểu "quan võ, quan văn". Lần đầu tiên, qua cuốn Văn Học Miền Nam của Võ Phiến, chúng ta cảm thấy thoải mái khi đọc những lời phê bình, những nhận định thẳng thắn, không cả nể: cả một thế hệ văn học không có phê bình, một giai đoạn tiểu thuyết vắng bóng người dân quê, tràn đầy phụ nữ; một nền thi ca không đánh động được quần chúng... Đây cũng là điểm để cho giới cầm bút tại hải ngoại nên lưu tâm: nếu cứ tiếp tục phê bình theo lối "áo thụng" hoặc "quan võ, quan văn", thì tương lai cũng sẽ không có môn phê bình.

Mặc dầu Tập Một chỉ là tổng quan về Nền Văn Học Miền Nam trong 20 năm, nhưng có giá trị của một nền tảng, bởi vì những tập sau hoàn toàn có tính cách chuyên biệt.

Chúng ta muốn biết gì về nền Văn Học Miền Nam? Giới văn nghệ sĩ, các nhóm, nhà xuất bản, nhà in, nhà phát hành, số lượng sách được in, độc giả tiêu thụ, các giai đoạn, các chặng đường, sự khác biệt giữa các thời kỳ văn học, có bao nhiêu khuynh hướng trong mỗi bộ môn, thời cuộc đã ảnh hưởng đến các giai đoạn văn học như thế nào..., tất cả chúng ta có thể tìm được những điểm căn bản qua cuốn Tổng Quan của Võ Phiến. Trước khi tác phẩm của Võ Phiến ra đời, nếu có ai hỏi về 20 năm Văn Học Miền Nam như thế nào, ngay cả những nhà giáo, đã dạy môn Việt văn tại Miền

Nam, cũng khó mà trả lời một cách ổn thỏa, nếu không muốn nói là sẽ lúng túng trước câu hỏi; điều này chúng tôi muốn nhấn mạnh đến sự cần thiết của tác phẩm đối với tất cả người Việt đang sống cuộc đời tha hương tại hải ngoại. Tại Miền Nam, hiện cọng sản đang đầu độc thế hệ trẻ bằng thứ văn hóa nô lệ, và tìm mọi cách để hủy diệt những dấu vết của nền Văn Hóa Dân Tộc; tại hải ngoại, song hành với mặt trận kinh tế, bọn Việt cọng đang có kế hoạch qui mô về việc cho phát hành các loại sách nô lệ, nhằm gây hoang mang, và tạo cơ sở lý luận cho mặt trận văn học; hiện tượng này đã được ông Ngô Hữu Ý lưu ý trên tờ Làng Văn (số 26 tháng 10, 1986, phát hành tại Toronto — Canada) qua bài "Nhận xét về bộ Tự Điển Văn Học của Việt cọng", và ông đã hô hào: "Mặt khác, các nhà văn, nhà khảo cứu ở nước ngoài nên họp nhau soạn một bộ Tự Điển Văn Học Việt Nam cho xứng đáng để đập vào mặt tụi Việt cọng" (tr.91). Chúng tôi nghĩ rằng trước khi thực hiện và hoàn tất được công tác to lớn đó, tác phẩm *Văn Học Miền Nam* của Võ Phiến có thể tạm thời được sử dụng; ngoài giá trị nội dung và lập trường quốc gia, với bút pháp theo lối tùy bút, sở trường của Võ Phiến, chúng tôi nghĩ rằng tác phẩm có thể mang lại sự thích thú cho mọi tầng lớp.

- ***Những điểm cần góp ý với tác giả "Văn Học Miền Nam.***

Trước hết về hai chặng 1954-1960 và 1960-1963; trên lập luận, chính tác giả cũng không đồng ý điểm mà Nguyễn Mộng Giác đã nêu ra, nhưng cuối cùng phải chấp nhận theo lối chín bỏ làm mười; thú thật chúng ta thấy hơi gượng ép và không thực tế, đành rằng ở chặng sau có sự xuất hiện của các nhà văn nữ, ngành họa, và tiểu thuyết mới; bởi vì thực thể của một chặng đường văn học không thể được đóng khung trong vòng ba năm, nhưng luôn luôn diễn tiến từ một quá trình. Mặc dầu tác giả có nêu lên đặc điểm của một thế hệ, cũng không trình bày được sự khác biệt nào rõ rệt, nhưng chỉ là hiện tượng tiếp nối và khởi sinh để hình thành một giai đoạn văn học mà thôi.

Một điểm khác, từ trang 225 đến trang 227, Võ Phiến đã đề cập đến loại văn hóa tiêu khiển hay văn chương tiêu khiển bao gồm các dịch phẩm của các tác giả Trung Hoa như Kim Dung, Quỳnh Dao...; trong lúc đó những cuốn truyện dịch từ các tác giả Tây phương như *Đi tìm người yêu* của A.J.Cronin (Hoàng Hải Thủy dịch năm 1967), *Thảm cảnh chiến tranh* của Alberto Moravia (Trần văn Điền dịch năm 1969), *Gái đêm* của Wade Miller (Ngọc Thứ Lang dịch năm 1974)..., và hàng trăm dịch phẩm khác, đã được Võ Phiến đặt vào một ngôi vị cao hơn, dĩ nhiên không phải là

loại văn chương tiêu khiển. Trình bày đến điểm này, có lẽ chúng ta còn nhớ, lúc nhỏ, mỗi lần xem phim, thấy mấy anh chàng da trắng đánh đập, hạ đo ván mấy người da đỏ, da đen thì chúng ta vỗ tay, trái ngược lại, thì chúng ta lo sợ... Thú thật Võ Phiến hơi bất công; ai bảo rằng những tác phẩm của Kim Dung như *Cô gái Đồ Long, Tiếu ngạo giang hồ*... không có giá trị văn chương và hàm chứa một thứ triết lý quần chúng sâu sắc, nếu không thì làm gì Nguyễn Mộng Giác phải mất thì giờ để viết cuốn *"Nỗi băn khoăn của Kim Dung"* vào năm 1972; hoặc những tác phẩm của Quỳnh Dao, qua khả năng dịch thuật của Liêu Quốc Nhĩ, phải nói là một hiện tượng trong xã hội tiêu thụ sách báo tại Việt Nam trước 1975, và ngày hôm nay, vẫn còn tạo được âm hưởng tại hải ngoại. Một hiện tượng có tác dụng đến quần chúng như vậy, nhà biên khảo văn học không thể đơn giản viết vài dòng cho có, rồi tặng nhãn hiệu "Văn chương tiêu khiển".

Về tiểu thuyết, có lẽ Võ Phiến chỉ làm quen với các nhà văn xuất thân từ các Nhóm Báo như *Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Hóa Ngày nay, Bách Khoa*..., vì thế có một số tác giả chỉ viết truyện ngắn, và chưa có tác phẩm được xuất bản nhưng cũng được tác giả 20 Năm Văn Học Miền Nam lưu tâm đến, như trường hợp Hoàng Anh Tuấn, Định Nguyên...; trái lại có những tác giả đã có hàng chục tác phẩm được xuất bản như Nghiêm Lệ Quân (Đường tình mây trạm, Người săn ảo ảnh, Thương mà để đâu, Lệ máu, Mái tóc dạ hương...), hoặc như Hoàng Ly với bộ Giặc cái (4 cuốn)..., thì không được nhắc đến; phải chăng vì thiếu tài liệu, hay vì những tác giả đó còn thấp hơn loại "Văn chương tiêu khiển?"

Khi đề cập đến nền thi ca giai đoạn 1954-1975, Võ Phiến đã than thở rằng khó tìm tài liệu để nghiên cứu, vì không đánh động được quần chúng, cho nên không hấp dẫn được giới xuất bản; tại sao, Võ Phiến đã giải đáp: "Những trạng thái tâm hồn bất thường, dữ dội làm người ta bàng hoàng sợ hãi, né tránh. Nó không thu hút quần chúng. Sự thể hiện độc đáo, lạ lùng của nó chỉ gây thán phục nơi một thiểu số, nơi giới văn nghệ sĩ, phê bình gia mà thôi." (trang 288).

Điều nhận xét của Võ Phiến đúng, tuy nhiên ngoài những nhà thơ quen thuộc, vì được một số báo chí, "thân hữu", giới văn nghệ sĩ "thân hữu" tán tụng lẫn nhau, xin đề nghị tác giả thử bước thêm những bước nữa để lắng nghe lòng mình hòa điệu với tiếng thơ của những nhà thơ ít được nhắc đến vì không đi vào trong quỹ đạo "áo thụng", như Tô Giang, Phương Đài, Chế Vũ, Tô Nhược Lan,Thái Dương, Ngô Xuân Hậu.

Từ trang 221, Võ Phiến có nêu lên một hiện tượng rất độc

đáo, sau biến cố 1-11-1963, với chính sách tự do báo chí đã là nguyên nhân đưa đến thị trường tràn đầy các loại tiểu thuyết theo "xu hướng bình dân", theo loại "văn thơ hài hước", loại "văn chương tiêu khiển"...; như thế nhựt báo cũng đã đóng vai trò quan trọng đối với nền Văn Học Miền Nam, không những ở giai đoạn 1964-1975, mà có thể ngay cả giai đoạn 1954-1963; đề nghị ông Võ Phiến, ngoài các loại tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san..., thử làm một cuộc kiểm điểm về làng báo, nhân tố đã ảnh hưởng không ít đến nền Văn Học Việt Nam Cộng Hòa.

Kết luận

Tác phẩm "VĂN HỌC MIỀN NAM – TỔNG QUAN" là cuốn sách duy nhất hiện nay tại hải ngoại, có thể giúp người đọc có một số ý niệm căn bản về 20 năm Văn Học thời Việt Nam Cọng Hòa; đây chính là chân giá trị mà Võ Phiến đã mang hết tâm huyết để hoàn thành trong mục đích cố gắng bảo tồn GIA TÀI CỦA MẸ; sau tập này, tác giả sẽ lần lượt ra các tập khác, chuyên biệt về bộ môn như Thi ca, Tiểu Thuyết và Ký, Bút, Kịch. Trong chúng ta, những người tha thiết với tiền đồ dân tộc, đều mong muốn nhà văn Võ Phiến, có thể vượt qua những trở lực, sớm hoàn thành công trình đóng góp to lớn này.

Tại Việt Nam, cọng sản đã có kế hoạch qui mô để hủy diệt nền văn học của dân tộc, nhưng nhân dân ta vẫn âm thầm chống lại bằng thứ văn chương đối kháng:

Mỗi năm một mét vải sô
Làm sao "che được" cụ Hồ em ơi?

tại hải ngoại, không những chúng ta có bổn phận bảo tồn, nhưng còn tìm cách phát triển để cho Nền Văn Học Dân Tộc sẽ tồn tại mãi mãi. Để hoàn thành mục tiêu đó, qua cuốn Văn Học Miền Nam, có một số điểm Võ Phiến đã nêu ra, cũng đáng cho giới cầm bút tại hải ngoại lưu tâm. Văn Học Miền Nam đã không có những nhà phê bình chuyên nghiệp; tiểu thuyết sau năm 1963 đã xuống dốc, vì một số cây bút phải viết cho nhanh để đáp ứng nhu cầu của trên 40 tờ nhựt báo, và các báo định kỳ khác; thi ca không đánh động được quần chúng. Hiện tượng này cũng có thể tái diễn tại hải ngoại, nếu sáng tác phẩm không đủ thời gian thai nghén, và thường được bao che bằng lối tán tụng thân hữu, hay tâng bốc theo kiểu "Văn chương áo thụng". Lời của Võ Phiến đáng được chúng ta suy ngẫm.

NGUYỄN THỊ SÔNG HƯƠNG

Đỗ Quí Toàn

Buổi trưa ra đường

Buổi trưa ra đường nắng nhợt nhạt
Nhớ ra mùa thu đang trở về
Nhớ những ngọn đồi vàng cỏ dại
Những đỉnh xa mù mịt mây che.

Nhớ người đi khuất trên đầu dốc
Nhớ tà áo trắng sau hàng thông
Nhớ bàn chân mấp mô sỏi đá
Nhớ mắt nhìn theo núi mênh mông.

Buổi trưa xe đầy đường nhộn nhịp
Mà sao tai bỗng dưng nín thinh
Ở đâu, có tiếng ai vừa thở
Hay tiếng cười ai qua thoáng nhanh.

Buổi trưa người ra đường tấp nập
Mà sao ngã tư giờ vắng không
Chàng đứng yên hai tay chờ đợi
Nhớ khi ôm trần gian trong lòng.

Ước chi

Ước chi chúng ta phiêu du trên trời
Qua vũng mây xanh đến vùng núi biếc
Tay dắt tay, đi khắp cùng trái đất
Ước chi ta làm ngọn gió giong chơi.

Mùa mới sang thu rừng vừa mới chín
Ước chi chúng ta nằm ngủ trên đồi
Tỉnh giấc ban trưa đoái nhìn lũng thấp
Mùa thu đỏ lừ như trái cam tươi.

Ước chi chiều nắng khi ta bay về
Mây lụa choàng khăn trên vai núi gấm
Rừng đổi màu theo những bước chân thu
Những bước tà dương trên hồ nước lặng.

Ước chi ta hoá thân làm đôi chim
Về đậu trên cành bạch dương góc núi
Những sớm tinh sương, những chiều đỏ ối
Bên nhau chia sớt nỗi niềm quan san.

Nguyễn văn Sâm

Sống đời trôi giạt

Nắng chiều nghiêng nghiêng trải dài những tia ấm trên khung cửa. Một vài con chim xập xòe phía trước, dãy nhà bên kia đường im-lìm, không một chiếc xe chạy ngang, không một ai ra vào. Khung cảnh tịch mịch, êm đềm. Chuyên rời khung cửa sổ, uể-oải nhìn gian phòng bề bộn, thở dài. Sách vở tư bề nhưng chữ nghĩa đã bay khỏi đầu óc như ngày tháng trôi qua. Từng dãy, từng tràng con số, hàng chục, hàng trăm quy luật bút toán được tô đỏ xanh, nhảy múa bản luân vũ loạn cuồng, đánh vào tâm trí, đứt đoạn, rã rời từng mảnh không nối kết được nhau như hình ảnh vũ công ẩn hiện dưới ánh đèn màu tắt chớp. Chuyên đưa tay ôm đầu. Nặng trĩu đá đeo, nhức nhối đinh đóng. Bài vở chất chồng ngập đầu theo khoá học nhưng sự đau khổ ngấm ngầm cũng gia tăng theo từng cái nhìn đầy ác cảm của người đàn bà chấp nối với cha. Chuyện tiền bạc gửi về, trước đây Chuyên nghĩ chỉ xuất phát từ lòng ích kỷ của con người, giờ sự hiện diện của nàng đánh dậy thêm tình cảm ganh tức để thành những câu bóng gió xa xôi vừa trẻ con vừa cay độc. Mẹ ghẻ con chồng, Chuyên nghĩ đến thói tục sai lầm xa xưa ở quê nhà khi con người không dư dả trong vấn đề cơm ăn, áo mặc, khi xã hội làm ngơ trước những đối xử tàn tệ với trẻ con. Sau hơn một năm đối đầu với sự thật, Chuyên nhận chân vật chất chỉ dự phần thật khiêm nhường vào chuyện đố kỵ. Người đàn bà vị kỷ nào cũng có lý do để tự dày vò mình và làm tủi thân những phần tử liên hệ với chồng mà vì lý do nào đó phải sống thân tầm-gửi. Chuyên nhớ tới những ngày ở đảo, lúc trời hơi bớt nắng, ngồi tò-mò ngắm mấy đứa trẻ rắn mắt bắt những con ốc mượn hồn đáng thương cố kéo ra khỏi vỏ làm tội làm tình. Con tôm nhỏ đã bị biến dạng, dật dờ, khổ sở, cố chui trở vào cái vỏ để được an thân nhưng cuối cùng cũng bị kéo ra quăng xuống cát. Như nàng, hằng ngày phải gánh chịu những câu nói đúng lúc và đúng chỗ, nặng hơn những cú đánh trời giáng bủa lên đầu kẻ nghịch ngược. Tới một ngày nào đó không chịu nổi cũng phải bỏ nhà ra đi thôi. Hôm qua

nhân bàn về con cái trong gia đình Mỹ, dì Hoa đã hùng hồn:

— Con nít Mỹ vậy mà hay, 18 tuổi kể như đã thành nhân, ra riêng, không nhờ vả cha mẹ nữa, mà cha mẹ cũng hết lo cho con cái. Lúc đó chúng đã là người lớn rồi, không thèm ăn bám, còn trẻ con Việt Nam được nuông chiều quá nên ỷ lại, ra đời thua tụi Mỹ.

Đồng hồ trên tường rã rời đánh chín tiếng, ngân nga, ma quái như trong phim kinh dị, đồng hồ điểm thời gian ác nhân sẽ hiện ra giết nhân vật nữ trẻ trung. Tôi ngó lên khoảng vách sơn màu ngà, và chợt rùng mình. May quá còn cha tôi trước mặt. Cha ngó tôi. Tôi cúi đầu xuống xới xới mấy miếng cơm lạnh tanh trong chén. Cơm nuốt hết vô rồi. Cơm sạn đá lấp ngăn cuống họng. Cơm kết lại từ những nước mắt thâu đêm. Cơm hóa thân từ những bóng bẩy xa xôi đánh vào lòng tôi không để lại dấu vết. Bên ngoài tôi vẫn vui vẻ với Ngoại, vẫn cười đùa với Trinh nhưng bên trong, tim phổi và trí não đã bị phá nát, giã quét thành một thứ bầy nhầy không hoạt động gì được nữa.

Cha lên tiếng từ tốn che giấu bất mãn:

— Cũng tùy gia đình. Thiếu gì gia đình nuôi con tới khi thành tài. Bác Sĩ — Nha sĩ — Luật sư — Có gia đình nuôi một cách chăm chỉ và tận tình đưa con bị mental health tới khi hai ông bà qui tiên, thằng nhỏ lúc đó hơn bốn mươi tuổi bị anh nó hành hạ để đoạt gia tài, báo chí mới biết mà phanh phui.

Giọng cha nhẫn nhục như cố gắng thuyết phục gì đó. Lòng từ tâm, tinh thần trách nhiệm, sự nhân ái hay tình gia đình? Ai cũng bị túi tiền của mình che lấp con ngươi, che lấp đường về hậu vận. Dì Hoa chắc muốn tôi sau nầy nếu không hiếu thảo với dì ít ra cũng thân thiện, nhưng dì đã bị những tính toán lợi hại khiến chỉ thấy hiện-tại. Dì nói cho thỏa ý, cho sướng miệng, bất chấp lời nói ra khỏi miệng dì biến thành muôn triệu độc châm bay vù vù trong không khí tấn công không thương tiếc những người có mặt.

— Họ tiền muôn bạc triệu, nuôi là người khác nuôi chớ họ đâu có cực gì. Phải đứng rục giò, rục cẳng lượm từ cắc từ đồng coi họ có nuôi không cho biết. Bì sao được. Con tui tới mười tám tuổi tôi cũng tống cổ ra khỏi nhà. Xứ Mỹ nầy đâu có ai chết đói. Có tự lập mới có thể khá được. Nhờ vả, ỷ lại trong gia đình ra ngoài không có ý chí đấu tranh, thiếu tháo vát, khó sống.

Dì nói mà không nhìn tôi, cũng không ngó con Trinh, nói như chỉ đưa ra một ý kiến để thảo luận, thật thà, không hậu ý. Dì ngây thơ thành thật như anh chàng bụng phệ chủ siêu thị, xuất thân từ Chợ-lớn, luôn luôn tính lộn tiền, nhẹ nhàng xuýt xoa xin lỗi khi thân chủ phát giác.

Con Trinh uống ọc một hơi gần hết ly nước bự, bình thường con nhỏ ăn uống từ tốn lắm, bây giờ trước câu nói của mẹ, nó coi

bộ cũng nhột nhạt, cũng mất bình tĩnh. Ngoại không bao giờ ăn chung, bữa cơm nào Ngoại cũng lục đục trong bếp. Tôi nghe Ngoại vặn nước ào ào xuống bồn rửa chén. Chắc Ngoại không nghe. Cầu trời cho Ngoại không nghe. Cầu nói đó của dì Hoa có thể làm buồn lòng Ngoại. Mẹ nào muốn con mình là người xấu. Mẹ nào muốn con mình thốt ra những lời bất xứng? Ngoại đi chậm rãi lại cái trang nhỏ xẹt quẹt đốt nhang. Mùi nhang thơm thoang thoảng.

Tôi, nước mắt nếu không giỏi kềm chế đã nhỏ xuống chén cơm. Tiếng nhạc nhè nhẹ phát ra từ cái stereo trở thành âm thanh sắc bén lẻng-xẻng của xích sắt lê-lết dưới chân người tử tội lúc lên đoạn đầu đài. Tôi không có lý do để lên tiếng rằng dì hậu ý. Tôi cũng chưa đủ ngang hàng để phát biểu ý kiến như một người thảo luận về những vấn đề chung ở ngoài tôi, ngoài dì, ngoài cái gia đình nầy. Tôi được Mẹ dạy ngay từ khi mới tập tễnh biết suy nghĩ rằng không kết tội ai khi chưa đủ yếu tố buộc tội. Mẹ nhắc hoài rằng nên kính trọng người lớn tuổi. Tôi muốn làm một đứa con chồng ngoan ngoãn, thương Ngoại, thương dì, thương em, nhưng sao dì cứ làm tảng đá lấp đường kết thân, ngăn chận lòng thành của tôi.

Gian phòng chìm ngập trong sóng nước bập bềnh khó thở. Cha tôi nhún vai:

— Ở Mỹ nhưng không nhất thiết phải theo Mỹ tất cả mọi thứ. Họ có cái hay của họ và ta có cái đáng quý của ta. Ta học ở họ cách sống thực tế nhưng tình cảm gia đình ta phải trân trọng. Đẩy con cái vào đời quá sớm, chúng làm sai hỏng đời, sau nầy ta sẽ hối hận. Con Việt Nam mà, tốn kém bao nhiêu đâu! Cần là cái tình!

Tôi và đại và đùa hơn nửa chén cơm lạt nhách còn lại trong chén nãy giờ rồi nặng nề đứng dậy xin phép vô phòng. Tôi sợ chứng kiến hay là ngọn lửa châm ngòi của những cãi cọ. Còn nhớ rõ ràng lúc ba bốn tuổi, mẹ để ngồi trên bàn, tôi loay hoay thế nào mà té dập mặt xuống đất. Cha nóng ruột tát mẹ một cái đau điếng. Cha lúc đó sao dữ quá. Tôi không nhớ gì hết về nỗi đau đớn trên đầu, tôi chỉ nhớ mình đã sợ hãi cha, đã tội nghiệp mẹ. Tôi mang máng thấy nhà không vui vì chuyện của tôi. Cả tuần tôi tránh cha, cha trên lầu, tôi xuống dưới nhà. Cha ở phòng khách, tôi lên xuống nhà bếp hay chạy chơi ngoài trước mặt dầu trời nắng chang chang. Tôi cũng không gần gũi mẹ vì mẹ có vẻ trầm ngâm hơn, không thân thiết ôm ấm tôi như trước nữa. Tôi không nhớ rõ chuyện đó kéo dài bao lâu nhưng tôi biết lúc đó mình không thấy vui. Giờ, hai mươi mấy tuổi đầu, nhà không vui vì tôi, mặc cảm sẽ càng lớn hơn. Ít ra không có tôi ở đó để đề tài có thể thay đổi được. Vả lại, để đỡ tủi thân.

Bên ngoài tiếng dì Hoa cố chữa lại ý mình, tôi nghe tiếng được tiếng mất, qua tầng cửa...

— Tôi không cố ý nói trường hợp con Chuyên. Con nào cũng con. Anh biết, tôi vụng về cách diễn tả...

Câu chuyện như một nhát dao chặt xuống cắt đứt tình cảm hai đàng, như móc mất tôi ra, không cho tôi học bài, như một bức tường thép vô hình giữa hai người được xây lên, như một túi đá đặt lên đầu tôi, nặng nề.

Giờ lại thêm tin tức bên nhà. Con Bình báo tin anh Hùng làm đám cưới với chị Ngọc. Nó không viết dài dòng, không bình luận. Bao nhiêu đó đã đủ. Chắc nó bên đó cũng tức giùm tôi. Không thể có câu nói báo tin suông đối với một chuyện như thế. Tôi biết con Bình thương tôi và nhiều xúc cảm, nó có thể đã gây gổ với Hùng không biết chừng. Ngọc là bạn chung của hai đứa lúc tôi còn ở bên nhà. Tôi bỗng nhiên rã rời như một đống xương khô xụm chất chồng lên nhau, như một cái màn lớn, cũ rách, đứt dây treo rớt xuống bèo nhèo...

Ngày mới tới đảo, hai ngày một thư, bốn tháng tính ra gần năm chục bức. Chữ nghĩa nào đâu nhiều vậy, ý tình từ đâu ra lấp đầy những tờ giấy yêu thương? Không biết! Chỉ biết viết là viết. Cây bút, tờ giấy giúp tôi vượt không gian về Việt Nam, thần thông biến hóa giúp Hùng hiện diện cạnh tôi che chở những tấn công tới tấp của anh em độc thân nhan nhản chung quanh vốn quá nhiều rỗi rảnh trong thời gian đợi chờ. Tôi nhờ, năn nỉ bà con sang Mỹ bỏ giùm thơ. Ra đi, lên đường là chín phần hết thấy nhau ai lại từ chối một hai con tem. Họ vui vẻ nhận, tôi hãnh diện vì mình dàn trải lòng ra với Hùng. Tôi tự khen mình thành thật với quá khứ, tôi chất ngất trong sự tưởng tượng ra vẻ rạng rỡ vui mừng của Hùng. Tôi ngóng trông thư người yêu hằng ngày khi anh phụ trách thư tín đi lên văn phòng của ông Cha nơi toàn thể trại lấy địa chỉ. Một thư, hai thư, rồi ba thư, Hùng vui mừng, chúc lành và mở ra viễn tượng tương lai của tôi. Hùng cũng bóng gió rằng mình sẽ cố gắng *"tung cánh chim vượt qua đại dương về khung trời có con chim nhỏ đang cất tiếng hát buồn mong chờ."* Tôi thích câu đó, cải lương nhưng như một lời xác quyết, một hứa hẹn, một quyết tâm. Lắm lúc tôi ước ao trong số những người thất tha thất thểu, bệ rạc, lờ đờ thỉnh thoảng được tàu vớt chở đến đây có Hùng trong đó. Chúng tôi sẽ ôm chầm lấy nhau trước những cặp mắt ngạc nhiên của tất cả mọi người. Rồi chúng tôi đi dạo, đi chợ, đi học chung. Có lẽ sẽ lên đường chung, cùng xây dựng tương lai ở quê người. Đời tôi sẽ dễ dàng biết bao khi có Hùng. Tình ý khi thức. Mong chờ trong giấc ngủ. Nhưng rồi khi đến Mỹ, tôi bị cuốn hút vào đời sống bận bịu, mấy tháng đầu mỗi tuần một thư, rồi cả tháng mới viết nổi nửa trang, ba tháng nay chưa viết được chữ nào. Tình yêu trong tôi không giảm, nhưng sự mòi mọc chờ đón của Khoa chiếm

hết thời gian để nhớ về, lấp đầy kín lòng, không còn chỗ cho nỗi mong chờ.

Tôi chưa có gì với Khoa, chỉ giao thiệp bạn bè của đời sống văn minh: bowling, nghe ca nhạc, đi khiêu vũ, dự party, shopping. Ở đâu chúng tôi cũng tươi cười giới thiệu nhau như bạn thân và luôn luôn tôi nói bóng gió cho mọi người biết trong tim tôi hình ảnh Hùng còn ở Việt Nam không thể xóa nhòa, không thể thay thế.

Tình cảm tôi giả dối với lòng tôi? Chạy theo đời mới nhưng vẫn mặc cảm với đời cũ? Tôi níu kéo quá khứ như một cái phao ngăn chận đời chìm xuống dưới muôn trùng lớp sóng của những cuộc vui sang trọng, chói lòa mà không thể tưởng tượng ra được khi còn ở Việt Nam. Tôi thích đọc thư của Hùng, ngấu nghiến những câu tình tứ yêu thương gởi từ tận bên trời xa. Tôi hãnh diện vì được nhớ, được thương, nhưng tôi cũng vui thích khi được Khoa chiều Khoa chuộng, Khoa đón Khoa đưa. Tôi cho là chuyện đương nhiên khi được Khoa mời mọc, quí trọng. Những lần va chạm tay ban đầu tình cờ có tính toán, những lần nắm tay tha thiết cố tình, những bàn tay dìu hông âu yếm Tây-phương xóa tan trong tôi lúc đó những điều thiết tha đã viết. Tôi quên. Tôi cởi lớp. Tôi đứt đoạn với quá khứ, để thành tôi. Chuyên của hiện tại.

Lắm đêm, một mình trước bàn học, nhỏ Trinh đã còng lưng ôm con gấu ngáy ngon lành, tôi phân-tách lòng mình và ước ao Hùng bỏ cuộc, quên tôi để tôi đỡ mang mặc cảm phản bội. Tôi sống trong sự mâu thuẫn thường trực, miệng, lòng nói không yêu, nhưng nhận lời đi đây đi đó. Viết thư kể lể nhớ nhung, nhưng khi buồn bực tôi quên tất cả để quăng mình vào trong từng từng lớp lớp bủa vây của hiện tại. Tôi lắm lúc biện minh cho cha. Ai có hoàn cảnh mà không bỏ cuộc sau những năm tháng vô vọng đợi chờ? Tôi còn vậy, huống chi cha đàn ông đang ở tuổi trung niên?

Biện hộ như để gỡ tội mình. Thông cảm như xóa tan mặc cảm tội lỗi khi được mời mọc, cầu xin.

Thư nhỏ Bình tới đúng lúc. Chỉ chờ có vậy, không trách phiền. Hùng có lý do, người yêu nghèo khổ trong vòng tay vẫn hơn một bóng hình sang trọng nhưng xa xôi diệu viễn, mờ nhạt khói sương không biết bao giờ mới trở thành hiện thực. Vả, biết đâu được sự biến thiên của cuộc đời! Yêu nhau ngày xưa, tình ý vô-vàn ngày trước, đồng ý. Nhưng tình yêu như một sinh vật sinh ra, trưởng thành, lên đến cực độ rồi héo tàn nếu không được vun phân tưới nước. Biết bao nhiêu cuộc tình tàn úa quanh tôi mặc dầu hai người yêu ở cạnh bên, huống hồ gì thời gian cách trở, không gian muôn trùng. Tôi không tin tôi. Tại sao tôi bắt Hùng ấp ôm hi-vọng? Chuyện phải vậy thôi. Trách phiền chi làm khổ mình vô ích. Tôi sẽ gởi về một món quà gì đó rất có ý nghĩa nói lên sự thông

cảm, tha thứ và có tác dụng gợi ý về cuộc tình ngày trước. Hùng sẽ nghĩ tôi rộng lượng, sẽ yên tâm xây cuộc đời nhưng lòng luôn luôn nhớ, phục tôi. Và tôi khỏi thắc mắc gì về những điều mình làm bên nầy. Gánh nặng trút xuống ngon lành. An tâm, thoải mái.

Tôi lấy giấy mực ra, định viết một bức thư thật cao cả, thật tình tứ, thật cảm thông, bỗng nhiên nước mắt từ vực sâu đau khổ tràn ra không cầm được. Thế là chấm dứt cuộc tình, thế là bay bổng khung trời cũ trong đó tôi e-ấp nhận trong nỗi bàng hoàng thích thú nụ hôn đầu đời ở khu Đức Mẹ Fatima, tiếp theo đó là những nụ hôn nồng cháy rung động toàn thân ở chỗ hồ tắm Đại Đồng ở trong khu vườn chỗ cư xá Thanh-Đa, một ngôi chùa vắng ở vùng Thủ Đức. Quá khứ bị vùi chôn ngay khi Hùng chia tay tôi ở chợ Sàigòn, đứng nhìn tôi bên dưới, tôi ngồi trên xe buýt nước mắt lưng tròng. Quá khứ đã bị hòa tan theo thời gian và sự cách xa. Hùng có lý để bỏ cuộc. Tôi đâu chắc mình vững lòng chờ đợi. Hòn đá vọng phu cô lẻ ngày xưa có được chắc là tâm hồn người cô phụ đã trải qua những trận chiến kinh hoàng và nàng đã được hỗ trợ bằng những cặp mắt dòm ngó xoi bói của người chung quanh và được bảo vệ bằng cuộc sống nghèo nàn đơn giản. Tôi, tôi không có những thứ đó. Tôi bị đẩy xô để làm theo thiên hạ, theo thời, theo vật chất và những cuộc vui kích động. Hùng không có lỗi khi xé tan khẩu ước cuộc tình. Tôi không có lỗi khi mình chỉ là một con vật nhỏ dật dờ theo cơn sóng. Nhưng sao tôi nghe muôn ngàn đổ vỡ tàn khốc trong hồn, nghe hụt hẫng như mình không có quá khứ, hôm qua được sanh ra và hôm nay là tôi của hiện tại, nghèo nàn, tâm hồn trống không... Chuyên đứng dậy.

Xếp lại ngay ngắn mấy quyển sách. Những quyển sách thần diệu hóa giải những giờ phút trong rừng mơ mộng về quê cũ và cuộc tình, giờ trở thành trơ trẽn lãng nhách. Bức thư mới viết được mấy dòng vẫn còn đó trước mặt nhưng không tài nào có thể hoàn thành hôm nay. Lạ lùng. Chuyện chắc chắn xảy ra, điều mong chờ, ước vọng, bây giờ xảy đến lại nghe bùi ngùi, một thoải mái, nhẹ nhàng và bực bực nho nhỏ hòa lẫn nhau kéo theo những giọt nước mắt và nụ cười nhếch môi.

— Mẹ ơi! — Chuyên kêu lên nho nhỏ — Mẹ không có đây để con hỏi phải làm sao cho đúng. Mẹ ở xa quá con không được kể lể nỗi niềm. Ra đi cảm thấy cuộc tình bay bổng, quê người chỉ còn kỷ niệm làm món tài sản cuối cùng, giờ kỷ niệm cũng bay theo sự thực tế của người yêu. Mẹ! Tại sao mẹ không qua sớm để con gục đầu vào vai khóc cho vơi nỗi sầu?

Chuyên đưa tay vặn tắt đèn. Ánh sáng vàng vọt từ một ngọn đèn đường phía xa xa chỉ đủ giúp Chuyên đi lại quăng mình trên nệm. Trong bóng đêm, Chuyên nghe tiếng thở dài của mình cùng

nhịp với hơi thở mạnh chìm sâu trong giấc mơ của Trinh, nàng nói như để an-ủi mình:

— Thôi thế cũng xong! Cho qua! Khỏi bận tâm, bận lòng. Rồi ra với thời gian mọi chuyện sẽ vào quên lãng, tôi già, con đàn cháu đống. Hùng lụm khụm với gánh nặng nghèo khổ của một đời bị tận dụng, bóc lột. Một lúc nào đó ơ hờ người nầy nhớ đến người kia chỉ còn chép miệng than: Quá khứ. Xa xưa. Duyên mà không nợ! Xa xa tiếng xe lửa hú lên một hồi còi não nuột trong đêm vắng. Và Chuyên bật khóc. Tiếng khóc nghe rõ mồn một trong đêm vắng, sụt sùi. Bên giường kia nhỏ Trinh cựa mình, ú-ớ.

Nguyễn văn Sâm
(Trích Sóng đời trôi giạt)

TÌM MUA NGAY TẠI CÁC HIỆU SÁCH NƠI BẠN Ở:

THƠ HIỀN

của nhà thơ nữ

NHƯ CHI

**Thi phẩm đầu tiên do nhà Văn Nghệ xuất bản*
** Một tập thơ chan chứa tình yêu, tình quê hương cùng những khao khát tìm kiếm ý nghĩa của đời sống trong cảnh lưu vong.*
** Tập thơ trang nhã, thích hợp để làm quà tặng cho người thân yêu trong dịp Giáng Sinh và Mùa Xuân Đinh Mão.*

Nhà Văn Nghệ xuất bản
Giá tại Hoa Kỳ 6 Mỹ kim

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa muốn mua xin liên lạc với : **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster, Calif. USA, 92683.
Phone : (714) 832. 8445
Ngân chi phiếu xin đề tên : VAN NGHE
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

Nghiêm Xuân Hồng

Gửi họ Vũ

Ngươi đã đi rồi ta vẫn đây
Ngàn năm mây trắng, gió thu gầy
Sững sờ lê bước trường quan tái
Chẳng hiểu bao giờ rũ cánh bay...

Ngắt cành dương liễu tiễn đưa ngươi
Tụng nửa câu kinh vọng tiếng cười,
Văng vẳng đâu đây còn nhịp phách
Của người con gái áo hoa xưa.

Có nhớ rượu chăng rượu ngậm ngùi
Hồ-trường bảng lảng rót buồn vui,
Rót nơi muôn thuở không-hư ấy
Tưới nở hoa đèn trí-tuệ say.

Bốn chục năm qua làn gió thoảng
Có còn chăng vài nét tà huy,
Còn chăng vẻ mặt ngậm cười ấy
Và giọng chửi thề tịch mịch say.

Ta-cũng-nhớ-ngươi-chẳng-nhớ-ngươi
Nhớ ngươi như nhớ bóng thu gầy,
Ngàn xưa nhiều kẻ ra đi quá
Ai ở ai đi biết nói gì ?

Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Thái Tuấn

Một mùa thu không buồn.

*M*ùa hè ngắn ngủi sắp đi qua, những ngày nắng ấm thưa dần, buổi sáng sớm đã thấy lành lạnh và những buổi chiều ập đến vội vã hơn. Tôi nhìn những cụm hoa trong công viên cũng đã kém phần rực rỡ. Hàng cây cao tuy cành lá còn xum xuê, đã pha màu vàng úa. Mùa thu nơi đây đang trở về, lặng lẽ kín đáo, nhè nhẹ mà đến. Không tưng bừng như xuân, không rực rỡ như hạ, cũng không đột ngột như đông. Nó đến thật êm đềm, mang theo một nỗi buồn như các nhà thơ thường tả, man mác và không duyên cớ. Mùa thu ở đâu mà chẳng buồn! Ở quê mình hay ở nơi đất khách. Nhưng, buổi chiều thu hôm nay ở đây sao đối với tôi không còn man mác; mặc dầu nó vẫn lảng đảng trên lá cây ngọn cỏ, vẫn bàng bạc theo đám mây trôi. Buổi chiều thứ bảy, người dạo chơi trong công viên khá đông; lũ trẻ con nô đùa trên bãi cỏ, những đứa trẻ thật hồng hào khỏe mạnh áo quần sạch sẽ, những bà mẹ y phục tề chỉnh tươi vui trò chuyện trên những ghế băng dài. Cảnh vật mùa thu ở đây quá huy hoàng rực rỡ. Tôi nhìn chiếc đồng hồ tay, vội đứng lên đi, đi cho kịp giờ khai mạc phòng tranh của một người bạn.

Khi tôi bước vào, phòng tranh đã khá đông, tôi đưa mắt tìm anh bạn, thấy anh đang mãi tiếp chuyện với khách, tôi giơ tay làm hiệu và đi lại chỗ mấy người quen. Màu sắc của những chiếc áo dài, mùi nước hoa, mùi khói thuốc, tiếng ồn ào cười nói át cả mối buồn mùa thu của tôi. Tuy là được mời đến để xem tranh, nhưng chen chân không lọt, làm thế nào mà xem được tranh, thì âu cũng là dịp tốt gặp nhau trò chuyện cho đã.

Khi khách khứa đã thưa dần, tôi nhìn thấy ba miếng giấy *Réservé* gắn trên ba bức tranh, tôi hỏi đùa họa sĩ: "Xã hội này còn có đến ba kẻ khùng?

Anh cười: "Làm gì có nhiều thế, chỉ một thôi, mình ông ta đã mua cả ba bức".

Tôi nói: "Thật là một người khùng đáng yêu!"

Hai đứa chúng tôi cùng cười. Anh kéo tôi lại nơi quầy rượu. Mấy ly rượu làm tôi chuếnh choáng, tôi nói: "Chiều nay lúc đi ngang qua công viên, thấy cảnh thu ở đất này huy hoàng rực rỡ quá."

Bạn tôi mỉm cười, một cái cười nửa miệng: "Và rượu ở đây cũng quá ngon, phải không?"

Thấy tôi ngồi im, anh nói tiếp: "Thôi uống hết ly rượu đi, mình làm tiếp chai nữa chứ, rượu ở đây thật tuyệt, cứ để nguyên vậy mà uống."

Tôi chọc anh: "Cái ngon ngọt của nó đã pha lẫn vị đắng cay, chẳng cần pha thêm gì nữa phải không?".

Tay anh run run cầm chai rượu mới mở rót cả ra mặt quầy, anh vội đặt chai rượu xuống nhìn tôi: "Đúng vậy, người cất rượu cốt sao chế được thứ rượu ngon. Rượu phải ngon phải say; không ngon không say không thể gọi là rượu.. Cái vị đắng cay trong rượu chẳng qua cũng chỉ để dẫn đến cái ngon ngọt say sưa."

Tôi yên lặng nhìn một ông khách đã gục trên quầy, cạnh cái chai đã cạn; giờ này thì ông ta còn biết gì đến vị ngon ngọt và đắng cay của rượu. Rượu nơi đây ngon thật, tôi cũng thấy ngà ngà. Tôi mường tượng lại cảnh trí mà tôi đã đi qua, những phố phường mà tôi đã đặt chân đến, nơi nào cũng đẹp đẽ thanh lịch; những cụm hoa muôn màu nở đầy các công viên, những dãy hè đường láng bóng, tất cả như vừa được sửa sang chăm sóc từ một thẩm mỹ viện.

Cảnh trí ấy đã ảnh hưởng vào tâm tư, tạo ra một nếp suy nghĩ mới, một ý thức thẩm mỹ của thời đại này. Tôi chợt nhớ lại câu nói của một cô bé trong phòng tranh: "Cái buồn đã xưa rồi".

"Cái buồn đã xưa rồi"; câu nói thật bất ngờ và lạ lùng. Tôi đã sững sờ bàng hoàng. Thật sự cái buồn đã vắng bóng trong phần lớn tác phẩm hiện giờ. Không hiểu con người đã muốn loại bỏ cái buồn ra khỏi nghệ thuật hay đã bất lực không đem được nó vào tác phẩm.

Ngày nay cái buồn đã vắng mặt và cái vui cũng chẳng còn, tất cả là lạnh nhạt dửng dưng nhìn thấy trong tác phẩm.

Tôi vẫn ước mong nhận xét của tôi chỉ là một nhầm lẫn; để mùa thu còn được một chút buồn.

Orléans, thu 86
THÁI TUẤN

Nguyễn Ngọc Thuận

Thánh giá oan khiên buổi phế thần

Khi giặc về cai trị xứ này
cờ sao tàn nhẫn nhốt thơ bay
hình ma anh sống trong lao ngục
xác héo em lê kiếp đoạ đày.

Mỗi sáng loa vang hồn tỉnh thức
đau thương trút nỗi bạo Tần xưa
lời muôn dao sắc đâm tim não
mối hận phi nhân dậy oán cừu.

Mắt dấu kinh hoàng đêm mộng dữ
dồn thêm tăm tối vực trầm luân
vai em gầy quá sao mang nổi
thánh giá oan khiên buổi phế thần.

Cay đắng chia vui đời bức tử
lầm than trang điểm chợ thời gian
mười phương không đoá mây xanh nở
chỉ thấy hoa rơi nụ ước tàn.

Bắn giết người rao hát tự hào
còn em đen máu chuyển tim hao
nghe trong hạnh phúc không cơm áo
dội tiếng cười điên của đá reo.

Lốt thú anh mang thời đổ vỡ
sắn khoai mờ ổ cả tình yêu
hoàng hôn tô máu ngôi thần tượng
treo cổ hờn em sợi dã thù.

Thôi đã phân ly đường khổ hạnh
vàng xưa nay tóc bạc ngày xanh
thoáng đâu trong bóng hình vân cẩu
quỉ ác thay ngôi tủi cấm thành.

Võ Đình

Thư cho một họa sĩ trẻ

*T*háng 7, 1985 sang Pháp tôi có được gặp một thanh niên Việt Nam, 24 tuổi, vượt biên và định cư tại Houten, Hòa Lan năm 1982 (hay 1983, tôi không nhớ chắc). Nguyễn Thanh Hùng gốc Bắc nhưng sinh trưởng ở Nam. Hiện nay Hùng theo học hội họa. Và làm thơ, viết văn, chủ trương nhà xuất bản *Cái Đình*. Truyện mới đăng nhất: *Lời Chân Mây*, Làng Văn số 25, tháng 9-1986. Hùng và tôi đều là dân cầm cọ, mà tôi lại lớn hơn Hùng đến gần ba chục tuổi, nên chúng tôi chú chú con con ngon lành trong suốt thời gian ba tuần lễ chúng tôi ở gần nhau tại một làng nhỏ miền Tây Nam nước Pháp.

Đề tựa của bài này là một thứ nhại đùa cuốn *A Letter to a Young Painter* của Herbert Read.

V.Đ.

*H*ùng thân mến,

Tháng qua, chú ngạc nhiên hết sức khi nhận được "hồng thiệp" của con gửi từ Hòa Lan. Chú cứ tưởng rằng... ngổ ngáo như con thì cũng còn lâu mới có chuyện lấy vợ. Ai ngờ! Nhưng rồi chú cũng nghĩ lại, giật mình thấy chú như đã bắt đầu có cái lối phản ứng qui ước của người (sắp?) về già. Năm nay con hăm-lăm, con lấy vợ. Hai-mươi-bảy năm về trước, chú cũng lấy vợ (lần đầu) khi hăm-lăm tuổi. Có gì mà ngờ với không ngờ. Lấy y chú như đã bắt đầu có cái lối phản ứng qui ước của người (sắp?) về già. Năm nay con hăm-lăm, con lấy vợ. Hai-mươi-bảy năm về trước, chú cũng lấy vợ (lần đầu) khi hăm-lăm tuổi. Có gì mà ngờ với không ngờ. Lấy o. Chú ngán quá rồi những cái thiệp cưới lòe loẹt màu hồng chữ đỏ, chữ phúc thọ con rồng con phụng tùm lum, rồi đủ cả ngựa anh đi trước võng nàng theo sau, v.v..

Thế là Hùng lấy vợ hí! Chú chúc hai đứa yên ấm suốt đời bên nhau. Chú yên tâm về cái... vụ hạnh phúc trăm năm đó. Chú chỉ

nhân cơ hội vui lớn này, viết thư cho Hùng đọc mà vui thêm. Chú muốn nói cho Hùng biết rằng chú lo cho con đó. Chú không lo cho cái nợ thê noa của con mà chỉ lo về con đường nghiệp dĩ con đã lựa chọn.

Nói rằng lo cũng không phải. Phân vân, đúng hơn. Lẫn lộn với thích thú, hồi hộp. Năm ngoái, gặp con lần đầu, chú không ngờ một thanh niên vượt biên tị nạn mới có hai, ba năm ở một cái xứ Bắc Âu xa xôi là Hòa-Lan, mới có hai-mươi mấy tuổi đầu, không cha mẹ chị anh đùm bọc, mà lại dấn thân vào con đường hội họa. Ai lại không biết là khắp thế giới từ 1975, đại đa số lứa trẻ Việt Nam đều chọn những con đường khoa-học kỹ-thuật, thương-mại, kinh tế mà đi và câu chuyện các học sinh, sinh viên Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tích rực rỡ không còn làm chúng ta ngạc nhiên nữa. Dĩ nhiên có nhiều động cơ và lý do tạo nên hiện tượng đó. Đã có nhiều vị học giả, nhà giáo dục, trí thức, bỏ công giải thích cặn kẽ cho chúng ta biết rồi. Điều chú không biết là ma nào dẫn lối quỉ nào đưa đường để Hùng chọn lấy những chốn đoạn trường (hội họa) mà đi!

Chú nói hội họa. Chú không nói những thứ tựa tựa như hội họa, bà con xa gần, thường thường thì xa, thật xa, của hội họa. Chú đọc báo thỉnh thoảng thấy tin một vài người trẻ có những thành công đáng kể trong các ngành minh họa sách báo, vẽ kiểu thời trang, áo quần, bàn ghế, trang trí nhà cửa v.v... Và chú mừng cho họ, cho chúng ta, người Việt Nam tha hương. Nhưng *hội họa*, họa sĩ trẻ, những thành tích khai phá độc đáo thiết tha, chú không thấy nói đến. Con đừng hiểu lầm chú nhé. Chú không nói rằng hội họa là cao, là sang, còn các thứ bà con xa gần của hội họa là thấp, là hèn. Ở đây, dĩ nhiên chỉ có sự khác nhau mà thôi. Tỉ như làm thơ và viết quảng cáo (ad-writing). Viết quảng cáo hay còn có thể đem lại cho quảng cáo một chút.. thi vị, có phải còn hơn là làm thơ dở ẹt không, Hùng? Bên này là một cái nghiệp, bên kia là một cái nghề. Nghề nghiệp! Tiếng Việt ta đã chẳng tỏ ra có khả năng dung hợp đó sao.

Thấy Hùng lại nghĩ đến ta. Năm hăm-lăm tuổi, chú đã bước vào nghiệp dĩ hội họa. Nhưng hoàn cảnh của chú ngày xưa có khác nhiều với hoàn cảnh của con ngày nay. Chuyện quá dông dài, chú chỉ có thể nói gọn cho con nghe như thế này: chú bị (hay là được?) cái thế giới nghệ thuật Paris của giữa thập niên 40 nó há cái mồm toang hoác bà chằng nó ngoạm lấy chú, nó nuốt chú như một con mãng xà khổng lồ nuốt con nai tơ, thân hình mất hút đi rồi mà hai chân sau còn cựa quậy, đập ngang đập dọc một lúc, rồi rốt cục cũng tuốt luột trơn tru vào bụng rắn. Chú mất hút vào bụng rắn mà

vẫn biết rằng bên kia Đông Âu, bên kia Ấn Độ, mãi bên kia trái đất, còn có một nước Việt Nam nhỏ bé hình cong như chữ S, một nước Việt Nam xơ xác bần hàn, một nước Việt Nam thương yêu thần tiên, ở đó có cha mẹ, có anh chị em, có bụi chuối cây chanh, có sông Hương, có cửa Thượng Tứ, nơi đó một ngày chú sẽ trở về. Con mãng xà nó có nghiền nát chú đi, tiêu hóa chú, nhưng chú như Tề Thiên Đại Thánh, chú biến hóa vô lường, chú sẽ thoát bụng rắn, chú sẽ lấy thiết bản chống cái mồm toang hoác của nó mà chui ra, để trở về, như một nghệ sĩ, một họa sĩ Việt Nam. Về một nước Việt Nam tự do thanh bình. Về để vẽ những bức tranh vĩ đại thật là *tranh Việt Nam*. Đó, hăm-bảy năm về trước, cái tự tín (tự tín hay tự đại?) ngông nghênh vô bờ của chú nó như vậy đó. Chú nghĩ vậy và chú thương Hùng.

Houten heo hút của xứ "Đất Thấp" (con có biết người Pháp gọi Hòa Lan là Pays-Bas không?) nơi con đang trú ngụ chính Hùng cũng phải chịu là... không phải Paris kinh thành ánh sáng và nghệ thuật. Và Bắc Âu của những năm 80 đâu phải là Paris nơi đó ba-mươi năm về trước đã có đến sáu ngàn Việt kiều. Và nước Việt Nam ngày hôm nay đâu phải là một nước Việt Nam trong những năm sau Hiệp định Genève. Chú mới đọc xong cuốn *Văn Học Miền Nam* (1954-1975) của Võ Phiến thấy ông nhắc lại là *"giai đoạn 1954-63* (ở miền Nam vĩ tuyến 17, tức là thời gian con chưa ra đời) *tương ứng với một tình hình chính trị ổn định, kinh tế phát đạt, quân sự vững vàng, với một tinh thần dân chúng phấn khởi lúc ban đầu"...,* Riêng về vùng liên khu 5 cũ tức Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên mà người ta còn *"cảm thấy rõ rệt mình đang tiến sang một giai đoạn mới của cuộc sống, tươi sáng hơn trước"*... Về đám sinh viên du học ngoại quốc thời ấy, Võ Phiến viết rằng *"cũng vì tin tưởng ở một triển vọng ổn định lâu dài của tình thế, vì yên tâm ở một chính quyền đứng đắn lúc bấy giờ có rất nhiều trí thức du học ở Âu Châu về nước"* và *"Họ tích cực tham gia xây dựng quê hương trên những lãnh vực chuyên môn khác nhau."* Có nhiều người về nước nhưng chú nhớ cũng có nhiều người chưa về, với những lý do khác nhau. Chú là một trong những người chưa về thời ấy. Nhất định, ôi, nhất định chẳng phải vì "không" muốn về, như một số người thiển cận quá khích có khi lên án. Chú chưa về vì chú có hoàn cảnh lý do riêng của chú, mà hoàn cảnh lý do riêng của ai cũng có những uẩn khúc bất ngờ, những tình tiết người không ở trong cuộc khó có thể hiểu được. Một trong những lý do ấy, chính là cái nghiệp dĩ ác ôn của chú con ta.

Chỉ nói về hội họa, con cũng thừa biết cái ngành của chú chọn

lựa ngày xưa và con chọn lựa hôm nay quả thật là một thứ người yêu... cay nghiệt. Lăn lộn mấy năm ở trường Mỹ Thuật chẳng là cái tích sự gì cả, không những trên phương diện hành nghề mưu sinh mà trên cả phương diện kỹ thuật và nghệ thuật. Học ở trường rồi không phải để đi làm công, tư sở, hay đi dạy học. Học rồi lúc đó mới dám nói có đủ vốn liếng kiến thức và kỹ thuật tối thiểu để bắt đầu cuộc hành trình, chú còn muốn nói cuộc *hành hương,* mà trạm dừng chân đầu tiên hãy còn xa lắc là trở thành một họa sĩ trong cái nghĩa trọn vẹn và nghiêm chỉnh nhất của tên gọi, Người yêu! Đáng ra chú phải nói... đức Thánh Bà cay nghiệt! Vì những lý do thuộc lãnh vực chuyên môn, đã đi theo hội họa thì phải đi tận cùng, sớm hôm nhang khói! Chưa bao giờ trong lịch sử hội họa Đông Tây xẩy ra cái chuyện không lấy gì làm hiếm có lắm trong lãnh vực văn chương: một ông hay bà nào làm thầy làm thợ gì đó, rồi thỉnh thoảng viết một bài văn bài thơ rất "tới", "tới" đến nỗi được dân làng văn làng thơ chính cống ca ngợi. Chú nói vậy không có nghĩa là văn thơ... dễ mà hội họa khó! Chú nghĩ rằng con đã thấy đủ sau mấy năm vừa qua là hội họa đòi hỏi quá nhiều thì giờ tôi luyện ở chúng ta. Cái ngôn ngữ hội họa là một thứ mật ngữ, anh muốn vẽ anh phải học thứ tiếng đó cho đến độ nhuần nhuyễn, cho nó thấm vào trong não, trong máu anh trong tủy anh.

Còn chuyện sinh sống ra làm sao, hạ hồi phân giải, thôi miễn bàn thêm. Chú đã có dịp nói về điểm này trong một bài đăng ở báo Văn mà chú sẽ gửi cho con sau. Chỉ nói về hội họa, năm hăm-lăm tuổi đó, tuổi con bây giờ, chú mới "lên đường", cũng như con bây giờ con mới "lên đường. Nhưng cái cảnh con "lên đường" nó khác với cái cảnh chú biết bao nhiêu. Ngày nay con "lên đường" cách biệt một quê hương sắt máu tàn tạ xa hút bên kia địa cầu, con dấn bước ở một nơi xa cách các trung tâm nghệ thuật đông đảo, ồn ào, và... hấp dẫn tột cùng, như Paris, như Roma, như New York, như Tokyo... Ở Houten, Hòa Lan, đến nỗi báo chí Việt ngữ mà còn hiếm hoi, mỗi lần con bắt được một tạp chí văn nghệ xuất bản ở Pháp, ở Mỹ, con mừng hết lớn. Ngày nay con "lên đường" mà con có biết, đúng hơn, có tin rằng một ngày, mười, hai mươi, ba mươi năm nữa con đường ấy nó sẽ dẫn con về đâu không?

Ngày xưa chú đã tin rằng chú sẽ đi hết con đường và nó sẽ đưa chú trở về Việt Nam, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Chú đã mường tượng cái nét vẽ, cái màu sắc của chú ba mươi năm — về sau nữa kìa, và cái nét vẽ ấy, cái màu sắc ấy, nó sẽ sừng sững ra làm sao trong bầu trời quê hương và trong không gian nghệ thuật đất nước. Chú đã tin như vậy, rồi cuộc đời xoay vần quanh quẩn để chứng minh rằng, trong một nghĩa bình thường, chú của con đã

tin... trật lất! Chứng cớ là hiện chú không ngồi viết cho con đâu đó một xó xỉnh trên mảnh đất rách nát linh thiêng gọi là Việt Nam, mà là ở một góc núi heo hút miền Tây Bắc bang Maryland, Hiệp Chủng Quốc. Nhưng gì thì gì, chú đã tin như thế từ giữa thập niên 50 đến giữa thập niên 70, và lòng tin đó đã như một lò than lớn sáng rực, sắt thép gì chú ném vào nó cũng nhũn ra, để cho chú tha hồ nào tay búa nào tay kìm rèn đập tơi bời bằng thích. Chú đã tin như thế, và chú đã sống đã thở Ấn tượng, Nabis, Siêu-thực ở Paris, chú đã xẻo lỗ tai cùng Van Gogh, chú đã chăn gối với *vahinés* của Gauguin, mộng du với Chagall, phù phép với Picasso, say sưa với Modigliani, rồi chú cũng đã tuyệt vọng và... quyên sinh với de Stael, chú đàn đúm với toàn thể Ecole de Paris, với Gromaire, Lorjou, Rohner..., để làm chi? Để tìm cho ra con "đường cái quan" của chú.

Rồi chú qua Đông Mỹ, chú đập phá với de Kooning, quần quại với Gorky, rồi chú qua miền Tây Mỹ để tới lui với Bay Area School, đặt nghi vấn với Park, với Diebenkorn, để làm chi? Cũng để tìm cho ra con "đường cái quan" của chú. Rồi Pop, rồi Op, rồi Minimalist, rồi Kinetic, Performance, rồi cả Washington Color School... Tại sao chú lại phải đi tìm con "đường cái quan" của mình trong những thiên la địa võng của bao nhiêu con đường quốc tế khác: *Bởi vì chú đã thấy: muốn tìm cho ra hội họa Việt Nam, phải nhìn thật kỹ, phải tiêu hóa thật kỹ hội họa quốc tế.*

Đó là ,then chốt . Để chú nói con nghe. Con có biết là năm 1960 (năm con ra đời), trong một cuộc gặp gỡ thảo luận văn nghệ tại Sài gòn của nhóm Sáng Tạo, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền có nói rằng : *"Tôi bảo thủ ý kiến của tôi, là hội hoạ Việt Nam bây giờ cũng là hội hoạ Âu Tây, trên phương diện đặc tính hay lịch sử cũng vậy".* Mười bốn năm sau, cũng tại Sàigòn, 1974, chú gặp, ăn cơm với Thanh Tâm Tuyền lần đầu tiên, chú mới biết là thật tình TTT chỉ có một số kiến thức cực kỳ thô thiển về hội họa. Nhưng chú phải chịu ổng ở chỗ câu phát biểu của ổng đúng thật là đúng. Chịu và biết ơn. Biết ơn vì may là TTT nói câu đó, chứ nếu chính chú, một người ở trong ngành hội họa mới từ Âu Mỹ về, mà phán một câu như thế thì lớp họa sĩ tuổi tác như Tạ Tỵ, Thái Tuấn, lớp ngang tuổi chú như Duy Thanh, Ngọc Dũng, lớp trẻ hơn như Trịnh Cung, Đinh Cường, chỉ có nước cho chú... ăn đòn hội chợ! *"Mấy cái thằng du học tự cao tự đại... mất gốc!"*, họ sẽ bảo nhau. Mà dù có ăn đòn thật đi nữa, năm 1974, tức là mười bốn năm sau câu nói của Thanh Tâm Tuyền, chú cũng chẳng có lý do nào đáng kể để đừng "phán" một câu như vậy.

Cũng trong thời gian ấy, con có biết không, thời gian sau Genève đến Ngô triều sụp đổ, văn chương Việt Nam dưới vĩ tuyến,

không những có phong phú rực rỡ biết bao nhiêu, nó còn *Việt Nam* biết bao nhiêu. Rồi từ 63 trở về sau, tuy văn chương có chuyển hướng, nhưng cái cốt cách Việt Nam của một nền văn học Việt Nam lại càng rõ rệt. Cho đến như một Dương Nghiễm Mậu, chịu ảnh hưởng phong trào tiểu-thuyết-mới nặng nề như thế mà cũng tạo nên một cá tính đặc thù Việt Nam. Trong khi đó, từ thời tiền chiến cho đến ngày miền Nam sụp đổ, hội họa Việt Nam nói chung vẫn loay hoay vướng víu với những vay mượn của những trào lưu nghệ thuật tạo hình Âu Tây của một nửa thế kỷ hay xa hơn về trước, loay hoay mắc míu không lối thoát ngoài những thủ thuật nhất thời. Có siêu thực đó, có lập thể đó, có trừu tượng đó, nhưng hội họa thiếu hẳn cái "thực tế" của những người cầm bút sắt. Những người chưa hề bước chân ra khỏi nước, những người suốt đời ăn cơm với nước mắm, họ đâu cần tìm tòi xa xôi, họ chỉ có chính họ và quê hương đất nước, họ chỉ có "nỗi chết" để "dựa lưng", và họ viết thành văn Việt Nam, làm thành thơ Việt Nam.

Người họa sĩ "thiệt thòi" lắm lắm: tiếng nói của họ là đường nét, là hình khối màu sắc, không phải tiếng mẹ Việt Nam. Một đường cong là một đường cong ở Bắc Kinh cũng như ở Nữu ước. Một màu tím là một màu tím ở Sàigòn cũng như ở Luân Đôn. Cong như thế nào, nằm ở đâu,nằm với đường gì, mảng gì, tìm ra làm sao, đậm hay nhạt. đục hay trong trơn láng hay sù sì, làm sao người họa sĩ Việt Nam cấu tạo nên một họa phẩm gọi là Việt Nam? Việt Nam ra làm sao? Việt Nam ở chỗ nào? Có khi chú nghĩ rằng cái mắc vướng lúng túng, lúng túng chết người, của hội họa Việt Nam nằm ở chỗ người họa sĩ Việt Nam lưu tâm quá nhiều đến chuyện vẽ *tranh* mà lại không để ý đầy đủ đến chuyện *vẽ*. Nói cách khác, coi nhẹ cái thân tâm của mình mà lại coi nặng cái phó sảnủa thân tâm ấy. Những năm 10, Modigliani sống chết quần quại với những khuôn mặt thon dài, mắt không ngươi của mình. Những năm 60, rồi 70, những khuôn mặt ấy đã trở thành một thứ thời trang ở Sàigòn, những mẩu mặt thơ mộng rất... dễ thương!

Hùng ơi, thế hệ họa sĩ trẻ nhất của Việt Nam mà chú quen biết, như Trịnh Cung, Đinh Cường, Nguyễn Quỳnh, bây giờ cũng ngót nghét gần thành "cụ" cả rồi, chú muốn nói, cũng 45, 50 cả rồi. Chỉ trừ có họa sĩ Nguyễn Quỳnh hiện ngụ tại New York, làm việc nhiều, sáng tác mạnh và độc đáo, đi rất xa, ngoài ra chú không thấy hội họa Việt Nam mang mang một sinh lực nào. Những người còn ở lại Việt Nam hiện phải làm tất cả những gì phải làm để sống còn dưới chế độ mới, điều đó thôi nói làm chi. Cả những người đã vượt thoát ra hải ngoại, chú không thấy một dấu hiệu đáng kể nào cho phép chú nói rằng có một sự tiếp nối vững vàng và sống động, nếu không là đi lên, đi xa. Như bên giới cầm bút sắt. Như bên giới

sáng tác nhạc. Tại sao vậy Hùng? Phải chăng chỉ bởi vì những lý do vật chất và thực tế, như dụng cụ (đất đỏ) xưởng vẽ (thiếu không gian), thì giờ (vì phải đi cày như ai), những khó khăn khi phổ biến tác phẩm, trình độ thưởng ngoạn của đồng bào nói riêng, tình hình kinh tế khó khăn nói chung, v.v...?

Rồi bây giờ, mắc mớ gì không biết, một Nguyễn Thanh Hùng lại xuất hiện, 25 tuổi, Houten, Hòa Lan, một Nguyễn Thanh Hùng không vẽ lai rai cho vui, kiểu vẽ thiếu nữ thật đẹp, đứng xiêu xiêu, tay vịn cành hoa, rồi còn sợ thiên hạ không đạt được chú ý mình bèn đề thêm một câu *"hoa đào năm ngoái còn cười gió đông"*... Một Nguyễn Mạnh Hùng dùng bút sắt, bút lông, và mực xạ đi những đường loạng quạng xơ xác như... gà bới, nhưng thật liều, thật gan, đó là con, bây giờ con đi đâu về đâu?

Đó, chú lo cho con là chú lo như thế. Rồi đây năm, mười năm nữa, con sẽ già dặn hơn trên đường đời và đường nghệ thuật. Có lẽ khi đó con sẽ đặt vấn đề quê hương và nghệ thuật một cách thật khác xa với cách con suy tưởng bây giờ. Có lẽ con sẽ có những ý nghĩ không những chú mà cả chính con cũng không ngờ được. Nhưng từ đây đến đó, con lấy gì để mà "dựa lưng"? Có được "nỗi chết" để mà "dựa lưng" thì còn sống được, chứ con không thể lấy nghệ thuật, chỉ lấy nghệ thuật mà thôi để dựa. Nghệ thuật là cái gì hở Hùng? Phải chăng nghệ thuật là cuộc đời thăng hoa? là tinh hoa của sự sống? Phải chăng nghệ thuật là cặn bã của cuộc ba sinh, là sự tuyệt vọng vô cùng? Nghệ thuật có thể là thế này, có thể là thế khác, nhưng con không thể dựa vào nghệ thuật mà sống, mà sáng tạo.

Hùng là một thanh niên Việt Nam, một nghệ sĩ Việt Nam. Con không vẽ thiếu nữ dưới hoa, thiếu nữ dưới trăng, dưới liễu, con không vẽ "Mẹ Việt Nam", con không vẽ cửa tam quan, mái ngói đình làng, vậy thì con vẽ cái gì, vẽ ra làm sao để con vẫn là một họa sĩ Việt Nam mà không là một họa sĩ Tây phương, một họa sĩ Hòa Lan (Nghĩ buồn cười chứ con có thấy rằng một họa sĩ Hòa Lan, Van Gogh, chính ra lại rất "Việt Nam" trong một khía cạnh nào đó!)? Mà chú chắc chắn rằng con cũng không thể chỉ vẽ cảnh tượng thê thảm của người vượt biển gặp hải tặc, hoặc cảnh tượng hào hùng của người anh hùng tay cờ tay súng về giải phóng quê hương, để mà từ đó có thể yên chí rằng con là một họa sĩ Việt Nam! Khó quá, con thấy không? Hội họa vốn không lời. Cho nên tư tưởng và bút pháp tuy hai mà một. Chú lo cho con, là chú lo chuyện đó. Con phải vận dụng tất cả năng lực sáng tạo con có thể có để nắm cho được một ngôn ngữ tân kỳ đồng thời cấu tác thành một hình tượng hiển lộ tính chất đặc trưng Việt Nam của con: với hội họa chú là một thứ máy Geiger dò radium. Có một kích tắc nào đó

bỗng dưng sáng rực hào quang và chú biết đó là hồn thiêng nòi giống bừng dậy trong chân tơ kẻ tóc. Chú chờ đợi điều đó ở con. Mà cũng vì thế chú lo cho con.

Cách đây hai ba năm chú có được mấy chữ của một chàng Nguyễn Long không quen, rất trẻ và còn học cấp cử nhân. Đại khái nói chuyện hội họa, "nghe tiếng Anh, muốn ghé thăm khi có dịp qua miền đông"... Rồi thỉnh thoảng chú lại nhận được một tấm thiệp báo tin trưng bày, thường thường trong khuôn viên một đại học. Gần đây nhất, chú nhận được hai giấy mời: một cái cho triển lãm điêu khắc của Hoa Phan (Phan Hòa?) và tranh sơn dầu trên vải của Long Nguyen từ 25-8 đến 12-9-86 tại San Francisco State University. Đây, chú chụp lại hai bức hình trong giấy mời cho con coi.

Ngay sau đó chú lại nhận được một tấm thiệp khác cho triển lãm tranh vẽ *drawings* của Long Nguyen tại Asian Resource Gallery tại Oakland, Ca. từ 22-9 đến 31-10-86. Đây, chú cũng chụp lại hai bức vẽ mực của Long cho con coi.

Cũng lại nét bút sắc mực xạ loạng quạng xơ xác mà rất.. hùng, rất gan, rất *sophisticated*... Long, Hoa (?), Hùng, ở hải ngoại quí vị là thế hệ mới nhất, trẻ nhất của hội họa Việt Nam đó. Quí vị cứ vẽ tới tấp đi --quí vị đang đi về đâu?

Quí vị đi về đâu, chú không thể biết, duy có một điều chú biết chắc chắn là quí vị không có đồng bào đi cùng rồi đó. Trong khi bà con Việt Nam ta ở hải ngoại sống cuộc sống tất bật nhưng đầy đủ, cũng không thiếu gì những vị phong lưu dư dã, biết chơi đủ thứ trò vui ở đời. Nhưng "chơi" tranh thì chưa. Quá lắm là đôi ba bức sơn mài vừa bóng vừa rẻ. Hoặc những tranh vẽ trên mành mành, có núi có chùa, có chim có cá, Made in Hong Kong. Nói quả tội, cũng có vài ba vị chơi tranh sơn dầu trên vải hẳn hoi. Nhưng đây là tranh phóng cảnh *assembly line* sản xuất bởi những nhà... máy tranh ở downtown New York. Cao hơn một chút là tranh sơn dầu "Việt Nam". Những tranh "Việt Nam" này là tranh nhất thiết phải có "tình tự dân tộc". Có đề tài đình chùa để khơi dòng tâm linh, hay mẹ con để nhắc nhở Mẹ Việt Nam mòn mỏi hao gầy, hoặc ruộng nương, hồ sen, bụi trúc để xoa dịu niềm đau xa cách quê hương đất nước. Rồi lại có đề tài, ôi, đề tài của đề tài, hình bóng người phụ nữ Việt Nam muôn đời bất diệt: chỉ khổ nỗi con mắt chúng ta đã quá quen đi rồi với những kích thước Tây Phương cho nên người phụ nữ Việt Nam trong tranh cũng dịu dàng chìu người thưởng ngoạn, mắt bồ câu, mũi đẫm, miệng trái tim, một thân hình thật nẫy nở cân đối, và chiếc áo dài thật sát, thật căng, nổi tròn đôi gò bồng đảo.. Vẽ như Hùng, như Long, quí vị vẽ cho ai?

Các nhà văn nhà thơ Việt Nam hải ngoại ở trong một tình

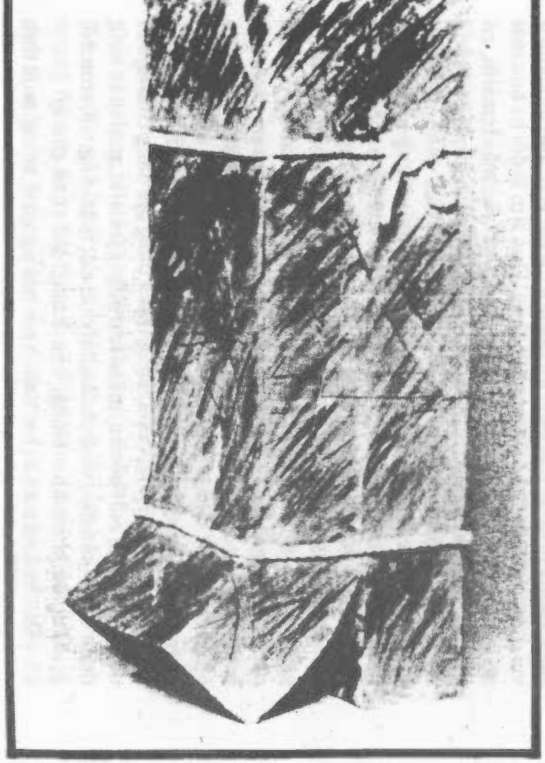

Hoa Phan, *Untitled,* 1986,
painted ceramic, 18"x10"x5"

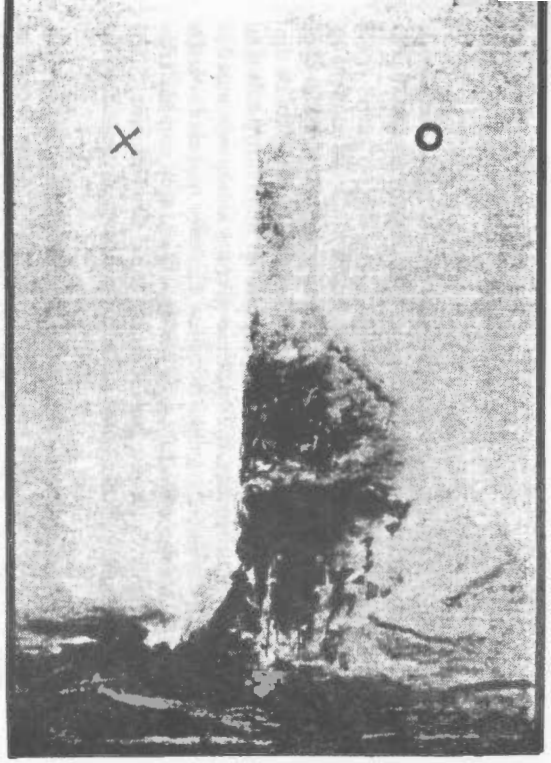

Long Nguyen, *Chimney,* 1986,
oil on canvas, 68"x45"

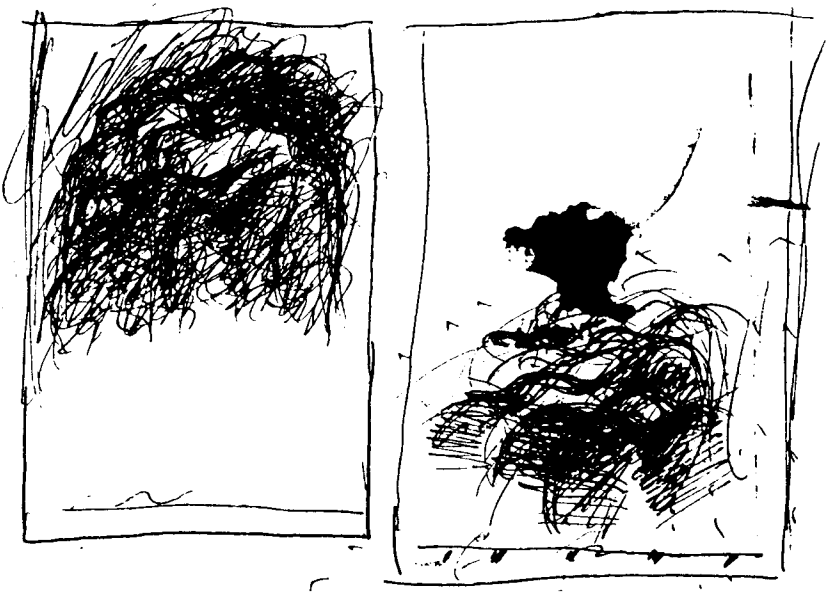

trạng đến nỗi tối tăm như chú cháu chúng ta. Dù nhiều dù ít, trong nước hay ngoài nước, không ai phủ nhận lòng yêu chuộng của con người Việt Nam đối với văn thơ. Nông dân, bình dân, thành thị, trí thức, mỗi lớp người yêu chuộng theo cách riêng của họ. Sự kiện trước 75, bà con Việt Nam chỉ có thể nuôi sống được một số người cầm bút rất nhỏ còn tùy thuộc vào nhiều hoàn cảnh và điều kiện nước nhà vốn ở bề ngoài lãnh vực văn thơ. Nhưng có thể nói rằng người Việt Nam yêu văn yêu thơ... gần như người Đức, người Áo yêu nhạc. Hồi chú sang viếng các nước ấy thấy chiều chiều thiên hạ đứng làm đuôi dài dài để lũ lượt chui vào các trình-tấu-viện nghe nhạc cổ điển mà chú thất kinh. Hay như người Pháp thích đi xem kịch. Những vở kịch cổ điển của *Molière,* Racine, hay hiện đại như của Anouilh, Beckett, dân Tây đi coi đều đều, coi hoài không chán, như bà con mình đi coi xi-nê, cải lương, hát bội.

Hiện nay ở hải ngoại, cuộc sống sung túc hơn, bà con Việt Nam có người mê coi video chưởng, có kẻ thích đọc báo tiêu khiển giải trí, nhưng cũng có một số đáng kể yêu chuộng những công trình văn chương đứng đắn, đủ yêu chuộng để trở thành độc giả dài hạn cho một hai tạp chí văn nghệ, để thỉnh thoảng bỏ vài đồng mua một cuốn sách thuộc lại "khô khan" về nhà nằm coi. Nói chung là người viết còn có "quần chúng". Cái "quần chúng" này thuộc nhiều từng lớp, có khi nồng nhiệt, có khi hững hờ, nhưng họ

có mặt, và sự có mặt này là liều thuốc kích thích cho những người cầm bút sắt đồng hương. Ở giữa người cầm bút sắt và, "quần chúng" của họ có một sự đối thoại dù là rất thì thầm, phải thính tai lắm mới tiếng được tiếng mất. Bởi lẽ cả hai đều sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ. Độc giả có không nói đi nữa, thì có khi cũng lắng tai nghe. Mà có không lắng tai nghe đi nữa thì cũng... bất chợt nghe thấy, tình cờ nghe được. Trong hoàn cảnh xa xứ, tiếng mẹ trở thành một nhu cầu vào hạng ưu tiên, không phải chỉ để sử dụng hàng ngày như hồi còn ở nhà mà hơn thế nữa, *để còn thấy mình là người Việt Nam.*

Dĩ nhiên, đó là chú mới chỉ nói về đa số quần chúng, Hùng biết không. Ừ, thôi cứ cho là nếu hội họa không được yêu chuộng (như ở Pháp, ở Ý...) đấy bởi vì Việt Nam chúng ta không có một truyền thống hội họa từ xa xưa đã bám rễ ăn sâu vào tâm thức, bởi vì mức sống chúng ta thấy, kinh tế nghèo nàn cơ sở thiếu thốn, và bao nhiêu lý do khác cũng được đi. Nhưng còn tầng lớp trí thức, học rộng biết nhiều thì sao? Chúng ta có một hiện tượng văn hóa mà bao nhiêu năm lưu lạc xứ người chú vẫn lấy làm hãnh diện và vui sướng. Đó là, tương đối mà nói, không những có nhiều đồng bào yêu văn mà còn thích viết, yêu thơ mà còn làm thơ, ngâm thơ (cũng như có lắm tay ngang hay hát mà hát cũng thật hay!) Họ khiêm tốn không tự gọi là nhà văn, nhà thơ. Ấy thế mà lắm khi sự cảm nhận và thấu triệt, nói chung là sự thưởng ngoạn đến nơi đến chốn của họ lại hết sức sâu sắc, độc đáo, và mới mẻ. Có được nhiều độc giả, người viết hài lòng là cái chắc. Nhưng chú nghĩ rằng chính cái số nho nhỏ những "thưởng ngoạn viên", những "ái mộ viên" thiết tha và trung thành này mới đáng gọi là độc giả tri kỷ của người cầm bút.

Trong khi đó Hùng có thấy rằng hiện tượng này có thể nói là hoàn toàn vắng mặt khi chúng ta bước sang lãnh vực hội họa. Đa số "quần chúng" có không màng đến hội họa, ừ thôi cũng đành. Nhưng thật đáng ngạc nhiên và ... tủi thân khi phải công nhận ranh giới cầm cọ Việt Nam cũng không có được một số nho nhỏ những người thưởng ngoạn tri kỷ. May mắn lắm là họ có vài đồng nghiệp, và *một hai* người ngoài nghề hằng lưu tâm, theo dõi, quan sát, và thưởng thức sáng tác của họ. Chú nói *một hai*, không có nghĩa một vài, dăm ba. Một hai có nghĩa là *one or two*. Một hai không thể làm thành một vòng bao, một hàng ngũ, một thứ vòng tay lớn ấm áp. Người họa sĩ đứng cầm cọ một mình, đứng chênh vênh, lẻ loi. Người ta nhìn họ, ngắm họ, và thấy những họa sĩ, thấy mơ hồ những nào là màu sắc, nào là đường nét, nào là hình khối, thấy những ý niệm hết sức mơ hồ... Những khoa học gia, những bác sĩ, kỹ sư yêu văn và viết văn, những kinh tế gia, những địa ốc gia làm

thơ và ngâm thơ, những công nhân, những ngư phủ ca ngâm tài tình mùi mẫn, những giáo sư Toán Lý Hóa rành về Kiều, về thơ tự do... Những vị ấy gặp hội họa là tức thì bẽn lẽn, e dè, đứng... xa xa... Người tự nhiên lắm cũng chỉ gật đầu lí nhí dăm câu lịch sự cho xong chuyện. Người họa sĩ cũng... lí nhí cho xong chuyện: người *vẽ* tranh cũng chẳng muốn biến mình thành một thứ người *bán* tranh chuyên nghiệp.

Rồi ngay cả đám đồng nghiệp. Chú muốn nói những nghệ sĩ khác, nhưng ở ngoài ngành hội họa. Vì là nghệ sĩ với nhau, họ có một thứ tinh thần "mafia", họ "thương" nhau, "thông cảm" cho nhau. Người cầm cọ lắm khi được yêu mến lắm, có lẽ chăng bởi vì họa sĩ hiếm hoi như... lá mùa thu. Sau cuộc đổi đời 75, chúng ta thấy nơi nơi xuất hiện những tài năng mới, bất cứ một địa phương nào cũng có thể trưng ra một danh sách những "nhà văn", "nhà thơ" dài thoòng. Trong khi ấy giới cầm cọ vẫn "quanh quẩn mãi giữa hai ba dáng điệu, tới hay lui vẫn chừng ấy mặt người"... Đám đông để ý tới người họa sĩ, trầm trồ về người họa sĩ. Chú nhớ có một lần trong một buổi tiếp tân thật lịch sự, có một cô (bà?) cũng thật lịch sự chào chú: "Thưa Họa Sĩ". Chết cha! Thưa Bác Sĩ, chú đã từng nghe. Đời nào lại có chuyện "Thưa Văn Sĩ", "Thưa Nhạc Sĩ", mà bây giờ lại xảy ra cái chuyện "Thưa Họa Sĩ! Có sự ngưỡng mộ kỳ cục như vậy nhưng có được mấy người, dù là những người có chân tài trong lãnh vực nghệ thuật của họ, biết ngắm một bức tranh, biết cảm một màu sắc, biết đọc một nét vẽ. Ôi Hùng, con đừng hiểu lầm chú nhé. Biết đâu con lại chẳng có cảm tưởng chú... lẩm cẩm đi rồi, chú trách móc hờn dỗi quá lắm. Không, thật tình là không. Chú coi đây là một hiện tượng khách quan, và nếu tự cho phép dông dài chú có thể nói cho con nghe tại làm sao lại có sự như vậy. Chú có... đắng cay chút đỉnh, ấy cũng chỉ cho con rõ hơn là chú lo cho con ra làm sao. Chú nói để cho con biết rằng tương lai ra sao chưa biết chứ trong thời gian hiện tại này con có dấn thân vào con đường hội họa, con phải biết trước rằng con sẽ đi một mình đó!

Đại đa số bà con Việt Nam sẽ không biết, không cần biết đến con, rất giản dị bởi vì nghệ thuật của con không cung cấp mảy may gì cho nhu cầu của bà con cả, và đáng kiếp cho con! Mà kể cả tầng lớp trí thức học nhiều biết rộng, may mắn lắm là họ sẽ biết đến con và con sẽ được "trọng vọng", như một họa sĩ, như một người đã hiến cuộc đời mình cho "cái đẹp". Mà thôi. Rồi ngay đến các bạn văn nghệ của con, những bạn thơ, bạn văn, bạn nhạc của con, họ sẽ thương thằng Hùng lắm lắm, nhưng những nét bút loạn quạng xơ xác như gà bới của con, liệu họ *chịu đựng* mãi được sao, chứ đừng nói gì đến thưởng thức. Hùng ơi, con phải làm gì bây giờ? Chú tạm

đề nghị hai giải pháp:

Giải pháp 1: Con chuyển hướng, vẽ những đề tài bà con VN yêu chuộng. Nhớ cho màu mè thật đậm đà, tươi sáng, tươi sáng nhưng mơ hồ, huyền ảo nếu có thể. Cốt nhất là phải cho "tình cảm". Đừng tả chân. Nếu có "tượng" thì dừng lại ở "ấn tượng" thôi, đừng có biểu tượng, trừu tượng gì hết ráo. Luôn luôn tâm niệm "Không Có Gì Quí Hơn Tình Tự Dân Tộc". Viết ngang đây chú đã nghe xuyên qua Đại Tây Dương, thằng Hùng cười toáng lên rồi. Thôi, chú đưa con.

Giải pháp 2: Con tiếp tục ăn rau dền chấm tương như điên (như hồi tháng 7/85 chú con mình đã ăn cùng nhau ở Pháp), con cứ "Việt Nam" như điên, nhưng khi cầm cọ con chỉ biết có chuyện cầm cọ mà vẽ, con đừng suy tưởng xa gần, con đừng loay hoay quẩn quanh như gà mắc đẻ với "Việt Nam" nữa, con cứ vẽ như óc nảo ruột gan con thúc đẩy con vẽ, con bất biết chuyện gì khác. Vẽ xong con trưng bày cho thiên hạ xem, không màng để tâm coi thiên hạ ấy là vàng hay trắng, là đỏ hay đen..

Chú biết giải pháp thứ hai có thể khêu gợi tính mạo hiểm hơi... liều lĩnh của con hơn, nhưng liệu con thực hiện có được không. Năm năm, được. Mười, mười lăm năm, được. Nhưng rồi, hai mươi, ba mươi năm, liệu con có là như vậy được suốt đời không? Chưa chi, trong thời gian năm, mười năm đầu, thời gian đóng cửa luyện kiếm của con, chú đã thấy cái nguy cơ là con sẽ đi xa, xa dần cái Việt Nam không dấu kép trong con, con sẽ như một phi-hành-gia bay quanh, bay quanh, bay quanh địa cầu trong một phi-thuyền, ăn ngủ làm việc trong một không gian gò bó thiếu trọng lượng. Con sẽ tiếp tục học hỏi và thử nghiệm và khai phá sáng tạo. Nhưng rồi một ngày nọ, khi con đã hai thứ tóc trên đầu, khi con đã có một số lượng tác phẩm đáng kể chồng chất sau lưng con, liệu có lúc con ngồi ngơ ngác nhớ tiếc *"hành tinh xanh"* không? Liệu màu sơn, nét bút của con có còn vương vất một ngọn cỏ đồng nội nào, có còn ẩm ướt một giọt nước sông lạch nào, có mơn man một hơi thở thì thào nào của quê hương Từ-Thức hun hút nghìn trùng, có mơ hồ vọng về một âm hưởng nào của một thế giới thực tại xa vời, cách biệt qua cả không gian lẫn thời gian?

Viết ngang đây, chú như đã nghe Hùng kêu: "Trời, ông già rên quá sá!" Chú rên hả? Để chú coi nào. Không, chú không rên. Bởi vì, như chú đã nói trên, trong hai mươi năm trời, từ ngày chú dứt khoát đi xa trên con đường hội họa, khi chú tuổi cháu bây giờ, đến ngày miền Nam bị cưỡng chiếm, chú đã sống chết cùng hội họa, sống chết một cách sung sướng ngất ngây. Nhưng chú đã sống chết với một niềm tin, ở con đường nghệ thuật mà chú đã định hướng, ở con đường về của chú và *của* quê hương. Niềm tin đó có đúng

chỗ, đúng lúc hay không, có cơ duyên thành tựu hay không, ở đây không phải là nơi cần nói đến. Vấn đề là chú đã có niềm tin đó, và nó đã là "nỗi chết", mà cũng là "sự sống" để cho chú "dựa lưng". Còn con, Hùng ơi, bây giờ con có có một niềm tin nào đó không? Chú ước ao là con có. Chú tin là con có. Dù niềm tin của con có khác mấy đi nữa với niềm tin trước kia của chú. Dù niềm tin của con có viển vông đi mấy, cũng được. Miễn là con có một niềm tin khi ngày đêm con sống con chết với cây cọ, lon sơn, mảnh vải. Miễn là con có một niềm tin. Và nếu con có, thì làm sao con có nó được, mặt mũi nó ra làm sao, nó vui buồn với con như thế nào, con cười con khóc với nó ra làm sao, có dịp con viết thư nói chú nghe coi.

Cho chú thân hỏi thăm Tố Nga mà chú chưa bao giờ gặp. Khi Hùng ngồi đọc những dòng chữ này thì Nga đã chính thức là cháu dâu của chú rồi...

Thân ái,
Võ Đình

Nguyễn đức Bạt Ngàn

Huế

Sống lang bạt giữa lòng anh vẫn Huế
dù hiên nhà tàn lạnh hạt sương con
Sao úa rụng quanh em cười với Huế
như mây vờn bên yểu điệu chân son.

Con mắt ướt cụm bèo đưa trôi giạt
thuyền lên khơi ai ngóng đợi thuyền về
Quá hoang phế mưa thành xưa nặng hạt
nghẹn tiếng hò trong đêm vắng ai nghe.

Em cam phận trong ngục tù thiếu nữ
tận phương trời anh chỉ áng mây hoang
uống ngụm nước đã hao mòn cuộc lữ
núi sông này xin gửi lại em mang.

Nguyễn Xuân Hoàng

Chiếc mặt nạ.

Ở nhà Quỳnh ra, đã khuya, tôi tấp vào một hàng bánh mì đêm trên đường Lê Lợi. Tôi không đói, nhưng biết chắc chắn là đêm nay thế nào tôi cũng sẽ thức khuya. Những điều Quỳnh nói với tôi hồi chiều làm tôi vô cùng khó nghĩ. Rồi Quỳnh cũng sẽ bỏ tôi mà đi sao? Trước mặt hay sau lưng tôi, bên phải hay bên trái tôi, bây giờ có còn ai. Quỳnh và Uyên có yêu tôi thực không? Hay đó chẳng qua chỉ là ảo tưởng. Dù sao những người đàn bà ấy đã đến với tôi, nhắc cho tôi biết rằng mình vẫn còn là một sinh vật, giống như những sinh vật khác, đeo trên mặt chiếc mặt nạ có khuôn mặt người. Mà một sinh vật thì dù sao cũng cần có chất dinh dưỡng để sống chớ!

Nhưng ngay khi tôi vừa mở miệng hỏi mua bánh thì một người đàn ông từ trong bóng tối của một chái hiên bước ra, nắm lấy tay tôi.

"Tôi có chút chuyện muốn bàn với ông!"

Giọng nói hắn khá lịch sự, nhưng bàn tay hắn nắm chặt tay tôi, chặt một sách sỗ sàng.

"Ơ!" Tôi kêu lên, ấp úng. Tôi không hiểu gì hết. Thoạt đầu tôi có hơi ngạc nhiên, nhưng liền ngay đó là cái cảm giác sợ hãi chạy khắp châu thân. Tôi nghe như có một khối đá đang đè trên lồng ngực tôi. Tôi lạnh cóng.

Người đàn ông nhìn thẳng vào mặt tôi. Ngọn đèn vàng của xe bánh mì chao qua chao lại soi không rõ lắm một khuôn mặt chữ điền, cằm bạnh, hai con mắt to, chân mày rậm, gò má nhô xương, mũi gãy. Hắn cao ngang tôi, nhưng vạm vỡ hơn nhiều.

"Ông nghĩ là tôi lầm người, phải không ông Thăng?"

Ngừng lại một lát, như để dò phản ứng tôi, hắn tiếp:

"Nhưng ông thấy đó, tôi không lầm đâu!" Hắn cười sau câu nói. Tiếng cười nhỏ giữa một đêm Sàigòn vắng vẻ trên một đường phố chính mang đầy vẻ hăm dọa.

"Lối này, ông Thăng!" Hắn đi những bước dài, và gần như là

lôi tôi theo hơn là để cho tôi tự do đi.

Đến đường Nguyễn Trung Trực, hắn rẽ phải và sau cùng đẩy tôi lên chiếc jeep đậu sẵn trước nhà hàng Thanh Thế.

"Ông đi đằng này với tôi!"

Hắn nói tự nhiên như đang trò chuyện với một người bạn thân. Ngồi vào xe, hắn cho máy nổ, nhấn ga vọt tới. Chiếc xe chồm về trước, giật mạnh rồi đột ngột thắng gấp. Đầu tôi như muốn đập vào thành kính.

"Chắc cô Uyên và bà Phan lo cho ông lắm!"

"A!" Tôi kêu lên, mừng rỡ. Nỗi lo sợ như vừa được cất đi khỏi buồng ngực tôi. Tôi thấy nhẹ hẳn. Tôi thở bình thường. Tôi nhớ lại những gì ông Phan nói với tôi trước ngày ông lên đường đi Hoa Kỳ. Việc ông không muốn tôi ra khỏi nhà lúc đầu có làm tôi hơi lo, sau đó là ngượng, và chỉ mươi ngày sau, nó là một cực hình. Tôi lại ra ngồi quán, lại gặp bạn bè, lại lui tới với Quỳnh. Điều đó Uyên biết. Cả bà Phan nữa. Bà phật ý nhưng vẫn dịu dàng, còn Uyên thì khó chịu ra mặt. Tuy vậy cả hai người, chẳng ai nói gì với tôi. Những bữa cơm chiều thường vắng tôi và sự vồn vã dành cho tôi lúc đầu tuy không hẳn là đang lạnh nhạt, nhưng rõ ràng là ngày một phai màu. Uyên vẫn chăm sóc tôi, nhưng đôi lúc tôi có cảm tưởng nàng tìm cách né tránh tôi. Tuần trước, sau khi chia tay Quỳnh, tôi trở về nhà khá muộn — đúng vào lúc còi giới nghiêm hụ — tôi để nguyên quần áo giầy dép nằm soãi trên giường, bật đèn sáng và không buồn đóng cửa phòng. Cứ thế tôi thiếp đi trong cơn mê, nối tiếp những phút giây khoái cảm vừa chia sẻ với Quỳnh trên căn phòng trọ của nàng. Bỗng nhiên tôi giật mình, có cảm giác như bị ai đang nhìn trộm. Tôi choàng dậy. Đèn phòng đã tắt, cửa phòng đã khép. Nhưng mùi thơm của hương phấn và nước hoa cho tôi biết là Uyên đang ngồi ở đầu giường tôi. Tôi bật dậy, hai tay bó gối. Tự nhiên tôi muốn nói chuyện với Uyên. Nhưng đúng vào lúc ấy, Uyên bỏ chân xuống giường đứng dậy, lẳng lặng ra khỏi phòng. Phải chăng Uyên không bao giờ có thực. Nàng chỉ là hình bóng trong một giấc mơ. Nàng thuộc về một thế giới của mộng tưởng. Tuy vậy, sự xa cách ấy không có nghĩa là giữa chúng tôi chỉ có sự lạt lẽo. Uyên giống như con beo rình mồi ở một khoảng cách vừa tầm để có thể lấy đà phóng tới. Trong những phút giây ân ái, Uyên là con bọ ngựa cái nuốt chửng con đực của mình. Ấy là lúc nàng muốn tôi chết ngay đi, tan biến mất tăm trong thân thể nàng.

Từ lúc cho xe chạy, người đàn ông không nói thêm với tôi lấy một lời. Nhưng phần tôi, tôi bắt đầu cảm thấy điều phỏng đoán của mình về tông tích hắn đã không còn chỗ tựa. Bởi vì nếu là người nhà của ông Phan, hắn phải đưa tôi qua Nguyễn Thái Học,

tiếp lên đường Lê Văn Duyệt về nhà, đằng này hắn cho xe chạy quanh qua Bùng Binh Chợ Bến Thành, trở lại Lê Lợi. Đến góc Nguyễn Huệ, hắn quẹo phải, đi phía sau lưng mấy kiosque bán hoa, ép sát thương xá Tax, qua Garage Charner và thẳng đường xuống Bến Tàu. Nỗi lo sợ lại chạy lan khắp người tôi. Tôi tê điếng.

Gió bờ sông mát lạnh. Nhà hàng nổi Mỹ Cảnh đã đóng cửa, đèn đuốc tắt ngúm. Hắn cho xe leo lẻ, ngừng sát mé sông, bên cạnh một trụ xi măng lớn dùng để cột neo mấy chiếc xà lan.

Hắn mở một điếu thuốc vỗ vỗ lên hộp quẹt máy. Hắn bật lửa mồi thuốc. Dưới ánh sáng xanh, tôi thấy mắt hắn nhìn tôi.

"Lo không?" Hắn hỏi lạnh lùng.

Thuốc đã cháy, nhưng hắn vẫn để ngọn lửa sáng phật theo chiều gió. Tôi nhìn chăm vào mắt hắn cho đến khi ngọn lửa tắt phụp trong nắp hộp. Qua bóng tối, cái nhìn tinh quái của hắn như vẫn còn phóng về tôi.

"Không lo sao?" Hắn lập lại câu hỏi. Ngón tay cái của hắn bật lên đẩy xuống nắp hộp quẹt, gây ra những tiếng kêu khô và chát:

"Tôi không phải người nhà ông Phan." Hắn nói chậm rãi như đọc. Hắn đã xác nhận điều tôi nghĩ. Và thật nhanh, tôi liên tưởng đến ông Lý. Tôi thấy những gì ông Phan nói đang trở thành sự thực. Ông Lý là người ít nói, với ông, hành động mới là điều đáng kể, còn kỳ dư là đồ bỏ. Và nếu quả thật đây là ý muốn của ông, tôi nghĩ là số phận mình coi như cũng đã xong. Trời lạnh nhưng tôi nghe mồ hôi rịn ướt hai tay.

Tôi thấy hắn kéo một vật cộm ở thắt lưng ra và đặt lên đùi. Một khẩu súng ngắn.

Hắn không nhìn tôi. Hắn tiếp tục hút thuốc, thở khói, mắt ngó thẳng ra mặt sông Sàigòn. Tôi biết bên kia là Thủ Thiêm, nơi tôi chưa bao giờ đặt chân đến, dù đã ở Sàigòn hơn mười lăm năm.

"Làm cho một người nào đó biến mất trên cõi đời này mà không để lại một dấu tích nào cả, đó là nghề của tôi."

Hắn vẫn lạnh lùng nói, mắt không buồn nhìn tôi. Tôi ngồi lặng, người đông cứng. Sự sợ hãi là những con kiến nhỏ bu ngoạm khắp châu thân tôi. Tôi nhớ lời nhắc của Quỳnh chiều nay dặn tôi cẩn thận. Tôi nhớ con mắt căm hờn của Uyên khi nhìn tôi một buổi tối về muộn. Tôi nhớ ông Lý, nụ cười độ lượng. Cái giọng xưng ba ngọt ngào. Tôi nhớ rõ cách mời rượu của ông mà có lần tôi chứng kiến ở một quán ăn. Tôi nhớ cách chào hỏi xưng hô của những chức sắc cũng như những tay anh chị khi gặp ông... Vậy ra hắn là người của ông Lý sao? Có thể lắm chớ! Tại sao không?

"Có một điều tôi cần cho ông biết: Cái giá làm ông biến mất khá cao, mà bất cứ ai nghe đến cũng đều khó mà từ chối. Tiền và tình của một người đàn bà.Chắc ông hiểu người đó là ai? Tôi đang

cần tiền,và đàn bà loại đó tôi cũng muốn biết qua.Nhưng trường hợp ông, tôi thấy khó xử."

Hắn ngưng lại bất ngờ, lấy điếu thuốc ra khỏi môi và búng xa xuống mặt sông.

"Mùa thi năm 70 ở Biên Hòa, tôi chịu ông một món nợ. Tôi là người phân minh, trắng ra trắng, đen ra đen. Oán phải trả, nhưng ân không thể không đền..."

Mùa thi năm 70 ở Biên Hòa? Không, tôi không nhớ gì. Đối với tôi, mùa thi đáng nhớ là mùa thi ở Nha Trang, nơi tôi gặp Quỳnh. Và mối tình chúng tôi bây giờ đang là mối bận tâm lớn nhất đời tôi. Tôi nhìn hắn. Tôi chờ đợi một lời giải thích thêm. Nhưng hắn vẫn lặng thinh.

Một lúc sau, hắn đột ngột cất tiếng:

"Ông không nhớ, đó là quyền của ông, nhưng người chịu ơn ông là tôi, tôi có bổn phận không được quên!"

Hắn đã dẫn tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

"Ông Thăng, mùa hè 70 ở Biên Hòa, người thí sinh làm bài thi với một quả lựu đạn trên bàn là tôi..."

A! Trời ơi! Thiệt sao!" Tôi kêu lên. Mùa thi. Một thí sinh. Một quả lựu đạn. Tôi nhớ ra rồi. "Phước! Có phải Ngô Văn Phước không?"

Như vậy là ông có nhớ tôi. Ông Thăng. Cám ơn ông! Phải, tôi là Ngô Văn Phước đây! Ông đã cứu tôi trận đó!"

Trận đó là một muà thi. Vào giờ cuối của buổi chiều, ngày chót kỳ thi Tú Tài hai, người ta đưa lên phòng Hội Đồng Giám Thị biên bản đánh trượt và cấm thi ba năm thí sinh Ngô Văn Phước. Lý do làm bài với một quả lựu đạn đặt trên bàn. Quả lựu đạn đã bị Quân Cảnh tịch thu vì Phước là một quân nhân. Phần chế tài Phước bên quânđội tùy thuộc vào biên bản của Hội Đồng Thi. Trong khi tôi đọc biên bản chờ các đồng nghiệp buộc gói bài thi, thì có tiếng gõ cửa. Một người lính trẻ cao lớn ăn mặc gọn gàng bước vào. Anh chào tôi trong tư thế nghiêm, và hỏi:

"Tôi muốn được nói chuyện với ông Chủ tịch Hội đồng Giám thị."

Các đồng nghiệp ngừng tay hết nhìn người lính rồi lại nhìn tôi. Tất cả đều như đông lại. Anh tiếp:

"Tôi tên Ngô Văn phước, người làm bài thi với một quả lựu đạn!"

Nói xong, anh bước thẳng đến chỗ bàn tôi:

"Tôi có thể trình bày lý do tại sao tôi *phải* làm bài với một quả lựu đạn không, thưa ông Chủ tịch?"

Tôi hoàn toàn bị động ngay từ khi Phước bước vào.

"Tôi nghĩ biên bản mà ông Giám thị lập tại phòng thi lúc nãy

cần phải có chữ ký của tôi."

Tôi cúi xuống tờ giấy. Quả thật là chưa có chữ ký của Phước. Một bạn đồng nghiệp đến sau lưng tôi nói qua vai rất khẽ:

"Thí sinh phạm lỗi không chịu ký, chớ không phải thiếu chữ ký."

Tuy ông ta nói nhỏ, nhưng Phước đã nghe và phản ứng ngay:

"Đúng, tôi không chịu ký vì biên bản không ghi rõ sự thật về trường hợp quả lựu đạn trên bàn tôi. Thứ nhất quả lựu đạn ấy không đi kèm với việc gian lận bài thi. Tôi đã làm xong bài trước khi đặt quả lựu đạn lên bàn. Thứ hai ông Giám thị này, Phước chỉ vào mặt người vừa nói,suốt mấy buổi thi liền luôn luôn lăng xăng chạy qua chạy lại gần như có mặt thường trực ở phòng thi tôi. Người cần biên bản là ông đó. Người gian lận chính là ông đó, vì ông gạ bài và đưa bài giải sẵn cho thí sinh Nguyễn Công Phương ngồi bàn phía sau tôi và cứ án ngang chỗ tôi, khiến tôi khó khăn trong khi làm bài. Tôi đã nhiều lần nhắc ông ta, nhưng ông ta không nghe. Tôi muốn hỏi các ông ở đây, người Giám thị có quyền bám riết một phòng trong suốt các buổi thi không? Và ông này, Phước lại chỉ vào mặt người lúc nãy, xin ông công khai cho biết ông bán bằng cấp Tú Tài cho Nguyễn Công Phương với giá là bao nhiêu?"

Tôi hiểu tôi phải làm gì trong trường hợp đó. Tôi đã giải tỏa Phước ra khỏi cái biên bản quái đản kia, nhưng thất bại trong việc chứng minh sự bất chính của người Giám thị. Tôi không ngờ người Giám thị ấy có gốc rễ lớn. Đụng vào anh ta, tôi đã chịu vào một ổ kiến lửa. Nhưng tôi cần gì. Ngạch trật không phải là cứu cánh của đời tôi. Đó là thời gian tôi hiểu câu nói *"Tuyệt đỉnh của sự công bằng, chính là tuyệt đỉnh của sự bất công"* theo một nghĩa khác, tiêu cực nhất và xấu xí nhất.

Sự công bằng của tôi sẽ phải trả một giá đắt nếu không có sự can thiệp của ông Lý. Giờ đây khi Phước nhắc tôi điều đó, tôi chợt nhớ tới những lần khác mà ông Lý cũng đã phải đứng ra can thiệp cho tôi. Sức mạnh của ông Lý trong khi che chở cho tôi, tuy vậy cũng ít tàn bạo hơn là khi ông chuyển nó sang thành hình phạt đeập lên đời tôi. Buồn cười thay, sống trong sự ngay thẳng đôi khi cũng đồng nghĩa với làm một điều tội lỗi.

Phước đưa tay lên xem đồng hồ.

"Sắp tới giờ giới nghiêm rồi! Nhưng ông đừng lo. Tôi có giấy đi trong giờ thiết quân luật. Tôi sẽ đưa ông về nhà an toàn. Món nợ mà tôi mắc của ông từ xưa, tôi luôn luôn tự hứa sẽ có ngày phải trả. Ngày ấy đã đến. Tôi đang đền. Xin lỗi ông Thăng, nếu từ nãy đến giờ tôi có làm điều gì khiến ông khó chịu, xin ông bỏ qua cho. Từ giờ tôi sẽ không gặp ông nữa. Nhưng khi nào ông cần tôi, tôi luôn

luôn có mặt. Ngày mai tôi sẽ trả lại cho "người đàn bà ấy" số tiền "đặt cọc" mà tôi đã nhận. Có lẽ "bà ta" sẽ nhờ một người khác. Nhưng ông đừng lo. "Người khác" đó cũng sẽ không phải ai khác ngoài những người anh em của bọn tôi."

Phước gắn lên môi một điếu thuốc, bật lửa, mồi, thở khói. Và không lâu, vừa khi tiếng còi giới nghiêm hụ lên, anh ta nổ máy ngay và cho xe chạy hết tốc lực. Trong một thành phố vắng bóng người, Phước chạy xe như một người bị ma đuổi.

Ở những khúc quanh, Phước vẫn giữ tốc độ cao khi bẻ tay lái. Tiếng bánh xe nghiến siết mặt đường làm nhói tim. Tôi ngó nghiêng khuôn mặt anh ta. Lầm lì. Lạnh lùng. Khuôn mặt ấy rất giống Charlton Heston trong cuốn phim *Le Survivant* mà tôi vừa xem tuần rồi ở rạp Rex.

Thả tôi xuống trước cổng nhà ông Phan, Phước nói:

"Chiếc xe Lambretta của ông sẽ có ngay tại chỗ này vào sáng ngày mai. Chào ông. Chúc ông ngủ ngon!"

Tôi nhìn đám khói bay mù sau xe của Phước. Đêm Sàigòn sau giờ giới nghiêm giống như một rạp hát đã vãn. Tôi đặt ngón tay lên cái bấm chuông điện nằm sau trụ cổng. Và chờ đợi.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm
— Răng giả các loại: gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Đặng thị Quế Phượng.

Hoá kiếp.

Hãy là bóng trăng xanh
gieo buồn vào cung phiếm
tiếng nào cũng vô thanh
như là bóng trăng xanh.

Hoá thân

Hoá thân thành những giọt đàn
rơi trong ánh mắt dã man của người
nhưng còn nửa nụ cười tươi
để dành đem tặng đười ươi ở rừng.

Trích tiên

Tai trời ách nước mênh mông
thả con thuyền nhỏ theo dòng mà chơi

Lý Thái Bạch

Chẳng cần say mới thấy ra
cuộc đời không vượt vẫn qua như thường.

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bước chân chim

Cánh cửa được khép lại bởi một vị soeur già. Tiếng rít của cánh cửa sắt làm nàng hoảng hốt chới với. Bên ngoài cửa sắt là niềm vui, là nhộn nhịp. Ở đó có những đứa con gái chải chuốt, nhí nhảnh có những chàng trai phong lưu biết mấy, ở đó có những đôi nhân tình ngồi bên nhau trên những chiếc xe đạp, xe honda tình tứ, và nhất là ở đó có Ngọc, người bạn trai cuối cùng của những tháng ngày rong chơi trên vỉa hè, nhảy dây đánh đáo. Đôi mắt Ngọc đã không rời nàng trong suốt thời gian nàng đứng trên cung thánh hát thánh ca cùng với đám nữ sinh nội trú. Nàng biết thế, và một chút xôn xao một niềm vui nhẹ nhàng đã đến với nàng trong suốt buổi lễ. Không phải nàng đã yêu, nhưng nàng biết có người thích nhìn nàng tức là nàng đẹp. Hôm nay là ngày lễ Giáng Sinh, một trong những dịp lễ hiếm hoi để nàng ra khỏi khuôn viên nội trú để hát thánh ca cho một nhà thờ lớn. Nàng quay lại nhìn lần cuối cùng tất cả những hình ảnh vàng son đó, và ngẩn ngơ đi vào. Nàng bắt gặp đôi mắt nghiêm khắc của vị soeur già, đang chờ nàng là người cuối cùng đi vào, để khép cánh cửa lại. Âm vang tiếng rít của cánh cửa sắt, và đôi mắt của vị soeur già làm nàng chợt tỉnh. Ở đây là tu viện, và nàng là một "soeur" tương lai, nàng sẽ lớn lên ở đây, ăn, ngủ, học, đọc kinh, xem lễ, và làm những việc lặt vặt rồi vài ba năm nữa nàng sẽ là một "ma soeur". Tương lai nàng sẽ đi dạy học, làm trong bệnh viện, trong một trại cùi hay đâu đó rồi về già nàng sẽ đứng gác cửa hay ngồi lẩm bẩm lần chuỗi hạt trong vườn hoa, trong nhà thờ như vị soeur già này. Bỗng dưng nàng thở dài ngao ngán, tiếng thở dài lần đầu tiên. Từ lâu nàng đã chấp nhận cuộc sống này một cách bình thản, nàng đã chấp nhận sống mà không vui, không buồn.

Rồi tiếng chuông báo hiệu giờ ăn, giờ học, giờ dự thánh lễ, giờ thinh lặng, đã xoay nàng vào nếp sống cũ, bình an, quen thuộc. Nhưng tâm hồn nàng đã hết bình an, nàng biết thế, nàng đã bắt đầu

biết tương tư, không phải người nào, nhưng tất cả: những chiếc áo dài, áo đầm sặc sỡ, những đôi nhân tình dìu nhau trên phố, tất cả những hình ảnh đẹp đó đã đi qua đầu nàng, và dày vò nàng không ít trong những đêm khuya khi tu viện đã im lìm yên giấc. Nàng đã biết nói dối bề trên xin ra phố mua đồ dùng và đi lang thang dọc đường phố, dọc bờ sông, ngơ ngác như người thượng du về thành phố. Nàng đi tìm một cái gì đó mà chính nàng, nàng cũng không biết. Nhưng nàng biết mơ hồ một điều là hình như có một vườn địa đàng rất tuyệt vời ở một nơi nào đó rất gần nàng, nhưng không ở trong khuôn viên tu viện. Và cái ý nghĩ đi đến với vườn địa đàng đã dày vò nàng từng ngày hằng đêm.

Rồi một buổi chiều nàng đã rời tu viện, cũng cánh cửa sắt, cũng vị soeur già mở cửa cho nàng đi ra, rồi cánh cửa sắt khép lại, cánh cửa rít lên, cũng tiếng rít đó, nhưng lần nầy làm nàng hoảng sợ... Nàng đã giã từ bình yên, những bạn tốt, những quen thuộc thân yêu, vâng nàng vừa giã từ tất cả. Một thoáng ngập ngừng, rồi thôi, nàng bước đi bằng những bước vội vã không nhìn lại.

Nàng đã lang thang qua những đoạn đời. Ở đây có hoa, có bướm, có màu xanh của lá, của tình yêu, và ước vọng thật hiền như trái tim nàng. Ở đó có một bầy thú, đủ mọi loài thú sẵn sàng dương móng vuốt, và đôi khi thật hiền ngoan dịu dàng như một chú chồn nằm phơi nắng, nhưng lại sẵn sàng chồm dậy, ăn thịt nàng. Những thợ săn thì không sợ thú dữ, mà còn tìm đến để giăng bẫy, để "hạ" thú dữ nữa, nhưng nàng không phải là một thợ săn, mà chỉ là một sinh vật khờ khạo dại dột nhất trong mọi sinh vật, nên nàng luôn luôn là một cái đích cho tất cả các loại thú dữ. Nàng vùng vẫy, chới với, cuồng quay, giữa một rừng thú dữ, nhưng không bao giờ thoát ra được, vì khu rừng này, thế giới này là của thú dữ, mạnh được yếu thua, mà nàng đã trót sống trong một môi trường hiền hòa đơn sơ nên nàng không bao giờ "mạnh"được.

Nàng vẫn bước đi bằng những bước thật ngại ngùng, và vẫn mang trong ký ức, trong tiềm thức trong giấc mộng mị, những bộ đồng phục rộng thênh với bạn bè sách vở, với những khuôn mặt nghiêm khắc của những người trông coi nàng. Một đôi lúc tưởng không thể đi nổi, nàng đã gục đầu trên chiếc valy áo quần mà nàng chưa đủ can đảm mở ra từ ngày đóng lại, vì trong đó mỗi một vật, mỗi chiếc áo, mỗi cuốn vở, mỗi món đồ chơi... đều là mỗi kỷ niệm, những kỷ niệm ngọt ngào đơn sơ với lũ bạn cũng hiền hòa và ngu ngơ như những cục đất. Nàng đã gục đầu nức nở trên thánh giá. Chúa nhân từ mà nàng suýt chọn làm người yêu, những cái lạnh băng của kim loại đúc hình Chúa đã thấm tận cuối hồn, đau như một cái nhíu mày của người cha, như một ánh mắt trách móc của người tình. Nàng lại bước đi, vì dòng đời không chờ đợi, không bao giờ dừng lại nơi một cụm hoa, một giòng suối đẹp để nàng

ngơi nghỉ...

Cho đến một ngày, nàng đã gặp.

Chàng đó, hiên ngang như Từ Hải, dõng dạc và trầm mặc như tảng núi vững vàng. Chàng làm nghề lính, bay trên mây bão, cao xa đời quá, nên mắt chàng xa xăm như giấc mơ không bao giờ đến. Không biết chàng đã đáp xuống bao đời con gái, và bây giờ đang đến bên nàng nhẹ nhàng ấm áp như mùa xuân. Chàng đã cho nàng tất cả tinh hoa của trời đất, trăng sáng hơn, cỏ cây hoa lá đã tươi màu, và màu xanh trái tim nàng đã hồng tươi như hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc vốn mong manh, lại càng dễ vỡ hơn trong thời chiến, và nàng đã trót sống trong thời chiến, nên hạnh phúc nàng chỉ đếm được từng ngày. Nàng chỉ cảm thấy ấm áp, bình an, và chỉ có những nụ cười rộn rã khi nhìn chàng lấm láp trong bộ đồ trận bước vào cửa nhà, và lại hồi hộp lo lắng đến héo hon khi chàng nói "Mai, chiều nay, anh phải đi hành quân" rồi nàng lại sống trong héo hon chờ đợi, một người bạn chàng "nằm xuống", một xe tang với lá quốc kỳ đi qua nàng; ngậm ngùi xót xa cho người con gái, hay người quả phụ, đang chết ngất bên quan tài, rồi ngậm ngùi nhớ đến chàng, thương cho mình, rồi thì thầm với Chúa "Ngài có thể cho con bất cứ khổ đau nào trong tình yêu nhưng đừng bắt chàng chết". Không biết có phải Chúa đã nhận lời nàng không. Vì chàng đã không chết, không bao giờ "được" chết trong lá quốc kỳ, mà chàng vẫn ước ao nếu được chọn một cái chết.

... Và chiến tranh đã vào thành phố, rồi những cuộc đổi đời, cuộc đời đã cuốn sâu chàng trong giông tố phũ phàng, đọa đày tận cùng của đau khổ, thứ khổ đau của một tù nhân chiến tranh. Nàng đứng lại bên đời, bơ vơ như cổ thụ duy nhất còn sót lại trong một khu rừng bị tàn phá, cổ thụ đã bị gãy ngang thân, nhưng phải mọc thêm cành lá để che chở cho thân. Ngỡ ngàng như một triệu phú giờ trắng tay, nàng lại lang thang một mình trong cô độc, đời giờ buồn thêm một chút vì đã thiếu vắng những quen thuộc thân yêu, mắt giờ hết trong vì đã có mây mờ bão tố, môi hết hồng vì phải bậm lại cho nức nở ở lại trong tim.

Nàng đã đi như thế không biết bao lâu..., và một ngày chàng trở về. Hai đứa đã cằn cỗi hơn xưa, chàng đã hết hiên ngang dõng dạc, nàng đã hết mộng mị thần thiên. Và tình đã đổi màu... nên đã không dài hơn những lá thư mực tím, không đo được bằng chiều dài đời người, nên một lần nào đó nàng thoáng nghe pháo nổ rượu nồng, chàng đã đưa ai sang sông, bỏ nàng lại bên đời, bơ vơ như dây chùm gởi thiếu thân leo. Nàng đứng đó, nước mắt lưng tròng, nhìn cuộc tình trôi theo nước mắt, vội xoá đi vết dấu tình đầu, và đau đớn nhận ra rằng, mình đã mất tình yêu khi chưa hề có một nụ hôn đầu.

Nàng lại bước đi, có những bước đơn độc, có đôi khi bước

chung với ai đó một đoạn đường ngắn ngủi, rồi thôi, vẫn cô đơn như hoang đảo. Nàng khát nước, nhưng vẫn kiêu sa như nữ hoàng bại trận, chỉ uống được nước dừa, mà đời khô như sa mạc, nên cơn khát vẫn khôn khuây.

Có một lần nào đó nàng đã lạc đến vườn xưa bạn bè vẫn còn đó, vẫn ấp ủ hồn nhiên, mà sao nàng đã quá già nua. Nàng đã ngồi gục đầu dưới tượng Chúa giữa vườn hoa, bức tượng Chúa dang hai tay buồn rười rượi, có phải Ngài vẫn đưa tay đón con trở lại sao. Không thưa ngài, con đã không còn xứng đáng, con đã dại khờ như một con nai nhỏ được săn sóc nuôi nấng trong vườn, đã tưởng bên goài khu vườn là một thiên đường đầy hoa bướm và đã thoát ra từ khu vườn êm ái, để từ đó, con chẳng hề tìm thấy được một bóng mát một sự bình an trong hồn. Nàng quay ra, vị soeur già khép cửa cho nàng ngày xưa không còn nữa, soeur đang ở một nơi nào đó trên thiên đường, và cánh cửa được làm lại hiện đại hơn, bấm nút cửa lăn về một bên theo bánh xe êm êm, không còn những tiếng rít. Nàng thoáng có một ý nghĩ khôi hài, phải chi cánh cửa ngày xưa êm như bây giờ không có những tiếng rít xoáy hồn, thì biết đâu giờ đây nàng cũng đang góp phần trong tiếng hát vọng ra từ thánh đường trong giờ kinh chiều nay.

Và nàng đã bước một bước thật dài qua nửa quả địa cầu...

Nàng đang ở đây, không phải quê hương nàng, không có một hình ảnh nào quen thuộc, từ ngoại cảnh đến con người. Đã đành người ta là Tây phương, bản chất họ thẳng thắn, và tâm hồn họ thẳng duột, không quanh co khúc mắc như nàng, nhưng sao những con người da vàng tóc đen như nàng, họ cũng thẳng duột tâm hồn, và sòng phẳng như đi chợ. Chán ôi! nàng nhớ đám bạn bè ngày xưa, thương yêu chăm sóc nhau như ruột thịt, nàng nhớ Hòa, cô bạn nhỏ Bắc Kỳ chui hai vòng hàng rào kẽm gai, trốn ra phố mua cho nàng gói lạc rang khi nàng thèm ăn vặt, nàng nhớ hết, mỗi biệt hiệu ngộ nghĩnh của mỗi đứa bạn, bao nhiêu năm trời ăn, học, chơi đùa chung với nhau, vô-vàn kỷ niệm, giờ phút này nàng nhớ không sót một đứa nào. Làm sao kiếm được một đứa bạn như ngày xưa, làm sao có được một người tình tâm hồn vời vợi như thuở đó. Nàng vẫn chết khát trên dòng sông quê người.

Và đêm nay, đêm Giáng Sinh, lần Giáng Sinh thứ mấy trên quê người, nàng đã làm quen được với thứ tình người nơi đây, nàng đã hòa đồng được với họ, chấp nhận được những phũ phàng, đón nhận được những chua cay với sự dửng dưng không một chút xót xa. Giờ này, nơi chốn cũ, bạn bè chắc có đứa đang mơ về một đời sống đẹp như mơ ở bên ngoài cánh cửa. Và có lẽ, tất cả cũng đang dự thánh lễ, đang hát thánh ca trong khung cảnh cũ, thì giờ này nàng cũng đang bước, những bước thật mềm trên sàn nhảy với

một người con trai nào đó vừa mới quen, nàng cũng có thể đùa được với những đứa bạn khả ố nhất, nàng sống như một người nào đó không phải là nàng, nhưng chỉ một thoáng thôi. Có những lúc trở lại với chính mình như bây giờ, nàng quay quắt xót thương cho nàng, nhớ bạn bè, nhớ chốn cũ trường xưa với những bình an muôn thuở.

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bac Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: ***(714) 531-5505***

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

Phạm Việt Cường.

Hoá thạch

Anh cùng đêm trở lại
như kẻ đồng hành - khốn khổ
mấy chén rượu qua chiều tàn
tựa những ngón tay hoang mang
nhấn xuống phím đàn của im vắng
những lời dịu dàng
xưa.

Tự bao giờ không nhớ
đã thành kẻ lãng tai
giai điệu hạnh phúc

Bất cứ nơi nào trong đời
cũng nghìn trùng với một khung cửa
sâu
bóng tối trong mắt người
lệ nhỏ

Mùa đông gục mặt vào thành phố
khóc
trên những con đường mưa gió
đã cùng nhau
anh vẫn cúi đầu qua
thoáng hương sót tàn của một mùa hoa
làm ứ tràn bóng tối

Có phải khuôn mặt em
đã tan thành sương khói
phủ kín chân trời
hồn anh chới với

Ngỡ một đêm rất quen
cùng một mùa vĩnh viễn
ngọt ngào những vọng tưởng điên
gió hát oan khiên ngoài giấc ngủ
những chiếc gai độc - từ môi xưa
đêm lút vào nỗi nhớ

Anh vẫn tiếp tục làm thơ
thật trang nghiêm
cho những điều không hạnh phúc
cho những gì không thể lãng quên
cho những gì tựa tựa như cái chết

Anh vẫn tiếp tục làm thơ
như những ngày mới lớn
như một đêm nào chợt nhớ nhau
như chưa từng biết những trang đời tan tác
vẫn loay hoay tìm một chỗ khởi đầu.

Gửi em tình yêu
bài thơ kiếp khác

Vẫn đau buốt những-đầu-ngón-tay-ôm- đàn-lần-thứ-nhất
hoà theo nhịp tim thao thức
và tiếng đêm thầm
lắng nghe suối tóc sương trắng mùa đông
xoã buồn

những đêm đã mất
lắng nghe dòng đời hung hãn
đang phăng phăng cuốn đi tuổi trẻ

Vẫn ôm đàn làm kẻ hát rong
bên khung cửa đời đã khép
nghêu ngao bài tụng ca
những đám mây và dòng sông mải miết
mười mấy năm còn lạc nhịp
đời

Gửi em tình yêu
khúc hát im lặng

Muốn hái đêm
như những nụ hoa
khuất kín
cắm lên nấm mộ thanh xuân
đã có lần nắng ấm

Vẫn là tên lính gác cổng thành Vesuve
giữ nguyên tư thế
quỳ-dưới-chân-em
khi nghịch cảnh vỡ bùng tàn bạo
khi đời hoá thạch
câm im.

Kiệt Tấn

Vườn chanh miệt biển.

Cõi người có bao nhiêu
Mà tình sầu vô lượng
Còn chi trong giả tướng
Hay một vết chim bay.

(Phạm Thiên Thư)

"Nghẹn ngào niềm nhớ nhau
Thương xót ai trăng sầu bên mái lầu..."

Trời ơi! chắc người con gái đã chết. Ánh trăng còn đó mà khung cửa sổ đã tối đen. Tôi thấy, hình như tôi thấy... Mà rồi tôi không thấy gì hết.

Mái lầu cong vút, như một cung điện, hay là một gác nguyệt. Nàng ra đó chờ ai? để cho ánh trăng đậu lên khuôn mặt liêu trai thành hai vầng nguyệt bạch, một trên mái lầu, một dưới mái lầu, nỗi đìu hiu quạnh quẽ mà quyến rũ chết được. Sự chờ đợi quá đỗi khiến cho nhan sắc tan thành bụi trăng mỏng hòa tan theo cơn gió lụa cuốn bay đi mất hút. Nàng đã trở về gác nguyệt trong vầng ngọc thỏ từ đó nàng đã bước xuống trần một đêm trăng sáng — thời nào? thuở nào? Nàng là cung phi? Không! Nàng là cô láng giềng của tôi. Tôi còn đi học, nàng còn đi học. Tôi si tình ôm đàn đứng dưới khung cửa sổ nhà nàng mà hát. Tiếng ca nở thành những bông hoa lài thơm phức. Đêm ngày ngật.

"Thương xót ai trăng sầu bên mái lầu..."

Nàng ra đứng ở khung cửa không phải để chờ tôi. Nàng xõa tóc. Tôi si tình. Trăng đậu trên những giọt nhạc tuyệt vọng. Vậy mà tôi thương xót nàng. Vì trăng sầu? hay vì một mái lầu trơ vơ vút cong trên tóc nàng vọng nguyệt? Hình ảnh diễm kiều. Trời ơi! chắc nàng đã chết vì quá chờ đợi. Sao nhẫn tâm đành để nàng chờ đợi? Và bây giờ nàng đã chết. Lầu trống. Trăng mỏi.

Dây đàn chợt đứt phựt. Tôi giựt mình tỉnh giấc. Nghe mùi hoa chanh thoang thoảng như hương gót chân của nàng còn để lại.

"Đâu dáng huyền thầm mơ lúc tuổi xanh?"...

•●•

Gió đưa hương chanh chín mùi luồn qua mành lưới đan khít gắn ở cửa sổ. Bên kia cửa sổ, vườn chanh đang khua lá giặt rữa dưới dòng trăng, rì rào suối nguyệt. Lẫn trong hương chanh còn có mùi biển mặn mà từ vịnh dưới thấp ùa lên. Cánh cửa sổ bằng cây tôi quên cào móc đập vào khung cửa — là lúc dây đàn tôi đứt phụt? Cơn mơ "*Vọng Nguyệt*" một lần nữa lại trở về. *Ngày nào một giấc mơ, đâu những đêm trăng mờ ai ngóng chờ...*

Tôi đã mơ giấc mơ đó năm năm về trước — hay lâu hơn nữa không biết chừng. Tôi thả thuyền lá trên dòng phù sa, nhẹ lướt dưới khung cửa chiếc sàn nhà. Người con gái môi hồng mặt mũi trắng tinh, chiếc áo lụa đen càng làm nổi bật chiếc cổ thanh tú của loài thiên nga tha thướt về đậu ở ô cửa. Dưới trăng, một cành mai vàng rực rỡ chi chít những bông la đà rũ xuống khung cửa nơi nàng xuất hiện. Thuyền nhẹ lướt tới. Và tôi ôm đàn cất tiếng hát: "*Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn dạo muôn tiếng tơ. Không gian trầm lắng như âu yếm ru ai trong giấc mơ. Mái tóc nhẹ run, trăng vờn làn sóng. Yêu ai anh nắn cung đàn đầy vơi đôi mắt xa xôi...*"

Nàng chải tóc, có vẻ hờ hững. Tôi hát rất lâu. Thuyền tôi trở đi trở lại. Nàng vẫn chải tóc làm thinh. Bông mai vàng rụng xuống như mưa bấc mà trăng thì sáng vằng vặc. Khi tỉnh giấc tôi còn ngất ngây như say rượu. Và tôi ngã bịnh. Tôi tương tư người con gái trong giấc mơ. Cơn mộng đó đeo đuổi tôi cả tháng trời mới chịu buông thả. Từ ngày ở nhà thương điên ra đến bây giờ giấc mơ đó lại trở về, cùng với biết bao hoài niệm thương động khác. Như một người sắp lẫn lộn, chuyện gần tôi quên, chuyện xa tôi nhớ. Trong tiềm thức tôi mọc lên một vừng nguyệt bạch, một mái lầu và một người con gái trắng tinh ngồi ở cửa sổ ngóng đợi. Và tôi si tình chất ngất. Si tình ai? Ai đã ra ngồi bên cửa sổ của chiếc nhà sàn đậu trên hàng chân khẳng khiu của loài vạc ăn đêm. Tôi có một trái tim rung động, mà nàng ơi có biết? Chiếc nhà sàn! phải rồi, *Hoa Bến Đò*, người yêu đầu tiên của tôi bên dòng sông Định Tường hiền hậu, hiền hậu như đôi mắt nàng mười lăm tuổi ngờ nghệch. Nhà của Hoa thuộc loại nhà sàn nửa trên bờ nửa dưới nước. Chẻ tre bện sáo cho dầy, ngăn ngang sông Mỹ có ngày gặp em. Nhưng Hoa đã đáp lại tình tôi. Còn người con gái trong mơ thì hờ hững, mối tình si chưa giải tỏa được khiến tôi còn nằm mơ thấy hoài. Thấu chăng Mị Nương?

*

* *

Villefranche-sur-Mer.

Chiến hạm Mỹ buông neo đậu sừng sững đồ sộ. Gigi lội ra xa về phía đó day lại ngoắc tôi. Cánh radar hình lòng chảo quay tít trên cột cao. Dàn đại pháo nhiều cỡ loe miệng ngó trừng trừng đất liền, họng súng phía bên kia trông ra biển. Tôi vẫy tay. Ầm! Ầm!... Mấy tiếng vụt nổ long trời lỡ đất. *Rừng cao su bốc cháy trong trí tôi.* Bà Gigi lặn xuống. Mấy tiếng nổ xé lòng vịnh vang dội. Thủy thủ Mỹ đang chào quốc kỳ trên chiến hạm. *Chiếc cờ hoa có sọc phất phới trên tòa đại sứ đồ sộ bên đại lộ Thống Nhất, nhiều chiếc trực thăng bốc lên, lao chao người đeo.* Tôi vỗ trán. Ầm! Ầm!... Người đàn bà trồi lên mặt biển. Buổi chào quốc kỳ của anh khổng lồ có đôi chân bằng đất sét chấm dứt. Một chiếc phản lực từ sân bay trên tàu vút ra phía biển, lấp lánh ánh bạc dưới mặt trời ban sáng. Chiếc phi cơ đảo một vòng, cất lên cao rồi bay về phía Saint Tropez.

Người con gái nằm phơi đôi vú nõn trên nền đá cục tròn xám trên bãi biển. Vịnh Villefranche nằm giữa Nice và Cap Ferrat. Nước sâu, lòng rộng, khuất gió như Vịnh Cam Ranh. Trong thời Đệ nhị thế chiến, vịnh là nơi dưỡng quân và chuẩn bị hành quân cho hạm đội Mỹ. Từ đó quân đội Đồng minh đã kéo xuống đổ bộ ở Sicile, cầm chưn lực lượng Đức, Ý để giải bớt áp lực cho Cuộc Đổ Bộ thực sự khai diễn ở Normandie. Chewing gum, xô-cô-la, thuốc lá, coca cola, bar, gái điếm... ở đâu có lính Mỹ đều như vậy hết. Cam Ranh, Villefranche hay Đà Nẵng cũng vậy. *Xêm xêm!* Những năm sáu mươi, tướng De Ganlle đã nổi xung đuổi hạm đội Mỹ đi chỗ khác chơi. Kinh tế Villefranche suy sụp, dân chúng bất mãn, thanh niên thanh nữ kéo đi chỗ khác làm ăn. Villefranche già nua, hoạt động đánh cá lèo tèo, mùa hè du khách kéo tới bôm sức sống cho vịnh trong hai tháng Bảy và Tám. Những tên lính thủy xâm mình và gái đĩ không mặc quần lót chỉ còn là một kỹ niệm. "*Yankee go home!*" Và Villefranche trở về với dân làng. Còn Cam Ranh thì lọt vào tay ngợm răng đen mã tấu.

Năm nay, năm thứ hai liên tiếp tôi trở lại Villefranche nghỉ hè theo lời mời của đôi vợ chồng già: ông Jacques và dì Gigi. Năm ngoái có tôi, vợ và hai con Phương, Thụy. Năm nay chỉ có tôi và Ánh. Cách xưng hô bắt chước theo chị Huệ Chi, người chị bà con xa gần của Ánh. Chồng của chị là Pierre, người Pháp, gọi chị dưới danh hiệu Lili. Má của Pierre, bà Mami, là em của Gigi. Gia đình chỉ có hai chị em duy nhứt mà giận nhau từ lâu, không thèm ngó mặt. Vợ chồng Papi và Mami cũng có hai người con trai duy nhất là Pierre và Jean Francois, nhưng hai anh em cũng không thuận thảo nhau gì mấy. Pierre ít nói, người hiền lành tốt bụng, và đặc

biệt là có nhiều rượu vang rất ngon, lần nào tới ăn cơm tôi đều được thưởng thức. Jean Francois là giám đốc một hiệu bào chế mà coi bộ keo kiết, không điệu nghệ. Vợ là Annick tham lam, ganh tị, không cởi mở, kênh kênh. Thỉnh thoảng trong những buổi họp mặt cuối năm ở nhà Pierre và Lili, tôi có gặp và chào hỏi qua loa.

Jacques và Gigi tuổi độ lục tuần, không có con cái, hình như có một trai đã chết hồi nhỏ, vì lý do gì tôi không rõ, nhưng cũng không dám khêu gợi mối thương tâm. Hai vợ chồng già nua sống trong hiu quạnh, hầu hết tại căn nhà ở Monaco, mùa thu thì ngụ một tháng tại biệt thự ven biển Tây Ba Nha, mùa hè thì đóng đô ở biệt thự "Nikasa" nằm trên dốc cao ngó xuống vịnh Villefranche. Biệt thự gồm một tầng trệt tôi đang chiếm ngụ, giáp ranh với một vườn chanh, đằng cuối vườn có gốc thông già nghiêng mình ra mé biển. Bên trên là một tầng lầu hai vợ chồng ở, có bao lơn tròn rộng sắt uốn vân vi, từ đó ngó xuống nhìn thấy toàn diện cả vịnh và Cap Ferrat. Chiều tà nắng quái trên cây cối um tùm ở Cap xa xa và nước biển nhiều lớp xanh xậm, xanh ngọc giao tiếp nhau lấp loáng rắn vàng, gây cảm giác xao xuyến bồi hồi, mơ ước vẩn vơ. Một cội bông giấy màu tím quấn quít quanh cây cột chống bao lơn bò vươn lên cao, phóng ra những nhánh cần câu trĩu nặng bông chùm chùm chi chít, làm nhớ giàn bông giấy nhà tôi hồi ở Hàng Xanh, nơi có bà lượm lon thường qua lại.

Tòa biệt thự xinh xắn và khu vườn chanh được ngăn cách với hai ngôi biệt thự giáp ranh bằng hai dãy rào cây tươi, thỉnh thoảng tôi tiếp tay với ông bạn già để cắt xén. Ngôi biệt thự bên trái sơn màu trắng, ngói mới thay còn đỏ tươi, trưa trưa nghe có tiếng trẻ khóc, tiếng chó sủa, và chiều chiều thấp thoáng có dáng người tưới nước sau vườn. Ngôi biệt thự bên phải mảnh khảnh vươn lên chiều cao, sơn màu gạch nung cũ úa, có vẻ hoang phế dù bên trên cửa sổ mở toang, nhưng năm nay không thấy bóng người. Khi bắt thang lên xén rào, tôi ngó thấy bên đó cũng có khu vườn chanh nhưng đìu hiu xơ xác, lá rụng đầy, có cả những trái chanh chín vàng lớn nằm rải rác dưới gốc. Giữa vườn là một thân dừa kiểng vút lên cao, lá xoè ra hình rẻ quạt — hình như tôi đã thấy ngôi nhà cao và thân dừa xoè lá này ở đâu rồi, hồi còn thơ ấu, hay trong một giấc mộng trẻ con nào đó. Từ lúc rời nhà thương điên tôi thường có những hoài niệm, những ảnh hiện loé chớp rồi mất hút. Như tiếng kêu giật thốt ở đầu sông.

Chiều tàn...

***

"Ngày nào một giấc mơ
"đâu những đêm trăng mờ ai ngóng chờ

"khi ánh trăng thành thơ nhẹ gió đưa
"theo tiếng đàn thuyền mơ tìm bến xưa...

Tôi trở lại vườn chanh đi thơ thẩn. Trăng nghiêng chênh chếch. Chân đạp trên lá khô mà tiếng động đâu mất. Chỉ còn lại ánh sáng xanh xao ngủ trên vỏng chanh giăng ở đầu ngọn đong đưa. Khung cửa sổ vẫn mở toang trên cao như chờ đợi ? (đợi ai?), im lìm, không thấy bóng người. Chợt tiếng dương cầm tuôn ra, từng giọt buồn buồn: "lá la lá la lá là lá la là... Pour Elise... là là la la... là la la lá..." *như năm ngoái (hay kiếp trước?) Nàng đã trở lại, và đánh đàn như năm ngoái, cũng bản đó, thánh thót trong leo lẻo. Tôi tưới nước ở vườn chanh ngó lên thấy mái tóc bạch kim phất phới ở khung cửa khi tiếng đàn đã dứt, chỉ còn lại tiếng mưa rơi rào rào trên vòm lá chanh dưới cơn mưa từ tay tôi toả ra. Nàng ngó ra hướng biển như chờ đợi (đợi ai?). Còn tôi thì ngây ngất như sắp lên cơn sốt.*

Tiếng dương cầm giờ đây mưa xuống thân tôi ướt sũng trong vườn chanh đang trở giấc theo tiếng đàn của nương tử dục gọi... "là là la la, là lá la la"... *Tiếng dương cầm dứt bặt đã lâu mà sao vẫn chưa thấy nàng trở ra khung cửa ngóng biển như năm ngoái? Trăng dần dần xế. Tôi ôm thân dừa leo lên cao, định tới tầm cửa sổ ngóng cổ ngó vào. Càng leo lên, thân dừa càng mọc dài, ngôi biệt thự màu gạch nung cũ úa cũng vươn lên biệt vụt. Trăng mỏi, tay tôi rã rời. Tôi níu lấy tàu dừa thấp nhứt tính đu lên. Tàn dừa tét xuống, tôi rơi vào khoảng không, nhẹ hổng lao chao như hương hoa chanh chín mùi bạch nguyệt trong bụng còn thấy ngùi thương cho người cung nữ đời kiếp nào đó, bên lầu son điện ngọc, nhìn trăng khuya dạo khúc tỳ bà mà ước mơ ân ái. Trải vách quế gió vàng hiu hắt, mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng...*

Níu tàu dừa té xuống đất, tôi giựt mình tỉnh giấc. Lơ mơ, lười biếng, tôi lăn mình quay lưng ra vườn chanh thiu thỉu ngủ lại. Mái lầu cong vút ngước lên, trăng cựa mình sắp mọc. Tôi sắp mơ lại giấc mơ năm năm về trước. Tôi bàng hoàng ngồi dậy, bước xuống giường rồi sang bếp cạnh bên tìm nước uống. Tôi mở hai cánh cửa lá sách lớn xô ra, trăng ngã xuống nền sỏi dưới chân, tưới lên thân thể tôi thoảng theo cơn gió mát rượi. Mùi chanh chín sực nức đã cùng tôi thức dậy. Lá mướt trò chuyện rì rào. Tôi bước xuống nền sỏi lạo xạo, đến ngồi ở bàn ăn ngoài hè kê dưới bao lơn từng trên. Tôi vói tay cầm bao thuốc lá rút ra một điếu định châm hút, nhưng thôi không đốt, sợ làm hư mất hương chanh. Ngoài vườn có tiếng ve kêu (hay tiếng vẹt sành?) khàn đục. Con ve năm ngoái? Không lẽ, vì ve chỉ sống được có một mùa. Con ve mùa hạ trước đã hoàn tất khế ước của mình với trời đất, với mùa màng đã sinh ra nó: *Sống và ca hát, một mùa,* hồn nhiên, không tiếc thương, không

ray rức. Trong lúc chúng ta có biết bao người bỏ cuộc dù chưa tới hạn kỳ và ân hận trong suốt thời gian đó. Thời gian ba trăm sáu mươi lăm ngày. Tôi muốn nghĩ là con ve hạnh phúc. Hạnh phúc ở chỗ nó không biết mình hạnh phúc. Tôi vói tay nắm cổ chai rượu *rosé de Provence* còn bỏ quên trên bàn ăn tu một ngụm, hậu vị lạnh mát ngọt ngọt. Vậy mà đã một năm rồi!

Năm ngoái tôi lái xe xuống Villefranche vào giữa tháng Tám, một ngày thứ bảy, từ Paris. Càng tiến dần xuống miền Nam, trời càng nóng dữ. Tới Avignon, bình điện vụt hư, tôi phải mất nhiều giờ đẩy xe và chạy lanh quanh kiếm mua bình điện mới thay vào. Khi xe đậu lại trước biệt thự *Nikasa* thì trời đã xẩm tối. Tôi bấm chuông. Từ trong nhà bước ra một người đàn bà dong dỏng cao, tóc hớt ngắn, mắt kẻ xanh phớt, tay ôm con chó đen nhỏ: dì Gigi, lần đầu tôi mới biết. Câu đầu tiên là bà xin lỗi vì chồng bà mới đi chửa răng bị nhức đầu không ra chào chúng tôi được. Dì hỏi sao chúng tôi đến muộn vậy, dì e chúng tôi lạc đường, hoặc tách khỏi xa lộ rẽ vào Saint Tropez rồi theo dòng xe đen nghẹt chạy dọc theo mé biển mà tới đây, nếu vậy cần tới khuya cũng chưa chắc đã đến được Nice. Giọng dì khàn khàn, âm lớn, mặt mũi bộ tịch giống như Annie Cordy, người nữ ca sĩ tuổi đã lục tuần mà lên sân khấu còn nhún nhẩy gọn gàng, lã lướt. Dì tiếp tay chúng tôi dọn xách hành lý, giao chìa khoá cho chúng tôi ở từng trệt rồi kiếu lui để chúng tôi được tự tiện xếp đặt và ăn uống nghỉ ngơi.

Lìa xa không khí chen lấn ngột ngạt ở Paris đến nơi cảnh trí tịch mịch hữu tình, chúng tôi rất ưng ý. Ăn uống qua loa với cơm nhồi và mấy đùi gà chiên Ánh làm sẵn đem theo, hai đứa nhỏ bắt đầu ngáp. Cảm thấy ngứa ngáy ở đùi, tôi đưa tay gãi, chiếc quần jeans chợt bể vụn như giấy, tôi lấy làm kỳ lạ. Sực nhớ lúc ôm bình điện, nước đổ ra ngoài, chất cường toan thấm mục vải ướt. May là ở đùi. Tốn một bình điện mới và tiêu mất cái quần jean. Mọi người rút lui lo trải giường nệm. Chỉ còn mình tôi ngồi lại ở bàn ăn kê dưới bao lơn. Trời đã tối.

Xuyên qua vườn chanh ngó xuống vịnh, những vệt đèn đỏ dài nối đuôi nhau lặng lẽ trôi về Nice, đánh vòng uốn theo vành cung của Bãi Thiên Thần đang thiếp ngủ bên bờ Địa Trung Hải. Tôi nhớ, không biết nhớ gì, nhớ ai. Một cặp bướm đêm lớn bằng nửa bàn tay vụt xuất hiện, bay xập xoè phát ra tiếng cánh vỗ trên rào cây sát bàn ăn, thả vòi hút mật bông, đoạn cuốn xoắn lại di chuyển sang bông khác. Có phải là giấc mơ của Trang Tử đang dạo chơi, để khuya về nằm ngủ lại mơ thấy mình hóa thành chàng thư sinh ôm đàn mà gãy dưới trăng sáng? Chợt có tiếng đàn vẳng tới từ phía bên mặt, tiếng đàn dương cầm từng giọt thánh thót, *Pour Elise*. Tưởng chừng là tiếng nhạc toả ra từ máy hát đâu đó. Nhưng

tiếng đàn sinh động hơn nhiều, và có câu bất thần dạo lại như chưa ưng ý. Ai đó đang gõ lên phím ngà làm bật nẩy điệu trữ tình dìu dặt. Tôi vói tay tắt ngọn đèn dưới dạ bao lơn và ngồi nghe tiếng dương cầm trong bóng tối. Ngoài kia trăng sáng trên vườn chanh, ve khua điệu ca trầm trầm. Khi bản nhạc dứt, tôi còn ngồi nán lại chờ nghe tiếp. Năm phút, mười phút. Bằng bặc. Cơn mệt đường xa vạn dặm thấm vào người. Tôi đứng dậy vươn vai hít một hơi chanh đầy ứ rồi xô cửa bước vào nhà bỏ lại sau lưng ánh trăng ngã trên nền đá sỏi, những viên đá tròn trắng, xinh nhỏ như những viên kẹo tuổi thơ.

***

Buổi sáng dậy muộn, chúng tôi đang ngồi uống cà phê ở bàn ăn ngoài hè thì Jacques từ trên bao lơn bước theo những nấc đá xanh đi xuống. Ông bắt tay tôi, chào hết mọi người và xin lỗi vì buổi chiều hôm qua không có mặt khi chúng tôi đến. Tóc ông bạc trắng, hai vai rút lên, lưng hơi gù. Ông nói bà Gigi đã xuống biển từ sớm, ngày nào cũng vậy. Jacques có vẻ hấp tấp, nói mình đi sang Monaco có chút việc rồi kiếu từ, chúc chúng tôi ngày nay chơi vui, và dặn chúng tôi khóa cổng trước khi ra biển. Ông leo trở lên những bậc đá xanh, chập sau tôi nghe máy xe nổ, bánh xe lăn rào rào trên đá vụn rồi tiếng động cơ từ từ vắng xa. Mặt trời rực rỡ, báo hiệu một ngày nắng nóng.

Chúng tôi xuống bãi quả nhiên thấy dì Gigi đang ngồi bẹp trên lớp đá cục xanh xám tán gẫu với mấy bà bạn. Dì giới thiệu chúng tôi với mọi người. Tôi rũ dì xuống biển, dì nói đã bơi lội xong từ sáng sớm. Sáng nào cũng lội khoảng năm cây số trong vịnh, thành thử người dì không có chút mỡ. Dì nói chuyện thẳng thắn, không điệu điệu quanh co như mấy bà đầm già khác. Tôi cho biết ông Jacques có xuống chào chúng tôi và đã lái xe đi Monaco có chút việc. Dì nói:

— Việc gì mà việc! Ổng lại qua nhà bên đó xụp màn nằm trong bóng tối để rầu rĩ. Nằm bên này chán lại qua bên kia nằm, hết năm này đến năm nọ.

Tôi nghe lấy làm lạ, nhưng không tiện hỏi thêm. Tôi nhào xuống biển bơi lội bì bõm. Nước tương đối ấm, dù không ấm bằng nước Vũng Tàu, nhưng ấm hơn ở La Baule, bãi biển cát mịn bên bờ Đại Tây Dương. Lần nào trở lại Côte d Azur tôi đều liên tưởng tới Diane, *Người Em Xóm Học*. Và Lộc anh tôi, giờ đã vượt biển tấp vào Canada, sau năm năm cải tạo trong ngục tù của ngợm. Con gà quay xé chia cho ba đứa. Diane mút xương, bánh *pan bania* kẹp cá thu xà lách và nước ngọt uống ở vòi gương sen khi gội xã muối trên người. Một eo biển nào đó tôi và Diane đã trầm mình, không nhớ rõ, ngót hai mươi năm về trước. Giờ trong ba đứa chỉ

có mình tôi trở lại miền biển này.

Thụy mang mặt nạ kiếng xách chĩa đi săn cá. Phương nằm phơi nắng trên khăn lông trải rộng. Tôi lội xong lên ngồi ở mé nước vọc mấy hòn sỏi, lựa những viên đá vân nhiều màu chất thành đống nhỏ. Sóng biển đập vào nửa người tôi rồi rút ra, tiếp theo đợt sóng khác. Ánh ngồi đó tán gẩu với Gigi. Dì lại than thở về tình trạng ông Jacques. Mười mấy năm nay ông không hề xuống biển. Mười mấy năm nay ông sụp màn xuống trốn nắng, nằm ngó trần nhà mà nhơi đi nhơi lại những chuyện khổ đau cũ rích của mình. Chuyện gì tôi không rõ. Sự khủng hoảng kinh niên của ông Jacques dần dần lây sang Gigi, dì cũng phải uống thuốc an thần từ nhiều năm nay để ngủ và để quên tình trạng lây lất của chồng mình. Dì hay bị những con chóng mặt xây xẩm bất chợt vì thuốc an thần. Những giây phút dì xuống biển bơi lội buổi sáng là những giây phút xả hơi duy nhứt để lấy lại nghị lực hầu trở về bên cạnh người chồng buồn thãm. Tôi rùng mình nhớ lại thời kỳ tôi nằm ngó trần nhà ở đường Pyrénés lúc thất nghiệp. Tôi nhặt hòn đá xanh lớn ném bùm xuống biển rồi phóng người theo, lặn trốn những ảnh hiện nhức nhối.

Buổi chiều Jacques mời chúng tôi lên bao lơn uống rượu khai vị nói chuyện chơi. Jacques có vẽ tươi tỉnh, niềm nỡ, lịch sự. Đàn bà con nít uống nước cam. Jacques uống *martini*, còn tôi cầm ly *pastis,* đục ngầu mùi *anis* của vùng *Midi*- mà trong lòng ham sống háo hức. Tôi nhìn sang Jacques tò mò — sống ở vùng này mà buồn thảm được sao? — rồi ngó xuống vịnh dàn trải bên dưới. Sau một ngày nắng chói, hơi nước buổi chiều bốc lên mờ mờ như sương mù. Tôi đưa mắt sang ô cửa từ đó phát ra tiếng dương cầm thánh thót đêm qua, thấy thấp thoáng một mái tóc bạch kim, hình như là...

— Kiệt này! bạn có muốn lấy thêm đá không?

Tiếng Jacques hỏi làm tôi giật mình. Ông gọi tôi lúc chuyện trò là *"mon cher ami" (*hoặc *mon vieux)"*. Tôi đưa ly hứng cục nước đá vuông từ chiếc muỗng lớn trong tay ông bạn già. Jacques nói:

— Bây giờ chắc bạn yên nơi yên chỗ rồi chớ?

Thấy tôi lơ ngơ có vẻ chưa hiểu câu hỏi, Jacques tiếp:

— Lili có kể tôi nghe gia cảnh của bạn. Từ ngày Sài Gòn sụp đổ, bạn xất bất xang bang ở Paris. Nhưng rồi bạn và Anne (tức là Ánh đó) vẫn trì chí vươn dậy làm lại cuộc đời. Bạn thật là một người can đảm, bạn giữ vững được tinh thần.

Tôi chỉnh lại ý kiến đó :

— Tôi cũng có dạo vào nằm bệnh viện tâm lý rồi chớ đâu có giỏi dắng gì?

— Nhưng rồi bạn vẫn ngoi lên được. Bạn hơn tôi rất xa.

Tôi chỉ sang Ánh:

— Bà này còn giỏi hơn tôi nhiều, không hề "xệ" như tôi bao giờ.

Gigi tán đồng:

— Đúng đó! Nghe nói cháu lui cui ở trong nhà bếp nhà hàng hết năm năm phải không?

— Dạ chưa tới. Chỉ có bốn năm và chín mười tháng gì đó.

— Ối! thì cũng kể như năm năm. À, hôm nào rảnh cháu dạy cho dì làm món cơm rang Quảng Đông nghe.

Trúng tủ nghề của nàng, Ánh ô kê ngay lập tức và biểu dì đem ra miếng giấy trắng và cây viết cho nàng kê toa: lạp xưởng, đậu xanh, cà rốt... còn nói thêm nàng có chở theo gạo thơm từ Paris xuống (mít ơi là mít!). Để hai người đàn bà bàn chuyện hành quân soong chảo, tôi và Jacques nói chuyện vu vơ về thời tiết. Ông bạn già ra đứng cạnh bên tôi tì ở bao lơn vân sắt chỉ chỏ xuống vịnh giải thích các địa điểm, ông hứa hôm nào tôi không tắm biển ông sẽ chở tôi sang Monaco chơi. Tôi liếc sang ngôi biệt thự nâu đỏ, định hỏi Jacques về người thiếu nữ có mái tóc vàng ánh, nhưng rồi thôi, không hỏi. Jacques lên tiếng, như để giải thích tình trạng "ngó trần nhà" của mình:

— Tôi hay nằm ngửa trong bóng tối vì khi ngồi ngó ra nắng tôi hay bị chói lòa nổ đom đóm, lỗ tai lùng bùng như sắp ngất xỉu. Nhưng đó là chuyện riêng của tôi, bạn chớ khá bận tâm mà mất vui trong lúc nghỉ hè. Bạn và Anne rất xứng đáng được ngơi nghỉ. Tôi nói thiệt, bạn chớ bận tâm.

Tôi nâng ly

— Cám ơn bạn... (Tôi dừng lại trầm ngâm), bạn có bao giờ thử ngồi tham thiền chưa? Tôi nghe nói tham thiền có thể trị được chứng chóng mặt nhờ định tâm.

— Ờ, tôi cũng nghe nói qua loa về hiệu quả của sự tham thiền và về triết lý thâm sâu của *Thiền* mà chưa có dịp tìm hiểu. Nhưng tôi e với đầu óc hình thành theo kiểu Tây phương, tôi khó lòng mà thấu được cái tinh túy của Đông Phương. Bạn có thể giải thích sơ qua Thiền là gì cho tôi nghe được không?

Tôi mỉm cười hớp một ngụm *pastis* thơm tho. Tôi chỉ tay về phía vịnh bên dưới hỏi Jacques có nhìn thấy gì không. Ông bạn già ngó một hồi:

— Tôi không thấy gì lạ.

— Bạn hãy ngó kỹ lại coi

Jacques nhìn theo hướng ngón tay tôi chỉ:

— À à... tôi nhìn thấy một vừng bông đỏ trên Cap Ferrat.

— Tôi cũng thấy như bạn vậy. Tôi đâu có giỏi gì hơn bạn.

Jacques ngần ngừ:

— Người Á Đông các bạn hay có lối nói úp mở thật khó hiểu.

— Bạn tưởng nó khó hiểu thành ra không hiểu được, chớ thật ra có gì đâu để mà hiểu. Tất cả đều sờ sờ ra đó, chỉ cần bạn chú ý. Nếu chú ý, bạn sẽ thấy và cảm nhận được.

Tôi xòe bàn tay khoa bao quát lên vườn chanh dưới bao lơn:

— Bạn có ngửi thấy mùi gì không?

Ông bạn già hĩnh hĩnh mũi:

— Tôi ngửi thấy mùi chanh

— Đó! bạn thấy tôi có giấu gì bạn đâu mà bạn lại hỏi tôi Thiền là gì?

Tôi mượn lời nói của một thiền sư khi đức vua tới hỏi sư "Thiền là gì?" và sư dắt vua đi dạo trong một vườn cam hoa đang nở rộ. Jacques mỉm cười:

— Người Á châu các anh thiệt kỳ lạ!

— Ấy! bạn lại muốn hiểu (Tôi cười xòa). Ngày mai tôi sẽ cho bạn mượn một quyển sách tôi có đem theo tựa đề *"Con Đường Đoạn Luyến"*, trong tinh thần Phật Giáo. Bạn nên đọc chơi vậy thôi chớ đừng cố gắng hiểu nếu bạn không hiểu. Vì tất cả đều có sẵn ở bạn, chẳng qua tại bạn không để ý nên không thấy đó thôi.

Chia tay nhau, chúng tôi trở xuống nhà dưới, Ánh làm cơm xong thì trời đã chạng vạng. Phương Thụy dọn ra bàn ăn ngoài hè, tôi bật đèn, loài côn trùng có cánh bu tới. Mấy con thằn lằn cũng bò ra khỏi chỗ ẩn núp và đeo dưới dạ bao lơn rình mồi. Có cả một con cắc kè nhỏ có đốm nâu, xám, xanh e dè đeo ở xa xa. Từ ngày qua Pháp tới giờ tôi mới được thấy thằn lằn. Trông tụi nó thiệt ngờ nghệch và hiền hậu. Vậy mà tụi nó có bà con xa gần với loài khủng long thời khuyến sử dài cả hai ba chục thước mới lạ chớ!

Ăn uống dọn dẹp xong. Ánh và hai đứa nhỏ lui về phòng đọc sách. Mình tôi ngồi lại ngoài hè hóng mát và nghĩ ngợi vẩn vơ. Tôi thấy lòng mình bận bịu vì Jacques và Gigi — có cái gì không ổn sao đó, một lý do thầm kín u uẩn sau nỗi buồn thảm của đôi vợ chồng già mà tôi chưa biết được. Con bướm Trang Tử lại xập xòe xuất hiện, nhưng chỉ có một mình. Phấn bướm bay ra làm tôi ho sặc. Tôi vói tay tắt ngọn đèn cho bướm bay đi nơi khác. Ngồi lại một mình trong bóng tối ngó ra vườn, trăng đang rải bụi sáng xuống các ngọn chanh, tôi có ý chờ tiếng dương cầm tỏa ra từ khung cửa khuất tối bên kia rào dậu. Nhưng chỉ có những cơn gió hắt hiu luồn tay chải gỡ lào xào giữa tóc chanh rồi lá và những cơn chớp xa xa lóe lại từ Cap Ferrat kèm theo giọng gầm gừ vẳng nhỏ. Từng cụm mây đen mỏng vội vàng lướt qua trăng khiến cho vườn chanh chợt tối chợt sáng chập chờn.

Tôi mở băng nhạc Việt vặn nhỏ để bầu bạn với mình cho bớt lẻ loi. Một bài, hai bài, rồi một nhịp. *tango* chợt đánh lên dạo nhạc,

người nữ ca sĩ cất tiếng hát bài *Mưa Rơi* của Ưng Lang — hình như Ưng Lang chỉ viết có mỗi một bài nhạc này..."*Mưa rơi! Đìu hiu dưới trời, đêm dài vắng ai, thương nhớ nào nguôi!*... dứt tiếng hát, đàn phong cầm dạo lại đoạn đầu, rồi tiếp theo là đàn măng-đô-lin run khua ròn rã. Tim tôi chợt xúc động mãnh liệt, nước mắt tôi ứa ra. *Trời ơi! tiếng đàn thơ dại của tôi đây mà!* Tôi mười một tuổi, tập đánh măng-đô-lin, đêm tối tôi ra ngồi trên bực cửa sổ của căn gác lót ván và run miếng vãy đồi mồi trê-ma-lô lẳng tẳng trên dây đờn gợi kép. Bên dưới, nhà cô láng giềng cách đó một căn đóng cửa im ỉm. Tay đàn tôi vụng về mà lòng tôi thuở đó ôi thành thật xiết bao! Thành thật như ánh trăng trần truồng, mủm mỉm, vụng dại nằm ngây thơ trên mái ngói nâu đỏ ấm áp khít bên cửa sổ chỗ tôi ngồi. Nước mắt tôi lăn ròng ròng xuống má.

Mưa rơi! chiều này vắng người
bên thềm lá rơi, mơ bóng ngàn khơi...

Ngón đàn khờ khạo của tôi chợt nhận ra thì cũng chợt tan tành như chén ngọc gọt từ trái tim của chàng ca sĩ đa tình nhưng bạc phước. Cửa nhà nàng vẫn đóng im ỉm. Ánh trăng còn đó mà con tim ấu thời tự lúc nào đã vỗ cánh và bay đi biệt tích. Có phải tiếng đán măng-đô-lin vụng khờ mười một tuổi thuở đó đã hòa tan vào tiềm thức tôi thành giấc mơ *Vọng Nguyệt* bây giờ.

Trời chớp. Sét nổ.

Mưa bắt đầu lắc rắc rơi từng chấm mịn nhỏ xuống vườn chanh. Ngón đàn khờ khạo của tôi đã mất thiệt rồi! Tiếng dương cầm cũng im bẵn bặt bên kia rào dậu. Đêm nay chỉ còn có cơn mưa xoi lủng trí nhớ dột lên phím ngà hiu quạnh. Và có tôi lẻ loi ngồi khóc ngậm ngùi tuổi ấu thơ của mình bên vườn chanh miệt biển.

Mưa rơi!
màn đêm xuống rồi
bên thềm lá rơi...

*
* *

Buổi chiều mát mẻ. Một buổi chiều ở biển, sau khi lặn hụp cả ngày trong nước mặn, nắng rát, da căng đỏ. Buổi chiều, hiu hiu như muốn lãng quên suốt ngày nắng nóng. Như tôi muốn quên ngón đờn khờ dại sực bừng nhớ dưới cơn mưa lắc rắc trên vườn chanh đêm qua. Ngồi ở bàn ăn đón cơn gió muộn, tôi rút điếu thuốc định châm hút. Không có bật lửa, tôi đặt điếu thuốc trên bàn, bước vào bếp tìm hộp diêm quẹt. Có tiếng ai tắm dưới vòi sen đối diện bếp, còn Ánh thì ang rửa rau và cà tô mát ở chậu nước. Tôi bẹo má Ánh một cái, Ánh rụt cổ mỉm cười, tôi cầm hộp diêm bước ra ngoài, trở lại bàn, ngồi lại ở ghế. Cơn gió chiều đã thổi điếu thuốc lăn rớt xuống nền sỏi vụn. Tôi cúi xuống lượm, phát

hiện con bướm đêm lớn nằm cạnh một gốc cây ở chân rào. Như nằm ngủ — nhưng có lẽ đã chết. Chỉ còn lại một cánh bướm lẻ loi xập xòe đêm trước. Không chừng bướm đêm đã hít nhằm thuốc xịt muỗi, và đang hóa kiếp. Nhưng biết đâu chừng nó đang mơ thấy mình hóa thành Trang Tử chống gậy tre đi dạo chơi các nước chư hầu? Hay nó đang mơ thấy mình là gã đàn ông đang ngồi hút thuốc ở ghế và gã này lại đang ước ao mình hóa thành con bướm Trang Tử để cùng con bướm lẻ loi kia xập xòe chấp cánh đi hút mật đêm nay. Tôi nhả một hơi thuốc dầy xanh vân cuộn uốn éo, gió lùa dạt ra ngọn chanh ngoài vườn.

Tôi lật quyển *Con Đường Đoạn Luyến* mà tôi định cầm lên cho Jacques mượn như đã hứa. Rẹt, rẹt, ngó sơ. Dù sao cũng chỉ là một quyển sách! Một bộ luật, dù có nghiêm minh cách mấy, mình nó không thể biến mọi công dân trở thành lương thiện. Một dạo, khi vừa cùng với đứa con trai duy nhất tấp vô Canada, trên mỗi lá thư viết cho tôi, Lộc đều mở đầu bằng một câu xưng tụng *Ơn Trên* như một người thành tâm sùng đạo từ hồi mới lọt lòng (Lộc là anh ruột tôi, thứ Năm, tôi thứ sáu, em út). Bận khác Lộc thề thốt "thà bỏ vợ chớ không bỏ Đạo". Bực quá tôi la Lộc là vợ anh cần anh chớ chẳng có Thượng Đế nào cần tới anh hết, đừng có ăn nói quái gỡ như vậy. Vợ anh và hai đứa con gái của anh con kẹt lại trong địa ngục quỉ đỏ ở Việt Nam đang mong ngóng từng phút từng giây anh kéo ra khỏi hỏa ngục, anh mà bỏ vợ con bất tử để chạy theo Thượng Đế là em sẽ rượt theo níu đầu anh lại đó. Tôi thêm, nếu chỉ cần đọc sách thể thao mà có thể nở được bắp thịt thì chỉ cần đọc kinh riết là cũng có thể được lên Thiên đàng. Trong thư đáp, Lộc nhắn nhủ vợ con Lộc lưu ý tôi chớ khá hỗn láo với anh ruột của mình, rồi kết luận tôi ngạo mạn. Thượng Đế hỡi có thấu, *Maria hỡi linh hồn con ớn lạnh!*

Tôi cũng gan lì, xâm mình tiếp tục đớp chát với Lộc. Ánh dọa tôi coi chừng bị khẩu nghiệp vì dù sao cũng nên hiểu Lộc vừa vượt qua một cơn hiểm nghèo. Tôi đồng ý là giữa biển khơi người ta cần níu lấy phao, bất cứ phao gì, nhưng nếu lên bờ rồi mà cứ khư khư ôm phao hoài là có ngày chết cạn trên bờ với cái phao đó. Tôi không xui dục phản bội thánh thần. Tôi chỉ muốn nói *phải ý thức*. Đã có biết bao người khi trốn bỏ cộng sản, cứ đinh ninh thoát khỏi địa ngục là lên thiên đàng. Rồi đắng cay, rồi thù đời, rồi ôm hận không nguôi với cái ảo tưởng đó. Trách người, trách trời, trách đất, trách Mỹ, trách Tây, trách Đức, trách Úc, trách Gia Nã Đại trách cộng đồng, trách thánh thần mà quên... ngó lại mình.

Cầm quyển sách trong tay, tôi không khỏi liên tưởng đến Thiện, người bạn nhỏ hơn tôi khoảng mười tuổi, mới quen,

thường đem cho tôi mượn kinh Phật và sách Việt ngữ về Phật pháp dạo gần đây. Trước đó, tôi mù tịt về Phật pháp. Âu cũng là cái duyên. Một dạo, vì thất vọng chán đời, Thiện bỏ vào nương náu cửa chùa khoảng một năm — hay lâu hơn nữa. Thời gian đó Thiện tìm hiểu kinh Phật và lấy lại được sự ổn định tâm lý. Thiện tìm được trong Phật pháp cách giải thích (và giải thoát) cho đời sống thế tục. Nhưng không biết có phải cũng vì lẽ ấy mà Thiện lại đâm ra hờ hững với cuộc sống bên ngoài, khiến cho cuộc sống thế tục trở thành một chuỗi dài buồn thãm đối với Loan người thiếu nữ bạn đời. Niết Bàn chưa đến đã thấy A Tỳ lừng lững. Mỗi lần Loan than thở, tôi và Ánh lại bận tâm.

Riêng phần tôi, trái với Thiện, tôi có cảm tưởng mình thực hiện một cuộc hành trình ngược lại: tôi đi từ đời sống trở về Phật pháp (nói là nói vậy chớ tôi nào có hiểu Phật pháp là gì đâu!) Tôi bắt gặp trong kinh những điều tôi đã cảm nhận khi sống và những lúc dao động tâm lý. Đọc sách kinh Thiện cho mượn, tôi cứ mường tượng như đã có đọc ở đâu đó rồi.

Lạ lùng hơn nữa là khi đọc *Kinh Kim Cang* tôi thấy không có gì phải moi óc để hiểu: những trang kinh đó như đã có sẵn trong tôi, rộng mở. *Nó vậy đó, sáng trưng.* Không có gì phải giải thích, không có gì phải hiểu. Dụ như cái bông đẹp: đẹp vì ta thấy nó đẹp chớ không phải vì ta nghe nó hay, chớ không phải vì ta hiểu nó hay. Đi vào kinh pháp cũng như nghệ thuật, con đường trực giác và cảm xúc là con đường thẳng. Đi vào kinh pháp cũng như nghệ thuật, con đường trí tuệ và phân tích là con đường mê cung. Kinh nhắc nhở coi chừng *khinh báng* Phật là vậy chăng?

Tôi không được đọc nhiều (nói gì tới đọc hết!) kinh Phật. Thế nhưng trong những sách kinh tôi được đọc, duy có một câu Phật nói khiến tôi bàng hoàng ngây ngất. Đó là sau khi trãi gần trọn cuộc đời mình để thuyết pháp trong vòng 49 năm, rốt cuộc Phật dạy:

"Ta không nói một chữ

Thiệt là thâm diệu! Thiệt là tuyệt vời! Tôi rúng động bủn rủn. Sướng quá đổi. Muốn rớt nước mắt. Mấy ngàn năm trước, hay từ đời đời kiếp kiếp nào, Phật đã dạy một câu ẩn chứa mù mờ trong lòng tôi, "Mọi lời nói chỉ có tác dụng làm tối nghĩa", có lần làm thơ tôi đã viết như vậy, đâu hồi vừa hơn hai mươi tuổi. Thuở đó tôi nào đâu có biết Phật pháp là gì. Vậy mà tôi vẫn hằng nghĩ *mở miệng nói là đã sai rồi.* Sau này đọc Thiền thấy: *"Lời nói là vọng"*, Bồ Đề Đạt Ma đã dạy như vậy. Trong một lần khác, khi đức vua hỏi "Nghĩa tột của Thánh đế là gì?" Ngài buông ra câu bất hủ *"Quách nhiên vô thánh"!*

Cũng trong bài thơ trên, tôi đã viết "Là lời nói phủ nhận lời

nói. Là chữ viết phủ nhận chữ viết. Là chúng ta phủ nhận chúng ta". Tôi chợt nhận thức chính mình đang loay hoay tìm cách nói cầu kỳ để diễn tả một câu Phật nói (*nói?)* hết sức giản dị.

"Ta không nói một chữ"

Vậy mà ta vẫn phải nói trước khi nín lặng. *Nói để đi tới nín lặng mới quả thiệt là nói.* Ngôn ngữ là con thuyền băng tuyết đưa ta tới xích đạo. Khi tới xích đạo, con thuyền không còn nữa. Chẳng những vậy, ta và xích đạo cũng chẳng còn hay không hề có?. Tất cả đều nằm ngoài ngôn ngữ và tri giác. Đừng tưởng khi *nói* vậy là tôi hiểu. Thực ra, *tôi cũng chẳng hiểu gì ráo !* Và cũng chẳng phải *tôi* nói.Tôi chỉ là một dụng cụ phát ngôn.

Ngó xuống con bướm Trang tử, tôi nói " ngủ ngon nghe bồ !", rồi mỉm cười đứng dậy cầm cuốn sách đi vòng lên từng trên , theo con đường đá xanh đem cho Jacques mượn *Con đường đoạn luyến.*

Đoạn luyến mà còn có con đường !

*

* *

— Ố ê, ố ê ê ê ...

Từ trên bao lơn Jacques cất tiếng kêu chúng tôi, khoa tay ra hiệu rồi hớn hở đi theo thang đá hấp tấp vòng xuống vườn chanh nhập bọn tôi Ánh và Thụy. Chúng tôi đang gõ những trái banh sắt vào nhau chan chát sắp khởi cuộc chơi *pétanque* một trò chơi đặc biệt của vùng Midi, mỗi người có từ ba tới năm trái banh sắt, cố thẩy cho gần một trái chanh nhỏ như trái banh bằng cây ném ra xa, gọi là *cochonuet* (con heo con). Xem phim Marcel Pagnol với Fernandel mô tả nếp sống tà tà ở Marseille vẫn thường thấy chơi trò chọi banh sắt này. Vừa tới nơi, Jacques lên tiếng:

— Tôi đã nhặt lá dọn sân và tưới nước rươi rươi cho đất dẽ để chuẩn bị phục thù chiều nay đây. Sao? ông bạn Kiệt yêu quí của tôi đã vô bia đủ liều chưa?

Tôi siết tay, vỗ vai ông bạn già. Jacques mặc quần đùi kaki mang dép da coi rất thể thao. Tôi cúi xuống cầm chai bia và trái banh sắt đưa cao:

— Tôi vô một chai nữa thì quí bạn liệu hồn mà xê ra, không có bị pháo kích lạc đạn là không có bồi thường chiến tranh đó nghe!

Chia phe: tôi với Thụy một cặp, Ánh với Jacques một cặp, như mấy bữa trước. Chiều qua tôi và Thụy thắng khít khao 13-11. Jacques dậm cẳng thề phục thù. Gigi mừng lắm và rỉ tai riêng với Ánh: "Thiệt là một phép mầu", vì ba bốn năm rồi Jacques không hề lò dò xuống vườn chanh để chơi ném banh sắt với bất cứ ai. Vậy mà bây giờ ông bạn già tự ý nhặt lá dọn sân, và nhất là có vẽ lý thú, ham chơi giỡn đùa nghịch. Không như tôi, Ánh rất hồn nhiên,

cười mau mắn, cười tíu tít. Jacques phục lắm, phục ra mặt. Jacques cứ tấm tắt: Hay thiệt! Nàng cứ cười luôn! Ở gần một người như vầy thì buồn sao nổi?" Tôi gãi gãi tai. Jacques lại khen tôi có hai đứa con khéo dạy. Tôi nói tại ông không sống chung với tụi nó nên mới tưởng bở vậy chớ. Jacques phản đối:

— Tôi biết mà. Tôi cũng có con cháu tới chơi thường nên biết. Tụi nó thành quỉ! Con nít không ra con nít. Hồi đó Jean Francois cứ xuống đây chơi hoài. Tôi cũng thương nó lắm. Vợ chồng tôi không có con, tính để gia tài lại cho nó. (Ông trầm ngâm). Vậy mà lần nọ nó nói một câu thiệt là mất dạy, tôi giận quá cấm biệt nó xuống đây luôn.

Tôi chẳng biết nói sao, cũng không tiện vặn hỏi — lại càng không tiện gợi ý, dù kín đáo: "Chừng nào chia gia tài xin cụ nhớ tới cháu một tí". Vì vậy, tôi đánh trống lảng sang cuộc chọi banh, giả bộ cãi lẫy với Thụy về cú ném ăn trớt. Tôi thì chuyên môn phá hoại, đánh đặc công, ném ào ào đùng đùng để hất văng banh đối thủ, có khi gậy ông đập lưng ông, tôi bắn nhầm banh của Thụy văng ra chỗ khác thua luôn, làm thằng nhỏ kêu tôi trời như bộng. Bởi thế mà Jacques coi tôi như điệp viên nằm vùng của phe ta, cứ xúi tôi vô thêm bia đều đều và pháo kích bừa bãi. Kết thúc: Jacques và Ánh hạ hai cha con tôi sát ván. Ông bạn già cười hề hà khiến tôi không khỏi cảm động.

*

* *

Con đường *Moyenne Corniche* quanh co sườn núi, mỗi lần quẹo không nhìn thấy bên kia khúc quanh, Jacques đạp thắng rà rà, tôi ngồi trước lắc lư, Gigi ngồi băng sau với Ánh cứ nhắc chừng cẩn thận và nghiêng mình lấy ép-phê. Jacques lại cằn nhằn biết rồi khổ quá nói mãi. Phía dưới thấp là *Petite Corniche* gần mé biển, xe cộ rộn rịp, tương đối chạy nhanh, xuôi ngược từ Nice qua Monaco và từ bên kia trở về. Tới một nơi phình ra mé biển có chỗ đậu, Jacques dừng lại chỉ lên phía *Grande Corniche* chót vót trên cao và giải thích bà hoàng Monaco, nguyên nữ tài tử màn bạc Grace Kelly, đã rớt xe lâm nạn chết trên đó. Ai đã cầm lái lúc xảy ra tai nạn ? Chính bà hay con gái bà ? Người ta tìm cách giấu quanh. Jacques tỏ ý thương tiếc một bà hoàng biết thương dân và giảm thuế cho dân. Tôi thì cũng mến mộ và ngùi thương một kiếp hồng nhan bạc mạng, nhưng lại xì nẹt đám tang nàng người ta làm rùm beng như hội chợ, truyền thanh truyền hình nhặng cả lên, bà già con nít bu coi rần rần trong lúc đàn bà xứ ta bị hiếp dâm giữa biển con nít xứ ta bị đập đầu ném xuống đại dương có năn nỉ cũng chẳng ai thèm nghe, rủi có lỡ ngó thấy rồi cũng giả bộ làm ngơ, ngay cả đối với những người đã từng vượt biển. Mà thôi, dù sao cũng đã

có lần bà hoàng động lòng trắc ẩn trước thảm cảnh của người vượt biển và mở cửa giang sơn nhỏ bé của mình tiếp nhận mười sáu thuyền nhân trong số những người may mắn được con tàu chuyên cứu người tị nạn *Ile de Lumière* của Pháp vớt lên. Lần đầu tiên thuyền nhân người Việt độn nhập sơn hà *Principauté de Monaco.* Và cũng là lần cuối cùng, khi tôi viết những dòng này. Grace Kelly đã chết. Và lương tâm thế giới cũng muốn chết theo — cho đỡ bận tâm?

Tôi đã để cho lòng sân si kéo đi quá xa, bây giờ xin trở lại Moyenne Corniche để Jacques đưa tôi sang chơi Monaco cho hạ hỏa.

Căn nhà của Jacques ở từng hai có bao lơn hình bán nguyệt, ngó ra chỗ giao tiếp của một ngã tư. Vừa đặt chân vào, tôi lại có cảm tưởng mơ hồ như đã có cư ngụ một căn nhà tương tự, đâu đó (nơi nào?). Màn sáo phủ xuống kín mít, đèn bóng tròn thắp sáng vàng mờ mờ làm tôi ghê ghê, ớn ớn. Gigi kéo sáo lên dắt tôi và Ánh ra bao lơn ngó xuống thành phố Monaco giải thích. Được biết căn nhà này là nơi thường trú của Jacques và Gigi để trốn lạnh quanh năm. Biệt thự Nikasa bên vườn chanh là nơi nghỉ hè. Còn biệt thự thứ ba bên bờ biển Tây Ban Nha khi trước cho mướn trong mấy tháng hè để thu huê lợi. Nhưng sau vì thấy cực quá — dọn dẹp, thay chăn nệm, quét cát, tu bổ v.v... — nên vợ chồng quyết định không cho mướn nữa. Chưa kể một số nhà phố đã bán bớt dần từ lâu cho đỡ bận bịu. Nội cái vụ khai thuế thôi cũng đã bù đầu quanh năm và đóng thuế chết luôn. Có lần chị Huệ Chi nói đùa với tôi là với tất cả tài sản dành dụm được trước khi chết, bọn mình chỉ mua được một khuỷnh đất hai thước vuông trong vườn chanh để chôn xác — đất ở vùng Côte d'Azur còn mắc hơn vàng. Tôi nói riêng phần tôi chưa chắc đã mua được một góc dừa để cất chòi trên đó làm Tạc-Dăng.... mũi xẹp và leo lên leo xuống để bảo trì gân cốt lúc nhan sắc về chiều. Riêng anh Pierre có triển vọng được hưởng một phần gia tài nên đang nằm đếm thở dài không biết làm sao đóng nổi thuế thừa tự.

Jacques hướng dẫn chúng tôi đi quanh co trong thành phố *Monte-Carlo* rồi vòng ra mé biển ngoạn cảnh. Thành phố đã được tu bổ và xây cất thêm, với một nhà đánh bạc tân tiến thứ hai kiểu Mỹ Las Vegas, khác xa với cái thời *Người Em Xóm Học,* lúc tôi và Lộc còn là sinh viên ở Institut Franco-Vietnamien (số 269 đường Saint Jacques Paris) dắt nhau xuống đây chụp hình, để Diana một mình ở lại Nice. Nàng đã thừa cơ hy sinh con gà quay của hai ông Tây vàng để mua một khúc vải bán sôn may cho mình một cái áo kiểu sơn nữ Phà Ca đi dự lễ rước cộ hoa. Tôi hụt ăn gà quay bèn gây lộn kịch liệt với người sơn nữ mà tôi đã từng cắn vú nàng một

trưa trong rừng vắng để thề nguyện "yêu em suốt đời" ở Chantilly.

Hết rồi! Chẳng còn Lộc, chẳng còn áo sọc to bảng vắt vai, chẳng còn sơn nữ Phà Ca, chẳng còn ca sĩ mầm non Ngọc Ẽnh *"em ơi! kót đi em! kót đi em!..."*, chẳng còn vết cắn trên lòng gò tĩnh, chẳng còn dấu bầm bên vú trái, cũng chẳng còn lời nguyện yêu em suốt đời. Chỉ còn lại gà quay (rất nhiều gà quay!) và còn lại tôi cộng thêm một số tuổi trời (rất nhiều tuổi trời!) Không biết Diane có hay rằng tôi vẫn còn sống sót sau ba chục năm binh lửa chó chết ở Việt Nam. Còn Diane, ngoại trừ trường hợp bất trắc, tôi tin rằng nàng hãy còn sống đâu đó trên đất Pháp. Vì chẳng lẽ "nhưng không chết người trai chiến sĩ, mà chết người... sơn nữ Phà Ca?" Và tôi cũng hy vọng rằng nàng vẫn còn giữ trên nụ cười sơn cước của mình. Chiếc răng gẫy tội nghiệp của Fantine ngày xưa. Nếu không anh biết làm cách nào để nhận ra em, hở Diane? *Diane Giacomini!*

Buổi dạo phố chấm dứt, Jacques đề nghị đưa chúng tôi đi ăn trưa ở Biot, một nơi chuyên nặn những vật dụng và những đồ trang trí mỹ thuật bằng thủy tinh. Ánh tính thoái thác , nhưng Gigi làm hiệu "chớp đèn" kín đáo nên tôi gật đầu ô-kê liền. Không mấy khi Jacques tự nguyện đi ra ngoài) và rủ rê người khác ăn nhà hàng. Bữa nay Jacques hứng chí, một triệu chứng tâm lý tốt. Tự nhiên tôi nghĩ Gigi và Ánh là hai thiện nữ có dòi dào tâm Phật, còn Jacques và tôi là hai cái nợ đời — mỗi người một cách. Vào nhà hàng, Jacques chỉ gọi một món dăm-bông giản dị, nhưng cứ dục tôi và Ánh hãy gọi thức ăn thả giàn. Tôi thì lại khoái uống hơn ăn. Uống vào có hứng mới nói nhiều chuyện bá láp và pha trò giỡn mặt cho... dễ làm việc. Thấy đời sống vui thú và dễ ợt. Phần nhiều đời sống trở nên rắc rối vì ta nghĩ nó rắc rối. Với thú vật, mỗi lần ăn là mỗi lần hạnh phúc, con thì cục tác, con thì ủn ỉn, con thì líu lo, con thì ngoắc đuôi... Còn tôi — và rất nhiều người — lắm khi có cảm tưởng phải cố nuốt để mà sống, dù là ngồi trước những món ngon vật lạ.

Ăn xong đi lanh quanh ngắm đồ thủy tinh chưng trong các tiệm hoặc bày bán hai bên lề đường. Món nào cũng làm bằng tay, đủ loại màu sắc, xanh biếc, vàng tươi, đỏ cẩm chướng, lục non, thếp vàng rực rỡ, đẹp tuyệt. Vật đẹp, tôi thích nhìn chớ không thích chiếm hữu. Tài vật, kỷ niệm và kinh nghiệm tôi chỉ muốn quăng bớt mà nhiều khi còn không được! Ôm một hồi nó lôi mình chìm ngắm. Sau đó Jacques lại hướng dẫn chúng tôi đi thăm một nơi làm nước hoa và xà bông thơm. Tôi mua một con sóc búp bê lớn bằng ngón tay cái, lông màu nâu óng mượt, đuôi cong lên xòe ra sờ thiệt êm tay. Sau đó, Jacques lại đánh xe đưa chúng tôi lên

thăm Saint Paul de Vence. Tôi thích nơi này nhứt. Một ngôi làng nhỏ mọc trên dốc đồi, nhà cửa xưa cũ được tu bổ lại rất mỹ thuật. Không lấy làm lạ, vì lẽ rất nhiều họa sĩ trứ danh hoặc vô danh đã cư ngụ và đang cư ngụ nơi đây. Dài dài phòng tranh, tủ kiếng, kệ hàng chưng bày tượng, lọ, đồ gốm, nến sáp, lụa có tô vẽ mỹ thuật. Đường mòn nhỏ hẹp lót đá cục vuôn vức chỉ vừa hai người đi bộ ngang dọc quanh co khắp làng. Hương thơm thoang thoảng trùm lên ngôi làng nhỏ, các cô bán hàng xinh đẹp, ăn mặc thanh tú mỹ miều. Tôi mua một cái tô đất nung tráng men có bốn cẳng, phía trước tháp một cái đầu bò có cặp sừng cong không đồng thanh đồng thủ và đôi mắt lé. Ở đầu hẽm làng mọc lên một phông tên nước hình mặt trăng, giữa hồ rào rạt một bình tròn lớn kiểu La Mã tháp nhiều vòi, nước tuôn róc rách, có thể ném xu vào hồ mà ao ước một vài điều.

Mỏi chân, chúng tôi chui vào một quán nước cất trên dốc cao xòe ra thung lũng. Trên trần quán, đà cây lớn sù sì tẩm thuốc màu nâu đen nứt nẻ bắt chéo nhau, từ đó thòng xuống những nồi đất treo trong rổ mây, bông trộn lẫn màu vàng hường đỏ tươi thắm tràn ra mép nồi rũ xuống cùng những lá xanh láng mướt khỏe mạnh ham sống. Chúng tôi ngồi uống nước chỗ quán phình ra, ngó xuống một thung lũng tươi mát lá xanh rậm rạp bên dưới, dợn uốn lên xa xa giao tiếp mạn đồi đất đỏ sâm sẩm đặc biệt của vùng Provence. Vườn nho mọc lên chi chít trên dốc đồi, cống hiến mỗi năm loại rượu nho màu hồng đặc biệt, *rosé de Provence*, uống lạnh vừa với thức ăn Việt càng làm tăng thêm khẩu vị. Nắng rạng rỡ trùm lên thung lũng hơ nóng lưng đồi, tưới ấm những gốc nho, và *rosé* ngon nhiều hay ít là tùy ở phẩm chất của nắng — dân nhậu còn chờ gì nữa mà không lạy tạ mặt trời?

Những chàng nhạc sĩ ẩn núp dưới thung lũng, một chàng, mười chàng, một trăm, một ngàn, mười ngàn nhạc sĩ tấu lên rền rền hoan lạc trong nắng vàng tươi tốt. Một mùa. Chỉ một mùa. Rồi tất cả những chàng nghệ sĩ yêu dấu của chúng ta đều giã từ cuộc đời. Để rồi năm sau một thế hệ nhạc sĩ khác lại trở về thung lũng so dây mà nắn phím. Nhạc sĩ ve ve. Những chàng ve ve. Không phải ve sầu. Mà là những con ve hạnh phúc.

... hãy nằm im
và đừng hỏi
tại sao?
đừng hỏi tại sao con ve ca hát và con kiến tha mồi
vì giả sử tất cả những con ve đều im tiếng tha mồi
và tất cả những con kiến vẫn không chịu ca hát?

Bài thơ đó, tôi đã viết tặng Diane, những ngày xa xưa bơi lội

trong biển nước xanh mặn màu ngọc bích và tắm nắng trên Bãi Thiên Thần ở Nice. *Le Vieux Nice!* Và chúng tôi làm tình trong bóng hoàng hôn chập choạng, bên ngoài cửa sổ mở toang bồi hồi vọng lại:

lời tây ban cầm tự tình bên khung cửa khuất
đôi môi mặn rên khẽ
mê sảng gọi tình
bừng bừng sứa lửa
trong đêm...

Diane đã dắt tôi đi tắm biển nhiều nơi khác lạ dọc theo Côte d'Azur. Ở một nơi hình như có nước trong leo lẻo, mát rượi, bờ cát sụp sâu tôi bị hụt chân uống nước mặn chới với. Một nơi hình như có núi xanh um bên phải hay bên trái gì đó, tôi không nhớ rõ, và từng chập vang vọng một tiếng động rần rật lạ kỳ, tôi cố gắng nhớ mà nhớ không ra. Có lẽ vì tôi không để ý. Thuở đó tôi chỉ bị thu hút bởi có mỗi một mình Diane. Và thân thể mỹ miều của nàng, và hương vị muối mặn trên đỉnh vú, sau vành tai,trong hõ rún, trên lông gò tình. Và mặt trời nóng rát. Và tôi mê mẩn dục tình.

... hãy nằm im
và đừng hỏi
tại sao?
đừng hỏi tại sao những con ruồi say nắng
rụng cánh
nằm chết
trên bàn tay ấm áp của mùa hè...

Ôi! biết bao giờ! Phải, *Biết Bao Giờ?* đó là tựa bài thơ mà tôi đề tặng Người Em Xóm Học.

●●● (còn tiếp kỳ sau)

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt. Giải phẫu mắt. Làm kiếng, Soft Contact Lens
Làm việc theo hẹn
Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm
9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Phạm Duy

Thời kỳ phát triển Nhạc tình (1944-1946)

Sau khi đã điểm qua hai giai đoạn **chuẩn bị** và **thành lập** của Tân Nhạc Việt Nam, chúng ta đã thấy rằng trong thời gian đó có hai xu hướng là **nhạc tình** và **nhạc hùng.** Một trong hai xu hướng này khởi sự ra đi từ những bài hát giản dị của những nghệ sĩ *"tài tử"* dưới hình thức **nhạc hướng đạo, nhạc thanh niên**... rồi tiến tới những nhạc phẩm có đầy đủ giá trị trong nội dung và hình thức, nhất là có khả năng lôi cuốn người nghe đi vào hành động. Cuộc Cách Mạng 19 tháng Tám năm 1945 và cuộc Kháng Chiến chống Pháp sau đó... đã và sẽ là cơ hội bằng vàng cho loại **nhạc hùng** trong Tân Nhạc **phát triển** để trở thành tiếng nói hùng hồn và trung thực của toàn thể dân tộc trong một thời đại.

Trước khi nói tới giai đoạn **phát triển** của **nhạc hùng** với loại **nhạc kháng chiến**, tôi muốn nhắc qua tới loại **nhạc tình** mà chúng ta đã bỏ quên sau khi những đợt sóng **nhạc hướng đạo, nhạc thanh niên lịch sử ca** và **nhạc Cách Mạng** ùa tới để kéo con người Việt Nam ra khỏi những *tiếng hát ngày xanh, tiếng hát phòng the, tiếng hát biệt ly, tiếng hát trên hồ, trên sông, trên thuyền, trên bến... vân vân và vân vân...*

NHẠC TÌNH VIỆT NAM, sau thời lãng mạn, trữ tình của những người tiên phong như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Đặng Thế Phong, Dzoãn Mẫn... đã có thêm một số nhạc phẩm mới của Văn Cao, Phạm Duy, Trần Hoàn (tức Nguyễn Đức Toàn), Thông Đạt (tức Văn Giảng) Hoàng Giác, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Thiện Tơ, Lưu Bách Thụ, Tô Hải, Dzoản Cảnh, Văn Thủy... trong đó nổi bật lên trên hết phải là những **tình khúc** của Văn Cao!

Một số những bản **nhạc tình mới mẻ** được cho ra đời lúc bấy giờ — tức là vào khoảng 3 năm 44-45 và 46 — có thể chỉ được coi như để bổ xung cho những bài hát đã hiện diện trước đây mà thôi...

Vài **Mơ Hoa** hay là **Cô Hái Hoa** của Hoàng Giác:

Mơ Hoa
Cô Hái Hoa

Hoàng Giác

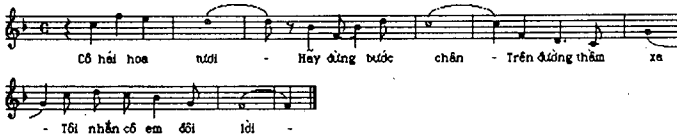

Cô hái hoa tươi!
Hãy dừng bước chân.
Trên đường thẳm xa
Tôi nhắn cô em đôi lời...

Bài này chẳng qua cũng chỉ là sự nối tiếp bài **Cô Hàng Bán Hoa** của Thẩm Oánh khi xưa:

Cô Hàng Bán Hoa

Thẩm Oánh

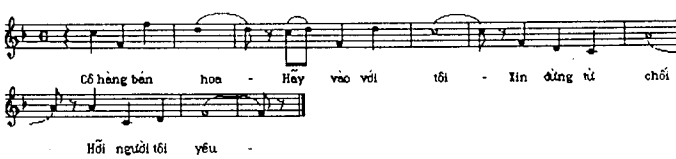

Cô hàng bán hoa
Hãy vào với tôi
Xin đừng từ chối
Hỡi người tôi yêu...

Bài **Con Thuyền Không Bến** của Đặng Thế Phong ra đời trước đây chắc chắn đã giúp cảm hứng cho Lưu Bách Thụ soạn bài **Con Thuyền Xa Bến** bây giờ:

Con Thuyền Xa Bến

Lưu Bách Thụ

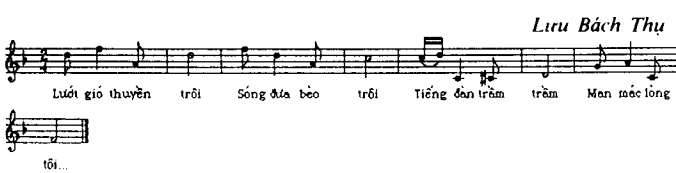

Lướt gió thuyền trôi
Sóng đưa bèo trôi
Tiếng đàn trầm trầm
Man mác lòng tôi...

Nếu như trước kia đã có những cô con gái được xưng tụng trong **nhạc tình** như **Cô Hái Mơ** (Nguyễn Bính/Phạm Duy), **Cô Lái Thuyền Mơ** (Dzoãn Mẫn), **Cô Láng Giềng** (Hoàng Quý)... thì bây giờ một lô các cô con gái khác sẽ thay phiên nhau xếp hàng để ra mắt "quý vị thính giả" như... **Cô Lái Đò** của Nguyễn Đình Phúc phổ thơ Nguyễn Bính, **Cô Tú** của Long Châu *(Ai về Chợ Huyện Thanh Vân — Hỏi thăm cô Tú đánh vần được chưa?)*... Các **Cô Sơn Nữ** của Trần Hoàn **(Sơn Nữ Ca)** và Tô Hải **(Nụ Cười Sơn Cước)** cũng thấp thoáng hiện diện... và chẳng mấy lúc mà **Cô Hàng Cà Phê** của Canh Thân và **Cô Tây Đen** của Đức Quỳnh cũng hiên ngang bước ra, khiến cho nhạc tình vốn chan chứa tính chất sầu của chúng ta, giờ đây có phần vui tươi, ngộ nghĩnh hơn xưa.

Cô Sơn Nữ trong **Sơn Nữ Ca** Trần Hoàn — bút hiệu khác của Nguyễn Đức Toàn, tác giả của nhiều **kháng chiến ca** sau này — thì nào có khác **Cô Hái Mơ** đang hái lá mơ non ở vùng trung du Bắc Việt của Nguyễn Bính/Phạm Duy gì mấy?

Sơn Nữ Ca

Trần Hoàn

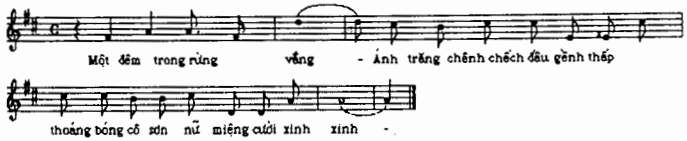

Một đêm trong rừng vắng
Ánh trăng chênh chếch đầu gềnh thấp thoáng
Bóng cô sơn nữ miệng cười xinh xinh.

Và anh lữ khách ở trong bài **Sơn Nữ Ca** này:

Một đêm trong rừng núi
Có anh lữ khách nhìn trời xa xa
Ngắm trăng say đắm một mình bâng khuâng...

...thì anh lữkhách đó cũng có thể là anh *khách thơ*... hỏi nào ...*say nhìn xa rặng núi xanh mờ*... và thốt lên câu *Cô Hái Mơ ơi!* giống

như bây giờ tác giả Trần Hoàn bắt anh gọi... *Cô Sơn Nữ ơi!*

Về phần nhạc thuật, ta thấy rằng tất cả những bài đó chỉ nên được coi như *phó sản* của những nhạc phẩm đã được sản xuất trước đây. Tất cả đều ngầm trong một khuôn khổ có sẵn (thể nhạc khiêu vũ tango hay rumba), với những **âm hình** (dessins mélodiques) mà ta có thể gọi là những **clichés.** Những tình cảm trong các bài này cũng đều na ná như nhau, nói chung là **tiếng gọi gái của những thanh niên thất tình.**

Âm Hình Chung

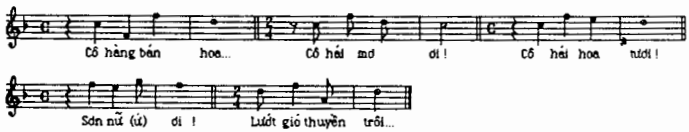

Ngoài cô sơn nữ của Trần Hoàn vừa kể, còn có thêm một **cô gái miền núi** khác trong bài **Nụ Cười Sơn Cước** của Tô Hải và xem ra cô này cũng chỉ là chị em song sinh với những **cô sơn cước, cô hái mơ** kể trên:

Nụ Cười Sơn Cước

Tô Hải

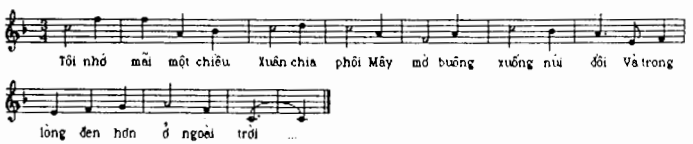

Tôi nhớ mãi một chiều Xuân chia phôi
Mây mờ buông xuống núi đồi
Và trong lòng đen hơn ở ngoài trời...
Cỏ cây hoa lá thường nhớ mãi người đi
Và dâng sầu lên mi mắt người về...

Bài này cũng chỉ là tiếng gọi ái tình của anh chàng nhạc sĩ muốn *rút tơ lòng... để...dệt mấy cung yêu đương, gửi người trong trắng như bông hoa rừng* mà thôi!

Trong khẳng định là có sự ảnh hưởng qua lại trong văn học nghệ thuật của một thời, tôi còn cho rằng bài thơ **Bông Hoa Rừng** của Thế Lữ do Lê Thương phổ nhạc mấy năm trước đây, đã giúp hứng cho mấy bài tình ca sơn cước đó!

* *

*T*rong một bài nói về **nhạc tình cho cô lái thuyền** trước đây, tôi cũng đã lưu ý người đọc về hai bài hát trên sông của Thẩm Oánh và Dzoãn Mẫn. Tôi đã cho rằng Dzoãn Mẫn thành công hơn Thẩm Oánh vì đã được cô lái thuyền chấp nhận mối tình của chàng nhạc sĩ trẻ tuổi. Nay thì với một bài thơ khác của Nguyễn Bính — lúc này, thơ Nguyễn Bính được tuổi trẻ chúng tôi rất yêu chuộng — một trong những nhạc sĩ trẻ đầu tiên sử dụng đàn trung-hồ-cầm (cello) ở Hà Nội là Nguyễn Đình Phúc đã dùng một khúc điệu buồn để diễn tả:

Cô Lái Đò
(thơ Nguyễn Bính)

Nguyễn Đình Phúc

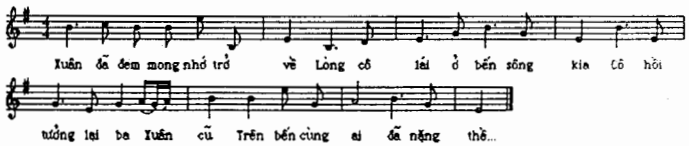

Xuân đã đem mong nhớ trở về
Lòng cô lái ở bến sông kia...
Cô hỡi tưởng lại ba xuân cũ
Trên bến cùng ai đã nặng thề...

A! Bây giờ thì không còn tiếng gọi gái như trong mấy bài ca về các cô (mà lúc này ta có thể gọi giỡn là **"cô ca"** hay **"cô la"**) nữa! Với bài thơ đặc sắc của Nguyễn Bính, Nguyễn Đình Phúc đã đem cảm tình tràn đầy của anh vào nét nhạc mineure để nói hộ cô lái đò về nỗi buồn của nàng khi mà người *khách tình xuân ấy*... sau khi đã nặng thề với nàng, lại bỏ nàng ra đi... *đi mãi không về với bến xuân*. Thế rồi...

Đã mấy lần xuân trôi trôi mãi
Mấy lần cô lái mòn mỏi trông..

Sau ba mùa Xuân, *đốm lửa tình duyên tắt nguội dần*, và... *chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi* cho nên cô lái đò *đành lỗi ước với tình quân. Nàng bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng sông*... Cô lái đò *kia đi lấy chồng!* Bài thơ phổ nhạc kết luận bằng một khúc điệu buồn như một tiếng thở dài:

Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông...

*T*rong Tân nhạc, đã có sự ảnh hưởng lẫn nhau, không phải chỉ trong giai đoạn đầu của nhạc sử mà thôi! Sau này, loại **nhạc tình về những cô gái Việt Nam (Cô Ca)** còn tiếp tục với những bài như **Cô Hàng Nước** của Vũ Huyến nhắc lại bài **Cô Hàng Cà Phê** của Canh Thân hay là bài **Cô Hàng Xóm** của Anh Bằng, Hoài Linh nhắc lại bài **Cô Láng Giềng** của Hoàng Quý.

Tuy nhiên, nhạc tình trong giai đoạn khởi sự **phát triển** này có khác biệt với nhạc tình lãng mạn trước đây. Bài **Cô Hàng Cà Phê** khác hẳn với những bản nhạc tình trước kia ở chỗ kể một câu chuyện dài — dài hơn chuyện cô hái mơ, chuyện cô lái đò hay chuyện cô sơn nữ nhiều! Hơn thế nữa, tuy vẫn là một câu chuyện tình buồn, nhưng khi kể chuyện ra thì lại không còn cái buồn ghê gớm nữa. Dù trong câu chuyện **cô hàng bán cà phê** này — một nữ nhân vật mới xuất hiện trong xã hội Hà Nội — có một anh chàng si tình, vóc dáng rất *hiên ngang*... một mùa Đông nọ, tới thăm hàng cà phê. Anh yêu cô hàng bán cà phê quá, nhưng vì cô ta hững hờ cho nên anh ta *hóa ra điên rồ* rồi *ốm la liệt* cho tới khi cô hàng biết đến mối tình của mình thì anh thanh niên đã gần đi đến cõi Thiên Đàng mất rồi!!!

Bài hát chia ra nhiều đoạn. Đoạn đầu có tính cách kể lể:

Cô Hàng Cà Phê

Canh Thân

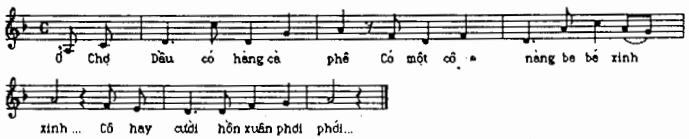

Ở Chợ Dầu có hàng cà phê
Có nàng be bé xinh xinh
Cô hay cười hồn xuân phơi phới
Cứ xem dáng người mới chừng đôi mươi...

Sau khi mô tả cô hàng cà phê có *làn thu ba nghiêng nước nghiêng thành* với *mùi hương lan thơm ngát vương bên mình* khiến cho *bao gã thiếu niên đa tình* phải say mê, soạn giả Canh Thân dùng một khúc nhạc vui vẻ và quyến rũ (theo nhịp rumba) để nói đến sự mơ tưởng của mọi người là nắm được *cánh tay ngà* của cô hàng:

Cô hàng Cà Phê
(tiếp tục)

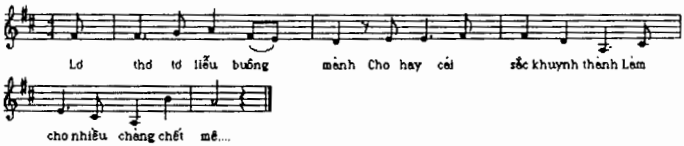

Lơ thơ tơ liễu buông mành
Cho hay cái sắc khuynh thành
Làm cho nhiều chàng chết mê mệt...

Đi đâu cũng ghé qua hàng
Mong trông thấy bóng cô nàng
Thì trong lòng chàng mới yên.

Hôm nao dưới bóng trăng mờ
Tôi mơ nắm cánh tay ngà
Nhẹ nâng ly trà ướp sen ngạt ngào.

Trông cô dón dén ra vào
Đôi môi thắm cánh hoa đào
Lòng tôi dạt dào muốn xiêu...

Bây giờ mới nói tới *chàng trai hiên ngang*... không biết tự phương nào mò tới...

Cô Hàng Cà Phê
(tiếp tục)

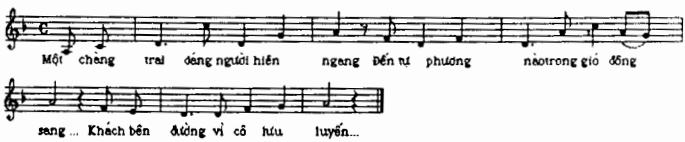

Một chàng trai dáng người hiên ngang
Đến tự phương nào trong gió đông sang...
Khách bên đường vì cô lưu luyến
Đã bao tháng trường ước được nên duyên.

Nhạc sĩ lại đổi khúc điệu để nói đến tình si của chàng trai... *yêu cô vô bến vô bờ*... Nhưng tại sao cô vẫn cứ hững hờ... để anh buồn quá anh hóa ra *điên rồ* rồi *chiếc thân* anh *bơ thờ dưỡng* như là *muốn chờ một kiếp ma.*

Chàng trai tuy hiên ngang nhưng có thể nghèo lắm vì được mô tả là có *cái túi không tiền*... nên tất nhiên chàng gặp phải *vô duyên:*

Cô Hàng Cà Phê
(tiếp tục)

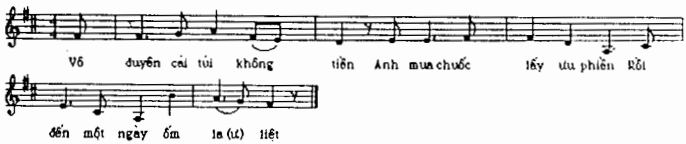

Vô duyên cái túi không tiền
Anh mua chuốc lấy ưu phiền
Rồi đến một ngày ốm la liệt...

Hôm sau, dù ốm la ốm liệt, anh cũng lê bước chân tới hàng cà phê, mong thấy được bóng cô nàng hiện lên *dịu dàng với anh.* Nhưng... *thương thay cho lữ khách bên đường...* khi cô hàng cà phê mang thuốc lá đến cho chàng thì... *ngờ đâu con người trước hiên ngang* bây giờ đã *lim dim khóe mắt hoe vàng...* và đang sửa soạn để *đi đến thiên đàng... vừa lúc cô hàng biết yêu!* Ca khúc sẽ kết thúc, không vui nhưng cũng không buồn lắm!

Cô Hàng Cà Phê
(đoạn kết)

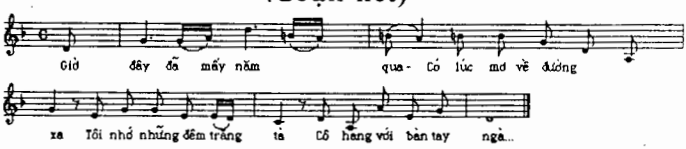

Giờ đây đã mấy năm qua
Có lúc mơ về đường xa
Tôi nhớ những đêm trăng tà
Cô hàng với bàn tay ngà...

(còn tiếp)

CÁO LỖI

TRên Văn Học số 10, bài Nhạc cách mạng lãng mạn của Phạm Duy, trang 96 ,Toà soạn sơ ý in thiếu chú thích sau đây, xin bạn đọc bổ khuyết giùm :

(1) Đào Trọng Từ — LA RENAISSANCE DE LA MUSIQUE VIETNAMIENNE — Essais Sur La Musique Vietnamienne — Editions en langues étrangères — Hanoi 1979.

Trịnh Gia Mỹ

Bóng núi

*N*àng với người bạn đi vào một quán ăn. Buổi chiều hãy còn váng vất những đọt nắng cuối ngày trên những tàng cây nên ghế bàn chung quanh vắng ngắt. Cả hai đi theo người bồi đến một chiếc bàn nhỏ kê sát tường. Không khí yên tịnh thoải mái làm nàng cảm thấy dễ chịu. Nàng buột miệng nói với người bạn: Hồi mới tới ta ở khu nầy. Nàng nghe loáng thoáng có tiếng người bạn đáp trả: vậy hả? Hình như nàng không chú ý mấy đến câu nói vô thưởng vô phạt của người đối diện. Nàng tháo cặp kính xuống, đặt lên bàn. Câu nói vô tình như đã vừa kéo lại hết một khoảng thời gian không xa, khi nàng mới đến. Khu Apartment ở Jacquelyn. Một vài khuôn mặt mơ hồ được nhớ đến. Và những lý tưởng tàn lụn dần theo thời gian. Nàng chớp mắt. Nhìn thấy người bạn nàng như đang mỉm cười.

Người bạn đẩy tờ thực đơn về phía nàng. Gọi gì đi. Nàng nheo đôi mắt cận, nhìn xuống tờ giấy màu vàng chi chít chữ. Thật ra nàng không cảm thấy đói. Từ chỗ làm việc về và đến thẳng đây. Nghĩ đến một chỗ ngồi với nhau và nghĩn chuyện để nói. Nàng cảm thấy thích hơn là những chuyện gì khác. Nàng nói với người bạn gọi những thức ăn nhẹ cho cả hai. Bài final đêm qua ra sao? Người bạn nàng gật gật cái đầu: Được lắm. Nàng mỉm cười. Ngồi với nhỏ ở đây lại nhớ đến Nghiêm. Hồi xưa mỗi lần đi thi ở Marie Curie, ngày cuối cùng nào nó cũng đến đón ta ở phía cổng Ngô Thời Nhiệm rồi hai đứa đi ăn. Có hôm trời mưa ướt loi ngoi. Bây giờ thì nó đã xa lắc xa lơ rồi. Biết bao giờ mới gặp lại. Nàng thấy như mình vừa mới thở dài. Người bạn nàng ngồi nghe có vẻ chăm chú: ừ, hồi xưa ở Sàigòn chỉ có học thôi chứ chẳng lo chuyện gì khác. Còn bây giờ thì có trăm thứ chuyện để nghĩ đến. Có lúc bù đầu. Nàng nghe như có điều gì buồn bã trong giọng nói của bạn nàng. Câu nói hàm chứa một quá khứ tưởng chừng nằm yên nhưng lúc nào cũng sẵn sàng chỗi dậy mỗi khi có dịp. Xa Sàigòn lâu rồi nhỏ

có nhớ không? Nàng hỏi. Đôi mắt người bạn nàng xa xăm. Nhớ chứ. Làm sao mà quên được.

Phải! Nàng cũng nghĩ như vậy. Làm sao mà quên được. Cả một thời tuổi trẻ nàng đã tiêu pha và gởi lại nơi đó. Quá khứ chói lòa trong nàng vẫn cao vút. Dĩ vãng huyền hoặc trong nàng vẫn mênh mông. Và những tình thân. Và những người bạn, vẫn sừng sững trong tim nàng những hào quang. Đoan, con bạn thân duy nhất ở đây, thỉnh thoảng vẫn gọi điện thoại viễn liên cho nàng để nhắc:

— Thực tế thêm chút nữa đi khỉ ạ! Lơ mơ như mày ở đất này không sống nổi đâu.

— Tao thèm chết.

— Đừng nói gỡ. Hồn mềm như tơ mày sẽ chết trước thiên hạ, ở đây không phải ai cũng thành thật và cũng không phải ai cũng có thì giờ để nghĩ đến người khác, mày hãy cố nghĩ như vậy.

Nàng nhăn mặt. Đó là cái điều vô lý mà thỉnh thoảng nàng vẫn thường nghĩ đến khi rảnh rỗi. Người ta vẫn luôn viện dẫn những lý do có vẻ hợp lý để biện minh cho hành động vô lý của mình.

— Giọng mày nghe ích kỷ!

— Không phải tao mà là thiên hạ. Trời ơi, tao thương mày nhất khỉ ạ!

Giọng Đoan ở bên kia đầu giây nghe êm ái như vỗ về. Nàng chớp mắt. Nỗi xúc động và sự tủi thân ở đâu đó cùng một lúc bỗng dưng ùa về. Lâu rồi, trong cuộc sống bươn chải mà mọi người luôn cố gắng để thích nghi với đời sống mới, nàng vẫn tưởng sẽ không còn ai nói với nàng câu nói đó. Cũng lâu rồi, khi lăn vào cái môi trường hỗn tạp có đủ mọi loại người nàng đã tưởng sẽ không còn dịp để sống lại những tình thân xưa. Vậy mà chỉ một câu nói của Đoan, hồn nàng chùng xuống.

— Đủ rồi Loan, rồi tao sẽ cố.

Nàng đã nói với Đoan như vậy. Nàng đã tự nhủ với lòng nàng nhiều lần như thế rằng sẽ cố. Nàng đã không làm được. Người ta có thể cố bằng nghị lực để đạt đến một mục đích nào đó. Nhưng người ta không thể cố bằng tư tưởng để bắt mình chối bỏ cái dĩ vãng vẫn dính liền với mình như thịt như xương. Nàng vẫn không quên những ngày tháng cũ.

Khi người bồi bàn mang những thức ăn ra, nàng không biết mình đã ngồi như thế, bao lâu. Người bạn rót trà vào cái tách nhỏ cho nàng, cả hai vô tình nhắc đến một người quen chung cùng những nguyên nhân dẫn đến một vụ ly dị. Nàng thở dài, nghĩ đến những mối tình mà sự thua thiệt cuối cùng vẫn là những người đàn bà. Nàng hỏi người bạn bao giờ thì tính chuyện lập gia đình.

Người bạn nàng cười bảo chưa tính bởi vì còn ham chơi quá. Nàng nói ừ thì trước sau gì cũng phải từ bỏ những cuộc vui sớm hay muộn cũng vậy. Có điều làm sao biết được sự quyết định sẽ đem đến cho mình những vui thích hay chán chường. Nàng lại muốn nhắc với người bạn nàng những kỷ niệm của nàng và Chúc, ở Việt nam xưa. Trong cái quán cà phê bất đắc dĩ của hai người, ở đó nàng pha cà phê còn Chúc thì để nhạc và... rửa ly. Khách hàng thỉnh thoảng có khi là những nhân viên dưới quyền chàng. Mỗi khi nhớ lại, nàng vẫn cho những ngày ấy là những ngày thơ mộng. Người bạn nàng buột miệng: những cặp vợ chồng cưới nhau ở Việt nam sang đây chắc là chẳng bao giờ ly dị nhau đâu, phải không? Bởi vì họ đã cùng chia xẻ với nhau những ngày vất vả. Ừ thì nàng cũng nghĩ vậy. Nhưng vấn đề vẫn là riêng của hai người. Nàng nói hạnh phúc thì ở đâu cũng vậy. Tùy mỗi người có chịu dẹp cái tôi của mình đi hay không. Nàng cười lơ ngơ, lại nhớ đến đoạn thư của một người bạn *"...Bây giờ thì mày đã có đủ điều kiện để thực hiện những lời khuyên trong quyển "Bí quyết giữ gìn hạnh phúc gia đình" rồi phải không? Còn tụi tao ở đây chỉ mong tìm cho ra "bí quyết không ăn mà... vẫn no thôi. Hạnh phúc của tụi tao bây giờ là vấn đề cái bao tử. Còn những vụ tình cảm lăng nhăng thì... bỏ đi hết cho nó hợp thời trang..."* Lũ bạn nghịch ngợm của nàng bao giờ cũng thế. Nhưng cái giọng bỡn cợt của chúng bây giờ như đã nhuốm vẻ cay chua. Hạnh phúc. Lại cũng hạnh phúc. Bức thư đã làm cho nàng chảy nước mắt và trằn trọc mấy đêm liền. Lũ bạn của nàng giờ chỉ mong tìm hạnh phúc cho cái bao tử thôi. Một điều mà trước đây hơn mười năm chúng và nàng đã chẳng bao giờ ngờ tới. *Thật ra, hạnh phúc không phải ở đâu cũng vậy. Nó tùy thuộc vào hoàn cảnh, vào cách sống và quan niệm của mỗi người nữa.* Bây giờ nàng nghĩ thế. Nàng định nói cho người bạn nghe nhưng nghĩ sao lại thôi. Người bạn nàng đang lấy thức ăn vào dĩa cho nàng. Quán ăn vẫn chưa có khách ngoài một người bồi bàn thỉnh thoảng tới lui mang thêm nước. Người bạn nàng nhắc: ăn đi chứ. Nhỏ chẳng ăn gì hết vậy. Vẻ ân cần của người bạn làm nàng cảm động. Nàng nói thì ta cũng đang ăn đây. Nàng cầm lấy đôi đũa. Cảm thấy người bạn bên nàng thật gần gũi như ở khuôn viên trường Luật năm nào. Ở đó, nàng tìm thấy những đôi mắt nhìn nhau không một chút nghi ngại. Ở đó nàng bắt gặp những tâm hồn có cùng nàng một mẫu số chung. Ở đó nàng có thể nghe có thể nói đủ thứ chuyện nắng chuyện mưa và những chuyện trên trời dưới đất. *Ở đó khác ở đây.* Nàng nghĩ thế. Hay là nàng đã quá bận rộn vì dĩ vãng chăng? Có lần nàng nói với một người quen là nàng thèm có được một người bạn hiểu nàng như tri kỷ và chỉ cần một thôi

mà chưa thấy. Người quen nàng cười nói thôi đi bạn, đừng có đứng đằng đông mà ngóng đằng tây nữa.

Ừ, mà ai lại chẳng có một chút liên hệ với dĩ vãng? Nhất là cái dĩ vãng vẫn sờ sờ ở đó mà đã mất lối đi về. Nàng đã ngậm ngùi lắng nghe người bạn nói rằng tại vì ở đây "Mik" nhiều quá. Nàng đã nhìn sang người bạn, thật lâu. Cố tìm ở đó một ngỏ ngách dẫn về những nơi chốn quen có trường lớp xưa, có đường phố cũ. Có những mái đầu kề nhau thật gần. Có những tấm lòng mở ra thật rộng, có những sự việc bình thường nhưng vẫn đeo đẳng theo trí nhớ trong suốt một đời như những tiếng trống buổi khai trường. Như những ánh mắt tinh quái nhưng trìu mến của một lũ bạn. Người bạn nàng vẫn ngồi ở đó. Cả hai cùng im lặng. Quá khứ vẫn mang mang như những buổi chiều sương mù Đà lạt. Ở Cam Ly, bên Đồi Cù hay Hồ Than Thở. Nàng bỗng nhớ đến những buổi sáng gặp nhau ở một khung cảnh xa lạ không phải là của bạn nàng hay của nàng nữa. Ở đó cả hai đều có những công việc và những bổn phận. Đôi khi họ chào nhau bằng một ngôn ngữ không phải của chính mình. Nàng yêu thích sự im lặng hơn. *Hãy chẳng cần nói gì cả. Sự vay mượn tiếng nói đôi khi đã làm cho người ta xa cách thêm.* Nàng có cảm tưởng bạn nàng và nàng là những con ốc nhỏ bị cơn bão rớt mang giạt vào một hòn đảo xa xôi. Những con ốc luôn ôm ấp trong lòng chúng cả một đại dương đã phải trải dài đời sống của chúng ở một nơi chúng chẳng bao giờ nghĩ đến. Sự êm ả trong lòng biển cả hay tiếng thét gào của những làn sóng to, đôi khi, chỉ còn là sự hoài niệm. Buổi sáng, người bạn nàng đến; qua chỗ nàng một chút, rồi đi. Sự im lặng, đôi khi là đã nói hết, đã hiểu hết. Không cần gì nữa cả, dù chỉ là một tiếng chào. Nàng nghĩ thế. Đổi lại thế ngồi trong khi người bạn nàng nói về sự hòa nhập giữa hai cách sống và hai cách làm việc. Người bạn nàng nói say sưa. Tiếng nói của người bạn nàng chùng xuống. Nàng hiểu. Hoặc bằng cách này hay cách khác, người ta phải trả một cái giá nào đó cho sự thành đạt của mình. Như người bạn nàng chẳng hạn. Nàng yêu thích cách làm việc và sự chửng chạc của bạn nàng. Nàng nói: Nhỏ làm việc nhiều quá. Người bạn nàng cười — ừ, phải thế. Và nhỏ cũng vậy — Trong loáng thoáng tiếng cười nàng nghĩ đến niềm tự hào của một người Việt Nam và ngôi trường đã đi qua. Ở đó, biết bao nhiêu người đã đổ xương máu để cho nàng sự hiểu biết như hôm nay. Nàng nghĩ người bạn và nàng bây giờ là một trong những mảnh rời của một "puzzle" còn vương vải chưa được chắp nối lại. Nó có làm thành một hình ảnh gì chăng thì còn tùy thuộc ở tài năng khéo léo của người sắp xếp nên nó nữa.

Buổi chiều đã xuống thật thấp khi hai người rời khỏi quán.

Nàng đã chẳng nói được gì với người bạn nàng những điều mà nàng nghĩ có thể nói được, có thể chia xẻ được như một chút gió mưa ngày cũ. Như tiếng ngân nga của một hồi chuông. Như tiếng sóng vỗ lênh đênh của những ngày còn tóc bồng mắt sáng. Bãi đậu xe mênh mông còn nhiều chỗ trống. Chút nữa nhiều chiếc xe sẽ đến và nó sẽ được lấp đầy. Những ngày sắp tới của nàng rồi cũng sẽ đến. Nó có lấp đầy được không những khoảng trống của tâm hồn nàng? Người bạn đang nói lời chia tay với nàng. Nàng vẫn đứng ở đó. Muốn nói lời cám ơn người bạn về buổi chiều bằng hữu như chiều nay. Nhưng đó chỉ là trong ý nghĩ. Nàng đã không nói gì cả. Nàng không quen nói cám ơn với những người thân thiết mình. Nghe có vẻ ngoài miệng quá. Lời cám ơn khi được nói ra, vào những trường hợp không cần thiết, nó chẳng còn có nghĩa gì cả. Giữ ở trong lòng, lời cám ơn sẽ ý nghĩa hơn. Cái "ơn" sẽ được nhớ lâu hơn. Người bạn nàng đã ngồi vào xe, nổ máy. Nàng vẫn đứng yên ở đó. Nhìn theo chiếc xe lui từ từ ra khỏi cái ô dành riêng cho nó. Rồi vọt lên. Lẫn khuất vào đám xe ngược xuôi như dòng thác lũ trên đường.

Nhỏ,

Dường như đã từ lâu lắm rồi, ta không còn được cái cảm giác thích thú khi ngồi cùng với bạn bè, ở một chỗ ngồi nào đó; nói lan man đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, để cảm thấy tâm hồn mình được vỗ về. Để cảm thấy, ít ra, mình cũng còn có một nơi chốn để nghỉ ngơi. Chỗ ngồi với nhỏ, chiều nay, đã làm ta nhớ lại những chỗ ngồi xưa mà hơn một lần mình đã có. Hân ở Đinh Tiên Hoàng hay Tùng ở Đà Lạt. Đa La ở Cộng Hoà hay Thanh Đạm ở Đơn Dương. Chỗ ngồi với nhỏ, chiều nay, cũng cho ta liên tưởng đến cái quán con của ông già Năm, trong khu trường Luật cũ ở Phan Đình Phùng, với ly chanh đường sau những giờ học. Nó cũng gợi ta nhớ đến cái "quán nghèo" chơ vơ ở Văn Khoa nằm cạnh Hội Quán Sinh Viên dưới tàng cây Đại Thụ, và những ly đậu đỏ lúc chờ giờ. Nó cũng dẫn dắt ký ức ta trở về Đại Giảng Đường 2 của trường Dược, cùng những ly kem foremost lạnh tê đầu lưỡi và những buổi văn nghệ cuối tuần. Chỗ ngồi với nhỏ, chiều nay, cũng làm ta nhớ quá những bàn những ghế thấp lè tè kê rải rác dưới những hàng cây Phượng trong khu Đại Học Sư Phạm, và những ly cà phê thơm ngát, với những câu chuyện dòn tan như đậu rang. Nó cũng làm ta nhớ quá khu Giảng Đường của trường Khoa Học, với những tàng me bay bay. Ở đó ông thầy là một diễn viên độc thoại trên sân khấu mà học trò bên dưới là đám khán giả nghịch ngợm. Ta còn nhớ có một lần trong giờ học của thầy Chu Phạm Ngọc Sơn, lũ bạn của ta đã đố nhau rằng: "Thân thể ông thầy chia

làm ba khúc: khúc đầu, khúc mình và khúc cuối. Đứa nào thích khúc nào nhất?" *Một tên trong bọn hiền lành đã "dám" dành quyền trả lời trước là* "Tao thích khúc mình nhất!" *Cả bọn nhao nhao đòi giải thích. Con bé chẳng chịu nói tiếng nào mà chỉ làm dấu bằng tay và mắt làm cả bọn được một phen cười nghiêng ngửa. Chỗ ngồi với nhỏ, chiều nay, đã làm ta nhớ quá những bạn những bè bây giờ đã nghìn trùng xa cách...*

Dường như, cũng đã từ lâu lắm, ta không còn được cái cảm giác nôn nao khi nghĩ đến một cái hẹn. Đời sống và những thủ tục rườm rà của nó đã cướp mất đi những thong dong cần thiết cho cuộc sống. Cú phôn của nhỏ cho ta sáng nay, cùng lời nhắn nhũ cho buổi chiều nầy, đã làm ta thấy bâng khuâng. Đã làm ta thấy hạnh phúc. Ta thật sự đã cảm thấy hụt hơi, khi cuộc chạy đua với đời sống ở đây chưa kết thúc. Ta thật sự cũng đã cảm thấy lạc lối, khi mới bắt đầu ở chặng đường đầu tiên. Một sự hòa nhập nào dẫn dắt ta trở về bên kia bờ đại dương có tuổi thơ ta, có bạn bè ta, có một đời sống ta vừa bỏ lại. Chiều nay, nhỏ vô tình đã thổi vào đời sống ta không khí trong lành ngày cũ. Ta đã ngồi im, rất lâu, với cái bất chợt mà mình chưa hề nghĩ đến. Đó là những giọt sương lóng lánh của một sớm mai trong khu vườn tuổi nhỏ nào đã có, rất xa. Cái cảm giác ấy vẫn còn nguyên, bây giờ, khi ta ngồi đây và viết những dòng này. Ta cám ơn nhỏ, mặc dù sẽ chẳng bao giờ ta nói cho nhỏ biết.

Nhỏ,

Dĩ vãng, nếu có thể gọi được như thế, đã là những hình ảnh thật dễ thương, thật sâu đậm, vẫn nằm yên trong lòng mỗi người mà người ta chỉ nhớ đến mỗi khi cần thiết. Với ta, những hình ảnh đó lại càng rõ rệt hơn. Chúng là những E. T. đã trở về hành tinh của chúng ở một nơi xa lắc xa lơ nào đó nhưng ta vẫn cứ đứng ngẩn dưới nầy để trông vời theo. Ta thấy chúng lúc gần lúc xa. Chúng có vẻ mơ hồ nhưng lại rất thật. Những giọt nước mắt biệt ly, nếu có, còn làm cho trái tim của E. T. rung động được thì huống gì là ta. Những giọt nước mắt đã dẫn dắt ta về cái vùng mênh mang của quá khứ mà sẽ không bao giờ ta có thể quên được. Những giờ học vui nhộn. Những buổi lang thang cuối tuần. Và cái lũ bạn bè nghịch ngợm. Người ta tên "Hải" *thì cứ gọi là* "Hải" *đi, không, chúng lại thích gọi là* "Hải... Dưới" *thôi. Làm gì có* "Hải Trên" *mà gọi* "Hải Dưới". *Nhưng chúng gọi như vậy là tại vì cái tên đó có cái mặt dễ ghét. Cái kiểu nói lái làm mỗi lần gọi lên là cả bọn nín cười đến đau bụng. Còn cái Ban* "Sinh Lý Sinh Hóa" *nữa. Đó là* Sinh Vật — Vật lý — Hoá học. *Nhưng hễ gặp tên nào lẻo đẻo theo tán tỉnh thì cứ khoái khoe là học* "Ban Sinh Lý" *cho nó "oai". Nhỏ ơi,*

cái mơ hồ ấy, thật ra nó đã chiếm một chỗ rất lớn ở trong hồn ta. Nó mênh mông và sừng sững như một ngọn núi. Ta đang đứng ở trên đỉnh của nó đảo tầm mắt ta nhìn quanh. Dưới kia là cái lũ bạn bè ta đang chọc phá nghịch ngợm. Dưới kia là những trường những lớp một thời ta đã đi qua. Và cái bóng núi như thế, cứ sừng sững trước mặt ta, sau lưng ta. Đôi khi ta ước ao, nếu ta được dựa lưng vào cái bóng núi đó ngủ một giấc để quên những phiền muộn.

Và nhỏ ơi. Chiều nay, nhỏ đã mang đến cho ta những êm đềm ngày thân ái cũ.

TRỊNH GIA MỸ

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:

DÂU BỂ

tập truyện ngắn của

PHẠM QUỐC BẢO

11 truyện ngắn và tùy bút nói lên những mẫu đời tiêu biểu, những tâm trạng sống động của người Việt hiện nay ở khắp mọi nơi : trong nước, tù đày trại cải tạo Việt cộng hay sinh sống trên những mảnh đất rải rác trên thế giới. Sau cơn quốc nạn, những gẫy đổ quằn quại, những chia lìa đau thương, những phấn đấu vươn lên, những lạc quan sống còn, những đổi thay từ tư tưởng quan niệm tới tập quán và đời sống...nhưng không bao giờ thiếu những hướng vọng và vượt thoát tinh thần về quê hương dân tộc.

Một tập truyện đáp ứng với từng cá nhân và gia đình người Việt ở trong nước lẫn hải ngoại.

Một tập truyện không thể thiếu trong tủ sách của mỗi gia đình chúng ta.

Hãy tìm tập **Dâu Bể** *ở các tiệm sách Việt hay thư viện gần nơi bạn ở.*

Muốn có chữ ký của tác giả, xin đặt mua tại :

Nhà xuất bản Người Việt

14841 Moran Street

WEstminster, CA, 92683 USA

Tel (714) 892. 9414 & 893. 5180

172 trang. Giá 8 MK

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

Triều Khê

Tìm hiểu truyện Kiều.

Ông Bình nguyên Lộc bỏ phí thì giờ đến mấy mươi năm để hiểu hai câu trong truyện Kiều:

Bó thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu

và có đem ngôn ngữ học của những dân tộc có sọ Mã Lai để phân tích mổ xẻ từng từ của Kiều. Ông còn cho biết nếu có thì giờ sẽ đem hằng trăm từ khác mà ông đã nghiên cứu để chúng ta tìm hiểu thêm tuyệt phẩm của Nguyễn Du.

Không riêng gì kẻ viết bài này mà rất có nhiều người đọc bài của ông hoan nghênh những ý kiến mới mẽ và công cuộc nghiên cứu của ông trong thời gian này và không gian này.

Ông cũng làm tôi mất một tuần để hiểu thêm hai câu thơ trên. Xin mạo muội đưa ra một và nhận xét, có thể người thắc mắc mấy mươi năm vì hai câu đó, thì thấu đáo hơn người mới thắc mắc có một tuần.

Tôi xin dựa theo Kiều bản của Bùi Kỷ — Trần trọng Kim và bản của Bùi khánh Diễn.

Theo tôi **BÓ THÂN** hay hơn là **RÃN THÂN**, theo lệ xưa vua, tướng ra đầu hàng phía địch của mình thường phải cho trói mình lại. Trong Kiều, không thấy Nguyễn Du tả rõ là Từ Hải phải tự trói để xuống thành gặp Hà tôn Hiến, mà:

Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên.

thì bó thân là hiểu theo nghĩa bóng, tượng trưng. Ông Huỳnh sanh Thông ở đại học Yale đã dịch theo nghĩa đen, có lẽ để cho người ngoại quốc hiểu rõ tục lệ xưa:

If I turn up at court, bound hand and foot
What will become of me, surrended man?

Bây giờ xin bàn đến **LƠ LÁO** hay **LƠ LÀ** của ông B.N.L.

Lơ láo từ điển Việt-Anh của Bùi Phụng (xã hội chủ nghĩa):

Lơ láo: Sture at, goggle at; be like a fish out of water.

Từ điển Việt-Pháp của Thanh Nghị và Đào văn Tập định nghĩa:

Lơ láo: Confus, honteux — *Sượng (sùng):* Confus, honteux.

Từ điển tiếng Việt của Lê văn Đức — Lê ngọc Trụ: *Lơ láo: Ngơ ngáo*

Ngơ ngáo: "Bơ ngơ, báo ngáo, dáng người không hiểu chi ráo, mắt ngó qua ngó lại để tìm hiểu vẻ mặt ngây ngô." Và dẫn câu thơ ví dụ của Ba Giai:

Đến khi hoạn nạn lâm nguy
Mắt trông ngơ ngáo, chân đi gập ghềnh

Con cá mà ra khỏi nước, môi trường sống của nó thì cá phải chết, cũng như Từ Hải không được tung hoành, không được hùng cứ một phương cho phỉ chí thì Từ Hải, không chết vì Kiều và Hà tôn Hiến thì cũng chết vì buồn, nãn, vì thất nghiệp và ngứa ngáy chân tay.

Tôi không dám xác quyết LƠ LÁO theo luật tắc nào có thể chuyển thành NGƠ NGÁO. Điều này phải hỏi ông Nguyễn Đình-Hoà, một chuyên gia về ngôn ngữ học. Tôi có hỏi các bạn người miền trung và nam thì họ đều nói: Lơ láo là Ngơ ngáo, ngơ ngáo chứ còn gì nữa. Có một vài quy tắc dễ hiểu giữa từ Bắc và Trung-Nam, như *L* thành *NH; S* thành *T, TR* thành *GI* — hai mươi *lăm:* hai mươi *nhăm; Sè sè: tè tè; Trời* đất: *Giời* đất... Cũng có thể *L* chuyển thành *NG* được:

Bản Kiều của Lê văn Hòe thì chú giải câu đó như sau: "Hàng thần là người bề tôi mới về hàng. Kẻ hàng thần lấy làm hổ thẹn, ngượng ngùng nên mặt mũi lơ láo. Đã vậy danh phận cũng chưa chắc vào đâu."

Còn khi dịch sang tiếng Anh, Lê xuân Thủy dịch là: *bewildered*

If I surender to the imperial court, as a submissive and bewildered nebel...

Dựa vào những định nghĩa, chú giải, lời dịch trên ,tôi không nghiêng về ý kiến và phát hiện của ông B.N.L.

Câu tám, theo tôi nghĩ không có ý *"đã cho đối mặt hai bên"*, theo ông BNL thì về trên là nhắc đến một bên, các quan trong triều của Minh đế và về dưới là chính Từ Hải. Ông BNL may mắn, hay đúng hơn, học và đọc nhiều hơn hiểu như thế, và nhận là ít người hiểu như ông. Chúng ta không dùng lối "cả vú lấp miệng em" để ép ông là không đúng. Nếu một tìm tòi, phát hiện mới đúng, hay thì nhận là, đúng, hay. Đa số sai phải phục tùng thiểu số đúng, chứ không nên theo kiểu cộng sản thiểu phục đa được.

Tôi vẫn hiểu là *HÀNG-THẦN:* người đã ra hàng mà không phải là hàng quần thần, hàng quan lại trong triều Minh. Và tôi cứ chịu là câu dịch của Lê xuân thủy và Huỳnh sanh Thông là dịch đúng. Ngoài ra theo các bản Kiều tôi đọc đều có "gạch nối" (-) giữa *HÀNG*

và ***THẦN*** theo lối chấm câu ngày xưa chứng tỏ đó là từ kép: surrended man.

Từ câu:

Một tay gây dựng cơ đồ

trở đi đến:

Dọc ngang nào có biết ai trên đầu

là tâm sự của ông vua nhỏ Từ Hải, là nỗi phân vân, lưỡng lự của "ông tướng giặc" này. Ta đã biết Từ Hải là người thế nào rồi. Đã có triều đình riêng, đã có dưới ngai văn võ hai hàng, đã chọc trời khuấy nước, hùng cứ một phương hải tần Triết giang, Phúc kiến, thì đám quan lại ngoan ngoãn trong triều Minh Gia tĩnh kia, Từ Hải đâu thèm chấp. Họ có lơ là thờ ơ, needless đến đâu, ông cũng không cần. Ông cũng chẳng cần Vua Minh nhạt nhẽo hay không với ông. Bên đối mặt hay bên trực diện với Từ Hải "là cái thá gì" để cho đấng trượng phu phải bận tâm.

Suốt mười câu lột rõ tâm sự suy tư của họ Từ không bao giờ thắc mắc đến lũ "giá áo túi cơm" trong triều. Không lẽ Nguyễn Du đưa ra một vấn đề "lũ bề tôi thờ ơ" để rồi thôi, tuyệt nhiên không khai triển thêm, không giải quyết gì hết. Nguyễn Du lơ đễnh đến thế sao?

Bàn thêm về tâm lý họ Từ trước khi hàng, tôi đồng ý với ông BNL là Từ không mặc cảm gì cả nhưng tôi không đồng ý khi bảo Từ không phân vân gì hết khi ra hàng. Mười câu thơ dẫn trên đã nói quá đủ nỗi phân vân của Từ. Phân vân, hồ đồ này phải dùng đến 14 câu thuyết phục rất đàn bà của cô vợ đẹp mới hết phân vân. Chí anh hùng hảo hớn của chàng đã bị tình yêu và tình thương Thúy Kiều đánh bại. Nếu Từ không chết vì âm mưu của Hồ tôn Hiến, sau khi đã ra hàng rồi, thì lúc đó mới có mặc cảm bại trận, ngu dại. Minh Gia tĩnh sẽ cho chàng một tước "ngồi chơi sơi nước". Công hay Hầu chi đó:

Vào luồn ra cúi công hầu mà chi...

cắt cho Từ và Vương một số làng sau đó, ban cho một ít bạc vàng châu báu, một số người hầu kẻ hạ dư sống về kinh tế nhưng bị bao vây về ngoại giao, chính trị. Kiều sẽ khoái lối sống nở mặt, nở mày mệnh phụ phu nhân nhưng Hải thì buồn dai dẳng ray rứt. Một là chàng sẽ héo hon đi mà chết, bị đau tim, bị buồn phiền quá mà chết. Hai là chàng đã thấm là đã dại dột "nghe lời con mụ" một ngày nào đó cánh chim bằng lại tung bay về rừng núi hoang vu, con hùm sẽ trở lại môi trường cũ, để tiếp tục thói vẫy vùng.

Từ ra hàng, nghe lời Kiều, là đã chịu làm bề tôi của vua Minh rồi chứ! đã từng làm vương một cõi, Từ hiểu rõ điều đó chứ. Ông Dương văn Minh đầu hàng chính phủ miền Bắc thì đương nhiên ông là bề tôi của Lê Duẩn, của Tôn đức Thắng rồi, dù được khoác

dưới cái tên hấp dẫn "công dân một nước tự do, độc lập" — rồi được đi bầu quốc hội, được vỗ về bằng một giấy xuất cảnh đi Pháp dưỡng già. Khuôn mặt Dương lúc đó, tôi nghĩ không còn từ nào diễn tả đúng hơn từ LƠ LÁO, hay NGƠ NGÁO cũng thế. Nguyễn Vĩnh Thụy nộp ấn kiếm cho Trần huy Liệu thì cũng LƠ LÁO thế thôi, và cũng là bề tôi của Nguyễn tất Thành mà triều đại là Hồ... (Dĩ nhiên tôi không ví Dương và Nguyễn với Từ Hải được). Cãi cách sao đi nữa cũng là bề tôi của người ta rồi, dù được thí cho chút công, hầu; dù được cho đi bầu; dù được là ông cố vấn tối cao của chủ tịch cả nước.

Vậy xin phép, cho tôi cứ hiểu LƠ LÁO: *ngơ ngáo, ngơ ngác, sượng sùng, bẽn lẽn* mà Pháp thì kêu là: *confus, honteux, très hébété,* còn Anh gọi bằng *bewildered, abashed, eshamed, very stupid.*

Vậy công trình của ông BNL thì sao: LƠ LÁO: LƠ LÀ, THỜ Ơ của In-đô-nê-xia của Phù nam và của Nam kỳ mượn Phù nam từ 1580 thì sao?

Xin đề nghị như sau: phát hiện của ông BNL rất quý, rất chính xác theo nghiên cứu ngôn ngữ học của các dân tộc có sọ Mã-lai-á. Còn LƠ LÁO của truyện Kiều thì vẫn là NGƠ NGÁO, SƯỢNG SÙNG. Chẳng qua là có sự trùng hợp vậy thôi. *"Fun"* là vui, nhộn của Anh Mỹ còn *"Phần"* hay *"Phấn"* của Việt Nam vẫn có nghĩa của Việt Nam.

•●•

Còn GHỀNH của Nguyễn Du nữa.

Ta tạm dùng định nghĩa GHỀNH của Khai trí tiến đức: vũng sâu, có nước xoáy.

Tuy nhiên không nói rõ sâu ra sao, nước xoáy như thế nào. Như vậy ghềnh không bắt buộc phải thật sâu, sâu hàng chục mét và xoáy đến mức nào đó. Ở truyện Kiều thì:

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

cầu thì nhỏ mà lại ở cuối ghềnh vì biết rằng:

Bước lần theo ngọn tiểu khê

đã là khe nhỏ, suối nhỏ thì không có thác ở gần, không có tiếng động ồn ào, rồi:

nao nao dòng nước uốn quanh ...
... Dưới cầu nước chẩy trong veo ...

rõ ràng là đã xa chỗ nước xoáy và vũng sâu, trong vắt, chảy lừ đừ. Trên thực tế, tôi đã có dịp đến thăm đền Ghềnh ở Phủ Lý (Hà Nam Ninh) năm 1953 khi còn ở trong quân đội. Tôi chẳng thấy nước xoáy ở đâu mà cũng chẳng thấy thác ở đâu, vì đi thuyền trên sông và đứng trên cầu gần đó ngắm đều thì chỉ thấy đá hơn là thấy ghềnh. Vậy ngày xưa gọi đầu Ghềnh vì lối vào khúc khuỷu, núi đá

cao gập GHỀNH chăng?

Cũng không nhất thiết là quá 3 dặm Anh là hết ghềnh và cũng chẳng cứ là hễ có đá ngầm là có ghềnh như sông Đồng Nai. Theo địa chất học thì các lớp cấu tạo nên vỏ địa cầu có nhiều lớp, thể khác nhau, trong đó nhiều lớp cứng ta quen gọi là đá. Lớp cứng này vì những xô đẩy chèn ép, biến động từ lòng trái đất, khiến nó trồi lên trụt xuống, dợn sóng, hay bị cắt ra. Ở xa quá 3 dặm Anh hay xa hơn nữa vẫn có thể có đá trồi lên lòng sông, suối được, tùy theo nếp gấp của lớp đất, đá nơi đó. Nó trồi lên ở sông suối thì tạo thành ghềnh, nếu nó trồi lên ở vỏ ngoài cùng mặt đất đang được trồng trọt chẳng hạn, thì gọi là *Hòn* hay *Gò* v.v...

Nước xoáy không nhất thiết là do đá ngầm, hai dòng nước ngược và xuôi, hai nguồn nước đụng nhau và tách rời nhau, cùng chiều, cũng tạo ra nước xoáy. Ngã ba sông có nước xoáy v.v... Không thấy Nguyễn Du tả đến thác ở đoạn này, vậy cũng không sợ người chết giật mình. Nguyễn Du cũng không hề nói mộ Đạm Tiên ở trong một nghĩa địa lớn mà chỉ:

Sè sè nấm đất bên đường, ... vùi nông một nấm,... ấy mồ vô chủ... Ba chị em Kiều, Vân, Quan đã thơ thẩn ra về, để bước lần theo suối nhỏ rồi, nếu có nghĩa địa thì cũng xa rồi. Tôi cũng có thể tưởng tượng là ở vùng quê của Kiều người ta tùy gia đình, tùy dòng họ để chọn nhiều thế đất khác nhau mai táng người qua đời, chẳng cần lập thành nghĩa địa. Cũng không phải nghĩa địa nào của Tầu đều phải hội đủ điều kiện về tín ngưỡng và khoa địa lý xưa đâu!

Trong bản của Bùi Kỷ. Trần trọng Kim, đã kỹ càng ngắt hẳn thành một đoạn riêng khi hết câu 48. *thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay* để đến câu 50: *Chị em thơ thẩn dan tay ra về* cho biết là ba người đã rời hơi xa khu có nhiều mồ mả.

Dựa vào tài tả cảnh của Nguyễn Du như: *Cỏ non, xanh rợn chân trời — Cành lê trắng điểm... vài bông hoa, có bề thanh thanh... nép vào dưới hoa... Tơ liễu, thướt tha,* thì hình dung ra được nơi ba chị em gặp mã kỹ nữ, không phải là nơi hùng vĩ chọ lắm. Dòng khe nhỏ chắc không lớn bằng sông Đồng Nai, không có núi đá cao sừng sững như núi Văn Dú tưởng tượng trong truyện của nhà văn miền Bắc ngày xưa, cũng không có thác đổ như một số thác ở miền Trung nước ta, cũng không có đại thụ...

Nguyễn Du chỉ muốn tả nơi đó, muốn vẽ một bức tranh nhẹ nhàng thanh thoát bằng mầu nước, bằng phấn tiên, chỉ muốn có những thước phim đoạn nhạc êm dịu thướt tha thôi chứ không dữ dội, mạnh tợn, ồn ào kiểu: *Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa*...

•●•

Có một điều đáng ghi nhớ, ta cứ mải cãi cọ về "ghềnh" với "xoáy", "lơ láo" với "lơ là" mà quên đi mất tính chất ký thác tâm sự trong truyện Kiều, đã có rất nhiều hậu sinh bàn luận đến.

Phải chăng mười câu Từ Hải phân vân trước khi ra hàng vua Minh, qua Hồ tôn Hiến, cũng là lời tâm sự của Nguyễn Du và các sĩ phu đã từng làm việc với triều Lê, trung thành với triều Lê, không chịu hay mãi mới chịu làm việc với Nguyễn Huệ và sau đó Nguyễn Ánh?

Mười bốn câu lý luận suy hơn tính thiệt rất đàn bà của Kiều, phải chăng nói lên những điều tự bào chữa gượng gạo của những người ra hợp tác với tân triều, những phân trần, thanh minh để tự dối lòng. (kiểu Tôn thọ Tường ra làm việc với Phú lãng sa).

Tới đây, tôi lại nhớ có đọc một bài báo của chính phủ Bắc Việt, do các cây bút nhà nước viết, dĩ nhiên, bàn về chữ *thú* và *thói* trong câu:

Giang hồ quen thú vẫy vùng

và tán là phải ngâm là *thói* vẫy vùng nghe mới sướng, vì *thói* mới nói lên một thói quen tự do, đã là thói thì không cần kỷ luật, kỷ cương, tự do như một con ngựa rừng và như thế mới thực là vô sản..

Tôi đoán cây bút đó sẽ bị các bề trên văn hóa, văn nghệ cạo cho sát ván vì đã có đầu óc tản mạc, thiếu lập trường vô sản, tư tưởng chao đảo. Cũng như các nhà phê bình, lý luận văn học của họ luôn luôn kéo Từ Hải về phía nhân dân, phía vô sản, cách mạng, đã đứng lên định lật đổ bạo quyền nhà Minh, đã làm một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chống phong kiến, chống vua quan cũng như họ đã cố đề cao Dương hậu dâm ô, đề cao Nguyễn hữu Cầu và tất nhiên xỉ vả Phạm đình Trọng kịch liệt... Nhưng đó lại sang một vấn đề khác...

•●•

Sau cùng xin thưa rằng: Tại sao ta không cảm thơ, cảm tranh, cảm nhạc, cảm người đẹp mà cứ đem kỹ thuật, khoa học, kính hiển vi chiếu mãi vào, soi mói, bới móc mãi những cái đẹp ít có. Ta đã hết rung động rồi chăng, đã khô cằn rồi chăng? Ta không dùng trực giác mà mãi mê lý luận. Tôi còn nhớ đọc một bài báo ở đây trong mục Mỹ thuật họ phân tách, họ mổ xẻ bức tranh La Joconde họ dùng máy, dùng thước, để làm tình làm tội người đẹp, đưa ra một La Joconde khủng khiếp, họ chẻ dọc mặt người đẹp ra, rồi ráp lại bằng hai nửa mặt giống hệt nhau (nửa mặt của con người không bao giờ giống nửa mặt bên kia).

Lấy mãi kính hiển vi soi da mặt Thúy Kiều thì thấy nàng cũng

gớm khiếp như bao người khác, những lổ chân lông, những chất nhờn, mồ hôi dầu, mỡ, vi trùng... Nghe nhạc hòa tấu mà cứ soi mãi vào ống kèn của nhạc sĩ trompette, saxophone thì chỉ thấy phồng mang trợn mắt và nước miếng thôi và không thể nghe... *gió thoảng ngoài... trời đổ mưa* được.

Bây giờ khoa học đã nhờ computer vẽ được tranh. Rồi ra các họa sĩ sẽ thất nghiệp dài dài. Rồi đúng ba trăm năm sau ngày cụ Nguyễn Du mất, biết đâu sẽ chẳng có một computer cực kỳ bén nhậy, cực kỳ thông minh, cho nó một số data về các từ các cú pháp, luật về văn thơ, nó sẽ nhả cho ta một tác phẩm hay hơn truyện Kiều gấp trăm lần.

Lúc đó cụ Nguyễn Du sống dậy và khóc thật sự.

Nhưng đó cũng lại sang một vấn đề khác rồi...

TRIỀU KHÊ

ĐÓN ĐỌC
VĂN HỌC
TẾT ĐINH MÃO

Một giai phẩm phong phú và mỹ thuật cả nội dung lẫn hình thức
Dày hơn 200 trang qui tụ tác phẩm của những cây bút uy tín nhất tại hải ngoại hiện nay.
Phát hành đầu tháng 1. 1986.
Một món quà Tết ý nghĩa nhất cho người thân yêu nhân dịp Xuân về.

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

CHƯƠNG BA
Đường ra Bắc

XII
Trên đường mòn Hồ Chí Minh
Quảng Bình — Hà Tĩnh

Con đường hẹp lượn vòng dưới chân một ngọn đồi thấp, rồi đâm thẳng vào một cánh đồng rộng. Lúa đã gặt xong, và ruộng được cày lên để chuẩn bị cho một đợt canh tác mới. Xa xa, sau mấy thửa đất trồng hoa màu chưa thu hoạch, một lũy tre xanh bao quanh một thôn xóm lẻ loi. Đây chưa hẳn là bình nguyên, nhưng quang cảnh đã nhuốm chút màu sắc của nông thôn quen thuộc.

Cánh đồng khô cằn gợi nhớ đến những lời cán bộ ở các trại giam ca tụng nền nông nghiệp miền Bắc: phương tiện sản xuất được tập trung, cán bộ chuyên môn được huấn luyện kỹ lưỡng, hợp tác xã quản lý theo phương pháp khoa học, cho nên năng xuất gia tăng hàng năm. Và ngay trong những năm chiến tranh, đôi khi thời tiết không được thuận lợi, nhân dân miền Bắc không bao giờ thiếu ăn. Nhưng thực trạng mà chúng tôi nhận thấy thật khác xa những lời giải thích và tuyên truyền ấy. Từ ngày ra đi, chúng tôi biết Thuần và Hiên đã gặp khó khăn trong việc tiếp tế thực phẩm. Nhiều lần, các trạm dọc đường không đủ lương thực để "phân phối" cho nhóm chúng tôi. Hiên và mấy người bộ đội phải vất vả chạy lùng mua quanh các thôn xóm lân cận, mà không phải lúc nào cũng mua được. Có lẽ họ biết rằng chúng tôi sẽ có cơ hội nhận xét tình hình tận mắt, nên trong những ngày gần đây, họ ít khoe khoang những thành quả kinh tế đạt được trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Đi ngược lại hướng chúng tôi, một tốp nông dân lững thững trở về nhà sau một ngày lao động. Họ hầu hết là phụ nữ trung niên, gầy gò, nét mặt khắc khổ. Những bộ quần áo cũ kỹ, bạc màu, vá nhiều mảnh, và những chiếc nón rách mép tố cáo một sự nghèo nàn không che đậy nổi. Lẽo đẽo theo sau, một đám trẻ con ở trần, mặc quần đùi, để lộ những ống chân khẳng khiu, đầy ghẻ lở.

Hiên vụt quay lại, và nói lớn:

— Các anh tránh sang một bên!

Chúng tôi đứng lại, nhường cho đám dân làng vượt qua quãng đường hẹp. Tôi đang tìm hiểu lý do của sự việc vừa xảy ra, thì Hiên giải thích:

— Từ nay trở đi, các anh phải tránh xa đồng bào gặp trên đường đi. Họ sẽ nhận ra các anh, và vì căm thù cao độ, họ có thể hành hung mà chúng tôi không kịp trở tay để bảo vệ.

Dĩ nhiên, những kẻ bộ hành có thể dễ dàng nhận ra chúng tôi là phạm nhân, vì tay chúng tôi bị trói. Nhưng họ có biết chúng tôi là người miền Nam không? Hay họ nhận ra Weaver là người Mỹ? Mà có thực họ căm thù và muốn xông vào đánh, khi chúng tôi đi giữa một tiểu đội mặc quân phục có vũ trang? Người dân miền Bắc xem thường bộ đội và cán bộ của họ đến thế chăng? Sự thật đơn giản hơn nhiều: cán bộ Việt cọng không muốn cho chúng tôi trò chuyện, trao đổi tin tức, ý kiến, với đồng bào miền Bắc, và sự kiện xảy ra hôm qua với Weaver đã làm cho họ phải cảnh giác. Vì vậy, họ bịa ra câu chuyện người dân địa phương muốn hành hung tù nhân miền Nam để dọa dẫm chúng tôi, hầu mong chúng tôi xa lánh đồng bào. Mặt khác, như về sau chúng tôi được biết, chính các đài phát thanh và báo chí cọng sản luôn luôn xúi dục người miền Bắc oán ghét và tiêu diệt những người mà họ xuyên tạc trắng trợn là "bán nước" và "làm tay sai cho giặc Mỹ".

Mặt trời đã chìm hẳn xuống sau mấy ngọn đồi thấp, và dưới làn gió nhẹ, những ngọn tre khẻ rung động trên nền trời xám. Trong bóng hoàng hôn, hai em bé cỡi một con trâu đủng đỉnh đi về xóm lẻ. Nhưng cảnh tượng hiền hòa quen thuộc ấy không gieo vào tâm trí tôi một cảm giác thanh bình. Bởi vì, quả thực, từ bao nhiêu năm rồi, ấn tượng chiến tranh đã quá sâu đậm và bền vững trong lòng tôi. Và không biết từ hướng nào vẳng lại, tiếng một con bê gọi đàn nghe thiết tha và bi thảm như một nỗi tuyệt vọng não nề.

Chúng tôi lặng lẽ bước đều, và tiến dần vào thôn xóm hẻo lánh. Bóng đêm trở nên dày đặc, như chập chờn toát ra từ các lùm cây, và đè nặng lên hai vai mệt mỏi. Dàn theo hàng một, chúng tôi khua chiếc gậy tre, mò mẫn lần đi trong đêm tối, cố căng mắt nhìn cho rõ để khỏi sỉa chân vào những giao thông hào và hầm hố rải rác

dọc theo con đường mòn. Weaver bỗng kêu lên:

— Tôi chẳng thấy đường nào mà đi!

Hiên hỏi lại:

— Có việc gì thế?

Sau khi được giải thích, Hiên trả lời:

— Từ từ mà bước. Người đi sau nắm lấy áo hay ba lô của người đi trước, rồi cứ thế mà đi. Cẩn thận khi gặp những cây tre bắc ngang qua các con mương.

Tiếng nói của người tiểu đội trưởng vang dội lạnh lùng trong đêm im vắng. Không một tiếng chó sủa, không một tiếng người, không một tiếng động. Đến một khúc quanh thưa cây, dưới ánh sao mờ, tôi đoán thấy đôi nếp nhà nhỏ, cửa đóng kín, không một ánh đèn, không một đóm lửa. Mọi hoạt động của thôn xóm đều ngừng hẳn lại: lệnh phòng không được triệt để chấp hành. Tôi bất chợt nghĩ rằng, sau khi mặt trời lặn, cả miền Bắc chìm sâu vào bóng tối mênh mông: người công dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phải sống như trong thời cổ sơ u ám của nhân loại, mà còn không có được một ngọn lửa hồng để soi sáng hang động như con người tiền sử. Họ phải gánh chịu những hậu quả của cuộc chiến tranh do cộng sản miền Bắc gây ra. Nhưng để giúp cho họ chịu đựng gian khổ, Việt cộng giải thích rằng chính đế quốc Mỹ đã khởi xướng chiến tranh xâm lược, và vì "nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một", họ phải "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", và vào miền Nam để giải phóng "đồng bào miền Nam ruột thịt". Hơn thế nữa, sau những vụ không tập trên miền Bắc, Việt cộng lại khơi dậy mối căm thù trong lòng người dân miền Bắc để họ hăng say chiến đấu.

Bỗng có tiếng động cơ rì rầm từ xa vọng lại, rồi một chiếc hỏa châu màu xanh bừng sáng trên nền trời và bay lơ lửng trong không trung. Hiên vội vàng kéo chúng tôi nấp dưới một khóm tre:

— Hãy đợi một lát. Nó còn lượn vòng để quan sát.

Sau cái chớp rực rỡ, từ hỏa châu, ánh sáng xanh huyền hoặc tỏa ra bàng bạc, dịu dàng như ánh trăng thu. Phương tiện tối tân của chiến tranh vừa khoác cho chiến địa một vẻ thơ mộng bất ngờ. Tôi đang ngẩn ngơ ngắm ánh trăng nhân tạo, bỗng nghe Hiên bảo nhỏ:

— Lợi, chạy đi.

Lợi là "anh nuôi". Hạ cái ba lô cồng kềnh xuống đất, Lợi, người có vóc dáng cao lớn nhất trong đám bộ đội, thoan thoắt men theo con đường mòn, hướng về chiếc hỏa châu đang từ từ rơi xuống cánh đồng trống trải. Anh dừng lại dưới bóng mấy hàng tre, nghe ngóng, rồi vụt chạy ra nhặt lấy cái dù. Chỉ một lúc sau, khi

bóng đêm trở lại bao trùm thôn xóm vắng lặng, anh đã trở về chỗ cũ, hí hửng khoe với các bạn đồng đội chiếc dù bằng vải mỏng vừa lượm được. Một người trong bọn họ lên tiếng đùa cợt:

— Cái món ấy mà đem biếu cho "em" làm khăn quàng thì tuyệt!

Có lẽ những chiến lược gia của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ, ngồi trong Ngũ Giác Đài, bên bờ sông Potomac, không bao giờ ngờ rằng tấm vải dù của những hỏa châu thả xuống miền Bắc Việt Nam với mục đích trinh sát, lại có công dụng gây tình cảm giữa đôi thanh niên nam nữ của một nước cọng sản nghèo nàn đang kêu gào nhân dân "căm thù giặc Mỹ xâm lược".

•●•

Chúng tôi lặng lẽ đi suốt đêm. Lúc ánh sáng bình minh đùng đục soi rõ quãng đường chạy dọc theo một khúc sông lớn, đoàn người bộ hành mới dừng lại trước một cái hang khá rộng, lưng tựa vào một sườn núi trọc, miệng hang mở ra một bãi đất phẳng. Xung quanh, không có nhà cửa, làng mạc, nhưng tôi đoán rằng đây là một địa điểm liên lạc trên một trục giao thông quan trọng. Với một cái khoát tay và một giọng nói quen thuộc, Thuần quay lại:

— Chúng ta nghỉ lại đây thôi.

Hang không sâu; ánh sáng lọt vào tận bên trong. Trong lòng hang, quãng giữa như bị lún thấp xuống, và hai bên hông đã được san bằng, có lẽ để làm chỗ nghỉ ngơi. Thuần và Hiền chiếm phần hang bên trái, và chúng tôi, phần bên phải. Các bộ đội hạ ba lô xuống, rồi nằm luôn ở phía chúng tôi, gần miệng hang.

Mệt mỏi, chúng tôi ngả lưng trên tấm ni-lông vừa được trải ra, và cố gắng chợp mắt càng sớm càng tốt, vì không biết lúc nào sẽ lại lên đường. Chúng tôi nằm yên, lắng nghe những tiếng động từ bên ngoài mơ hồ vọng lại, và như cố làm quen với nơi tạm nghỉ mới, nhưng không ai ngủ ngay được. Anh Tứ nhích lại gần tôi:

— Đêm qua, sao nó thả hỏa châu nhiều thế?

— Con đường này có tính cách chiến lược, dùng để xâm nhập vào miền Nam. Chắc sẽ còn bom đạn tơi bời.

— Mà chúng mình vẫn chưa về đến đồng bằng, cứ quanh quẩn mãi trong vùng rừng núi.

— Đi trên con đường này ít lộ liễu hơn và đi trên quốc lộ 1, dọc theo bờ biển.

Gió từ bờ sông thổi hút vào hang, gây gây lạnh. Vì không có chăn, tôi lấy chiếc áo cánh đắp lên ngực, co hai chân lại để giữ lấy thân nhiệt, và bỗng nhận ra rằng có lẽ vì suy nhược, tôi không đủ sức chịu đựng không khí ẩm thấp trong hang đá. Tôi ái ngại chung

cho tình trạng sức khỏe của chúng tôi. Mấy hôm nay, ăn uống có phần đầy đủ hơn hồi còn ở trong các trại, nhưng đi đường khó nhọc, không được nghỉ ngơi đầy đủ, và luôn luôn thắc mắc về tương lai, nên thể xác bị sa sút là điều khó tránh được. Anh Tứ trông tiều tụy, tóc bạc nhiều hơn trước. Anh Lộc gầy sọm hẳn đi, đôi vai càng mảnh khảnh hơn, cả đến Weaver cũng không còn giữ được vẻ rắn rỏi, lanh lợi cố hữu. Liệu chúng tôi còn có đủ sức khỏe để đi đến Hà Nội hay một tỉnh nào khác ở Bắc Việt không, chưa kể những tai nạn do bom đạn có thể gây ra... Đó là một câu hỏi cứ ám ảnh mãi chúng tôi, từ ngày rời bỏ trại cải tạo cuối cùng ở Thừa Thiên, một câu hỏi mà chúng tôi không thể tự trả lời được trong hoàn cảnh bất định của cuộc sống hiện tại. Dù sao, tôi vẫn tâm niệm giữ vững tinh thần, để đối phó với mọi biến cố.

Gió sớm vẫn hun hút lùa vào hang, và đưa lại những tiếng rì rầm của cành lá bên ngoài. Tôi vẫn chưa dỗ được giấc ngủ. Nhưng đang mệt lả người, chân tay rã rời, mà được nằm nghỉ, dù trên một mặt đất không được bằng phẳng lắm, tôi cảm thấy thoải mái. Tôi nhắm mắt lại, và do một sự liên tưởng không giải thích được, hình ảnh dòng sông vừa thoáng thấy trong ánh sáng mờ nhạt của lúc tinh mơ, làm sáng lên trong trí tôi một hình ảnh cũ tưởng như đã phai nhòa cùng năm tháng. Vào đầu thập niên 1940, tôi đã vài ba lần vượt qua vùng rừng núi của tỉnh Quảng Bình. Bị không quân Mỹ dội bom, thiết lộ xuyên Việt đứt ra từng quãng không xử dụng được. Cứ đầu vụ nghỉ hè, tôi rời Huế để đi Hà Tĩnh. Nếu không đáp chuyến xe đò Huế—Vinh, để ngừng lại ở Kỳ Anh, một huyện ở cực Nam Hà Tĩnh, giáp giới Quảng Bình, thì đi xe lửa ra đến thị xã Đồng Hới, rồi từ đó đi thuyền ngược lên đến ga Minh Lệ, để tiếp tục lấy chuyến tàu ra ga Chợ Thượng. Từ đó, lên xe đò xuôi Nam, trở vào Kỳ Anh. Những vụ oanh tạc của không lực Mỹ, hồi đó, thật "hiền" quá, so với mức độ chiến tranh hiện nay. Có những năm, ngồi trong phòng thi, gặp đề tài khó, không làm bài được, thí sinh chỉ mong nghe tiếng còi báo động hú lên, và chạy ra hầm ẩn nấp trong sân trường Khải Định để rồi khi trở lại phòng thi, giám khảo rút ra đề tài khác... Trong những chuyến xe dịch ngắn ngủi đó,tôi thích thú được ngược dòng sông rộng, và một lần được ngắm vầng trăng mười bốn, to tròn, vàng rực rỡ nhô lên ở đầu sông, sau mấy hàng tre thưa. Chiêm ngưỡng vầng trăng thôn dã, một vầng trăng gần gũi và thân mật, tôi quên hết nỗi vất vả của một cuộc hành trình thiếu tiện nghi. Hai mươi năm...

Cái cảm giác khoan khoái lâng lâng được sống giữa thiên nhiên hiền hoà bỗng hồi phục lại sâu đậm trong lòng tôi, nhưng vầng trăng no tròn của tuổi hoa niên nay phiêu bạt ở đâu? Trong

bao nhiêu năm qua, trăng đã đánh mất vẻ huyền diệu trên đất nước đau thương chỉ còn biết có ánh trăng nhân tạo của những hỏa châu đêm đêm rơi xuống chiến trường.

Có tiếng trở mình sột soạt trên tấm ni-lông bên cạnh, tiếp theo là một tiếng thở dài: anh Lộc vẫn còn thao thức. Chắc anh đang trằn trọc với những suy tư riêng.

*
* *

*B*ữa cơm sáng chấm dứt nhanh chóng. Không nghe Thuần đề cập đến chuyện ra đi, chúng tôi ngồi thẩn thờ nhìn ánh nắng rực rỡ lung linh trên bãi đất trống trước cửa hang. Không một bóng người qua lại trên con đường chạy dọc theo con sông lấp lánh sáng sau mấy chòm cây ngả nghiêng trong gió sớm. Chúng tôi chờ đợi, như chúng tôi có thói quen chờ đợi từ mấy tháng nay. Trong hoang vắng, bỗng có tiếng cười nói xôn xao ríu rít đưa lại mỗi lúc một gần, rồi một toán người mặc đồng phục và thường phục lẫn lộn xuất hiện trước cửa hang. Thuần vội đứng lên, bước ra ngoài:

— Mời các đồng chí vào trong này.

Bọn họ gồm 8 người, còn rất trẻ, khoảng trên dưới hai mươi, 5 nam, 3 nữ. Đặc biệt, mấy cô gái để tóc dài, cái đuôi lắc lư trên chiếc áo kaki màu vàng, trông không gọn gàng, không đẹp mắt, và không thích hợp với khung cảnh chiến tranh. Họ vừa bước vào phía trong, thì Hiên và mấy người bộ đội chạy đến vây quanh, hỏi han tíu tít:

— Hôm nay sao rồi thế?

— Rồi? Lao động quần quật suốt cả đêm hôm qua.

— Vùng nào?

— Cách đây khá xa. Nó bom ác liệt quá, sụt cả một bên vực.

— Đường thông lúc mấy giờ?

— 3 giờ sáng mới tạm xong.

— Có được thư nhà thường xuyên không?

— Có, nhưng không thường xuyên. Những người thân, ai có nhớ đến mình mãi được!

— Lương thực, thực phẩm ra sao?

— Cho đến nay, cũng tạm đủ. Nhưng cứ cái đà này, chưa biết đói lúc nào. Xung quanh đây, khó mà kiếm mua được của dân.

Hiên bỗng đưa tay ra hiệu. Mấy người mới đến ngừng nói bô bô, rồi hạ thấp giọng, thì thầm những gì, chúng tôi không nghe rõ.

Lộc hích cánh tay tôi:

— Thanh niên xung phong đó!

— Hình như có cả một vài cán bộ Công An nữa.

— Họ nói toàn giọng Bắc; họ không phải là người địa phương.

— Toán này chắc được gửi từ Bắc Việt vào. Anh nhớ không, có lần Tuy nói rằng họ không phải là bộ đội, nhưng cộng tác chặt chẽ với Công Binh.

— Rồi về sau sẽ được tuyển vào bộ đội.

Weaver nhích lại gần tôi:

— Họ đến làm gì thế? Có liên quan gì đến chúng ta không?

— Có lẽ không. Họ chỉ đến thăm.

Một cảm nghĩ cũ trở lại với tôi: tôi thấy thương hại người bạn tù. Trong điều kiện đối phương muốn che dấu, bưng bít, chúng tôi phải cố gắng tìm hiểu thực trạng để tìm một giải đáp cho những băng khoăn thắc mắc của mình. Công việc ấy, đối với các anh Tứ, Lộc và tôi, có phần dễ dàng hơn là đối với Weaver, vì chúng tôi ở trong một môi trường ít nhiều quen thuộc. Còn Weaver, anh sa vào thế giới xa lạ, nên tôi biết anh còn lo âu nhiều hơn chu'ng tôi, mỗi khi có một biến cố xảy ra. Nhưng một phần vì bị cấm đoán, một phần vì lịch sự, anh ít hỏi han chúng tôi. Trên đường di chuyển, anh cứ lầm lì cất bước, không nói năng.

Những tiếng cười nói lại vang lên từ phía cửa hang. Mấy người bộ đội ồn ào cợt nhả với mấy nữ thanh niên xung phong. Nghe những lời bông đùa tục tĩu và nhìn những điệu bộ sỗ sàng của họ, tôi lại nhớ đến cô gái giao liên lùn tịt hôm họ hướng dẫn chúng tôi trên con đường từ Lào trở về Việt Nam, và cảnh tượng trước mắt xác nhận một cách hùng hồn nhận xét hôm trước về phong thái của người phụ nữ miền Bắc.

Lúc đám thanh niên xung phong đã rời khỏi hang giữa những tiếng cười hô hố, Thuần gọi giật Lợi trở lại:

— Đồng chí dẫn các anh ấy ra sông tắm giặt.

Chúng tôi chỉ băng qua bãi đất trống và con đường trước mặt là đến con sông rộng. Bờ sông có cát mịn thoai thoải chạy dài ra đến mặt nước. Lòng sông phản chiếu ánh nắng chói lòa. Bên kia bờ, những lùm cây thấp mọc tràn cho đến tận mấy ngọn đồi che khuất chân trời. Không có bóng dáng làng mạc quanh đây, nhưng về phía tay phải, sau những hàng cây cao rậm rạp, có lẽ có một trạm giao thông hay tiếp tế.

Gió lồng lộng thổi trên mặt sông, và nước thật mát. Đã lâu không được tắm, nên chúng tôi thoải mái dìm người xuống nước, và tôi định kéo Lộc ra xa để trao đổi một vài nhận xét,ý kiến mà Lợi ngồi trên bờ không nghe được. Nhưng chúng tôi vừa mới rời bờ được một quãng, thì Lợi gọi chúng tôi trở lại, có lẽ vì sợ chúng tôi bỏ trốn, bằng cách bơi qua bờ bên kia. Lộc và tôi đang quay

vào, bỗng nghe tiếng động cơ từ hướng Tây Nam vọng lại, rồi tiếng Lợi la thất thanh:

— Các anh trở về ngay!

Vừa chạy đến hết mép nước, chúng tôi lại nghe Lợi hét lên:

— Nằm xuống!

Cùng một lúc, một tiếng bom nổ rất gần, rung chuyển cả khu rừng. Chúng tôi nằm yên trên bãi cát, sát mép nước, chờ đợi. Nhưng chiếc phi cơ oanh tạc chỉ lượn thêm một vòng, rồi bay thẳng, không trở lại. Đợi một lúc nữa, không thấy gì xảy ra, Lợi hướng dẫn chúng tôi về nơi tạm trú. Thuần đứng ở miệng hang, vội vàng thao thao giải thích:

— Nó cố ý ném vào khu vực này. Nếu quả bom rơi xuống bên cạnh hang đúng vào chỗ có hố bom cũ, thì thật tai hại. Các anh biết không, dưới hố bom, có hai phuy xăng. Nếu nó ném đúng vào đó, xăng bốc cháy, thì nó cho rằng đây là kho chứa xăng, và sẽ ném tiếp thêm nữa. Thật là may.

Giọng của Thuần có vẻ thành thật. Anh mừng cho mọi người vừa thoát khỏi một tai nạn. Nhưng không hiểu sao, biết mình vừa chết hụt, lòng tôi vẫn dửng dưng.

*
* *

Cơn mưa đêm đã chấm dứt từ lâu, và nắng sớm tràn vào ngôi nhà cũ kỹ, sườn gỗ lợp tranh. Trước mặt chúng tôi, những vũng nước mưa lấp lánh sáng trên mảnh sân bóng loáng bằng đất nện. Bên kia sân, mấy luống chè che khuất chân những ngọn đồi thấp lượn những nét cong mềm mại chắn ngang nền trời xanh thẳm.

Lộc kéo tay tôi:

— Hình như đây là trụ sở một hợp tác xã nông nghiệp.

Lộc nhận xét đúng: đây đúng là sân phơi lúa; phía bên trái là cái xe quạt lúa, và mấy cái cày vứt bừa bãi ở một góc. Chúng tôi đến đây sau một chuyến đi kéo dài suốt một đêm mưa dầm dai dẳng mà không nơi trú ẩn, và sau khi Weaver qua khỏi một cơn đau bụng. Chúng tôi đang ở trong phòng họp của trụ sở hợp tác xã. Bàn ghế kê lộn xộn. Trên tường, dán lệch lạc mấy cái khẩu hiệu viết trên những tấm giấy đã cũ, màu mực loang lổ. Tôi quay qua hỏi anh Tứ:

— Có phải mấy người bộ đội đang rửa mặt bên cái giếng, cạnh con đường ngoài kia không?

— Đúng. Hôm nay mình cũng phải giặt quần áo. Đêm qua ướt hết rồi. Phải giặt và phơi ngay, mới có mà mặc.

Anh Lộc tỏ ý tán đồng, vì anh vốn ưa sạch; dù trong điều kiện

thiếu thốn, anh vẫn cố gắng giữ thân thể, quần áo khỏi bị bẩn. Một lát sau, Thuần từ phòng bên cạnh bước vào:

— Các anh chuẩn bị ra giếng làm vệ sinh cá nhân. Hôm qua có bị ước nhiều không? Các anh còn cao Sao vàng chứ? Mỗi lần gặp mưa, nhớ xát cao vào ngực, đừng để bị cảm lạnh. Loại cao đó tốt lắm.

Chúng tôi đợi mấy người bộ đội trở vào, rồi ra giếng. Họ phơi quần áo trong sân, và sửa soạn nấu cơm. Từ chỗ họ đứng, họ thấy chúng tôi giặt giũ ở giếng rất rõ, nên họ không cần đi kèm chúng tôi. Chúng tôi dừng lại bên bờ giếng nước. Về phía tay trái, mấy ngôi nhà tranh nằm rải rác trong những khu vườn sầm uất trồng chè và mít. Thôn xóm này, dù không được trù mật, nhưng với cây cối xanh tươi, trông không đến nỗi nghèo nàn xơ xác, như những làng mạc đã gặp trước đây.

Vừa mới lấy gàu múc nước, anh Tứ hỏi ngay:

— Làm sao biết được tin tức về chiến sự và về hội nghị Ba-Lê?

Anh Lộc góp ý kiến:

— Bom Mỹ đang rơi xuống miền Bắc. Như vậy có nghĩa là chiến tranh vẫn tiếp diễn trên cả hai miền. Còn hội nghị Ba-Lê... tôi e rằng không đạt được kết quả.

— Từ lâu, họ không cho mình nghe radio.

— Khi nào có tin gì có lợi cho họ, họ mới cho mình nghe.

Tôi ngồi trên mấy viên gạch lát không đều cạnh bờ giếng, phía con đường chạy vào xóm, từ từ đổ nước ra tay để rửa mặt. Tôi vừa trao chiếc gàu cho anh Lộc, thì một người đàn ông khoảng 50 tuổi, từ trong xóm đi ra, tiến đến gần chỗ chúng tôi ngồi để xin nước rửa một bó rau dền. Tôi buông thỏng một câu:

— Bác nấu ăn sớm nhỉ?

— Nhà không có ai, không lo sớm, thì ai lo cho!

Bác nông dân nói giọng Hà Tĩnh khá nặng, và rất dễ nhận ra. Tôi hỏi luôn:

— Đây là vùng nào?

— Vọng Liệu, thuộc huyện Kỳ Anh.

Thì ra chúng tôi đã đến Hà Tĩnh. Đối với tôi, Kỳ Anh, Vọng Liệu là những địa danh quen thuộc, thân yêu nữa. Trong lòng tôi bỗng dâng lên một cảm giác trìu mến đối với mảnh đất này. Bác nông dân đi rồi, tôi tần mần ngồi giặt bộ quần áo ướt sũng nước mưa đêm qua, và những chuỗi ngày của một quãng đời niên thiếu xa xưa tuần tự hiện ra rõ nét trong tâm trí tôi.

Vào những năm đầu của thập niên 40, tôi thường nghe nhắc đến Vọng Liệu, một tổng cuộc miền thượng du huyện Kỳ Anh. Giữa một vùng đất đai cằn cỗi, — có nơi gồm những dãy đồi đá sỏi

mênh mông, cỏ chỉ mọc được vào mùa mưa và ngả màu vàng úa vào mùa hè nắng gắt với gió Lào tàn khốc, — Vọng Liệu được xem như một địa phương trù phú với đất đỏ phì nhiêu, trên đó người nông dân cần cù nuôi ong, trồng chè và mít,. Hồi ấy,tôi đang học ở trường trung học Khải Định, ở Huế, và hàng năm, vào dịp hè và Tết Nguyên Đán, tôi đi Kỳ Anh để sống một thời gian với đại gia đình. Những ngày ngắn ngủi ấy thật đầm ấm, vui tươi và rực rỡ màu sắc. Trên tấm phông ký ức, vụt sáng lên sắc đỏ thắm của những chiếc lá bàng lác đác rơi xuống chân ngọn thành cổ của huyện lỵ Kỳ Anh, màu vàng tươi của những giọt nắng nửa trưa rớt xuống một mảnh sân lát sỏi, những giọt nắng đã được lọc qua những chùm lá màu ngọc bích của hai gốc nho già uốn mình trên hai cái dàn dài. Trong gia đình tôi, những năm ấy, hình như không có vấn đề gì khó khăn: cuộc sống bình dị đều đặn trôi, và chưa có một dấu hiệu nào rõ rệt báo trước những cơn bão tố sắp ập đến cho mỗi cá nhân và đất nước. Những ngày tháng êm ả đáng quý đó có lùi vào quá khứ, tôi mới hiểu được giá trị của chúng nó, như một nhà khảo cổ xác định giá trị của một di tích lịch sử hiếm hoi. Tôi ngạc nhiên khám phá rằng, trong bao nhiêu năm qua, tôi ít khi hồi tưởng lại quãng đời đáng ghi nhớ ấy. Tôi đã bị dòng đời lôi cuốn đi, và bây giờ đây, trong hoàn cảnh lưu đày, khi cuộc sống đã bị tước đoạt hết màu sắc và hương vị, tôi mới thấy tiếc rẻ, và đánh giá đúng mức những ngày đã qua. Ngày nay, chiến tranh đã gieo tai họa xuống cho tôi, cho gia đình tôi. Tôi rùng mình, không dám đẩy mạnh đà suy tư, không dám ức đoán những gì có thể xảy ra cho những người thân, sau biến cố quân sự trong dịp Tết vừa qua. Nhưng những hình ảnh cũ vừa được khơi dậy vẫn hiện về, như một cuốn phim đang chiếu không thể ngừng lại được.

Kỳ Anh, mà ngày xưa được gọi là Kỳ Hoa, nằm ở phía Bắc sông Gianh,và huyện lỵ, cách Đèo Ngang 60 cây số, tọa lạc trong một ngôi thành cổ không rộng, nhưng còn rất vững chãi. Trong thành, công đường huyện được xây cất ở chính giữa, bên trái là trường tiểu học, và bên phải là một ngôi đền lớn, tường mái rêu phong cũ kỹ, xung quanh có những hàng nhãn và sòi cành lá tươi mát suốt năm.

Thành có bốn cửa ra vào, mở theo bốn hướng Đông, Tây, Năm, Bắc. Cửa Tây đã được xây bít lại. Cửa Đông dùng để ra vào huyện đường và trường học. Cửa Nam được canh gác cẩn mật, vì dẫn vào một đồn lính khố xanh đóng ngay ở trong thành. Cửa Bắc thông ra một thôn xóm đông dân cư, gồm toàn người Công Giáo, với một ngôi nhà thờ đặt dưới sự quản trị của một linh mục Pháp. Quanh thành, có hào rộng, trồng sen. Trước cửa Đông, dưới hai

gốc bàng già cỗi, cành lá vượt lên khỏi mặt thành, hai khẩu súng thần công cũ, mặt ngoài đã mòn nhẵn, đứng lặng lẽ trang trí cho cơ quan chính quyền thêm uy nghi và tăng thêm vẻ cổ kính của khu vực này. Phía trước mặt huyện lỵ, một con đường đất chạy dọc theo hồ sen, với một dãy hàng quán và thôn xóm ven đường. Trong cái xã hội nhỏ nhỏ ấy, những người nông dân không lấy gì làm sung túc dưới một chế độ đô hộ không mấy quan tâm đến việc nâng cao mức sống của dân chúng, vẫn duy trì được những phong tục cổ truyền tốt đẹp. Nếp sống đó, chắc không còn nữa dưới chế độ hiện hữu.

Kỳ Anh là địa đầu miền Bắc Hà của chúa Trịnh, có vị trí hiểm trở, và là địa bàn tranh chấp giữa hai đại tộc Trịnh—Nguyễn, thù nghịch nhau suốt gần 3 thế kỷ. Vì vậy,ngoài thành quách cần thiết cho sự phòng thủ, tại vùng này có nhiều đền thờ ghi công và tri ân các tướng Trịnh đã chiến đấu hoặc hi sinh tại chỗ. Lịch sử không quay ngược trở lại, nhưng, một lần nữa, tôi ngậm ngùi tự xác định với mình rằng cuộc xung đột Bắc Nam, trong giai đoạn này, dưới hình thức và chiêu bài khác, vẫn chưa chịu chấm dứt.

(còn tiếp kỳ sau)

CHIA MỪNG

Nhận được hồng thiếp báo tin ngày 27 tháng 11 năm 1986, nhà thơ:

HOÀNG PHỦ CƯƠNG

sẽ làm lễ thành hôn cùng cô

NGUYỄN THỊ THỦY

tại Thánh đường Đức Mẹ La Vang, Portland, Oregon, Hoa Kỳ.

Ban chủ biên và các văn hữu cộng tác với Văn Học xin chia mừng cùng nhà thơ Hoàng Phủ Cương, và chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc.

Văn Học

ĐIỂM SÁCH

Nguyễn Nam Anh
Dâu Bể của Phạm Quốc Bảo

*N*hà xuất bản **NGƯỜI VIỆT** vừa phát hành tập truyện *Dâu Bể* của Phạm Quốc Bảo. Đây là cuốn sách thứ tư ở hải ngoại của tác giả *Cùm Đỏ* và là cuốn sách thứ chín của nhà xuất bản này.

DÂU BỂ là tên chung của tập sách gồm 11 truyện ngắn và tùy bút nói lên những mảnh đời, những tâm trạng, những "bước quanh" của con người trước những biến cố và bão tố của thời cuộc.

Với 11 truyện ngắn, tác giả vẽ lại bước đi của những tâm trạng, phác lên những khuôn mặt, tô lên những mẩu đời... mà cái mốc thời gian là Tháng Tư Đen hãi hùng của năm 75, và không gian trong truyện là Việt Nam và Hoa Kỳ của những tháng ngày sau đó.

Mảng Cơm Cháy, truyện thứ nhất trong tập sách, là lời kể của một người đàn ông tên Sáng, nói về sự ngơ ngác của những con người chưa kịp thích ứng với một hoàn cảnh mới, tấp dạt vào nhau, nương tựa nhau tìm một cách sống để vừa trấn an mình, vừa trấn an bạn. Nhân vật trong truyện là những tên tuổi quen thuộc trong đời sống chữ nghĩa của Sàigòn mà nếu tinh mắt người đọc có thể nhận ra ngay loay hoay mở một quán cà phê để sinh sống, họ phải đến "mượn tạm bàn ghế từ cái vườn trẻ cũ của chị" N.T. (tr.9); "bố" D.A. cũng đến chơi một bận (tr.10); "ông" N.Đ.S. cũng có mặt; ông thấy anh em mở quán cà phê, cũng "quyết định cho mình một cái nghề: bỏ mối trà" (tr.11)... Nhưng làm ăn không khá, nên chả bao lâu vốn liếng đi đời, đánh đổi nghề đạp xe ba gác, rồi đạp xích lô, sửa xe đạp... Sau cùng "mò xuống miền Tây kiếm đường vượt biển" (tr.21).

Đó là truyện duy nhất trong bốn truyện lấy bối cảnh Sàigòn, mà là một Sàigòn còn lêu bêu ngoài đời. Ba truyện còn lại ***(Chiếc xe cải tiến, Tiếng kẻng, Điếu thuốc lào)*** là những truyện của các trại cải tạo ngoài Bắc. Kinh nghiệm sống trong các trại tập trung

cải tạo tại Việt Nam Cộng Sản khá là phong phú đối với tác giả *Cùm Đỏ*. Sống và viết về cuộc đời tù đày trong các nhà giam Cộng Sản chúng ta có khá nhiều. Hà Thúc Sinh với *Đại Học Máu*, Tạ Tỵ với *Đáy Địa Ngục*... mỗi người nhìn cuộc sống bị nhốt, bị giam, bị cắt đứt với đời sống bên ngoài một cách khác nhau. Phạm Quốc Bảo đứng trong bóng tối nhà tù nhìn ra bên ngoài với một đôi mắt cười cợt. Lạc quan thấy rõ trong nỗi khốn cùng của nhân vật ông.

"Ngâm thơ cho đời bớt lạnh đi bố!" (tr.76) một người bạn tù kêu lên, và "Bố Còm", một nhân vật tù trong truyện, xổ lên một tràng:

"Mignonne, allons voir si la rose
qui, ce matin, avait desclose."

Bị cán bộ quản giáo phê bình là nói ngoại văn, Bố Còm đính chính ngay đó là Nga Văn, là truyện của Alexis Tolstoi.

"Và cũng từ đấy, Bố Còm tha hồ xi xô Nga Văn rồi muốn diễn nghĩa thành bài thơ Việt Nam nào cũng chẳng bị để ý nữa. Có lẽ đó là cái đắc ý nhất của Bố Còm chúng tôi vậy" (tr.78).

Bảy truyện còn lại của Dâu Bể, từ *Tự Thú* cho đến *Ngã Rẽ*, đều lấy bối cảnh của Vùng đất tạm dung.

Trong *Tự Thú*, tác giả để cho nhân vật mình nhắc đến hai câu thơ của Nguyễn Du, mà anh ta (nhân vật trong truyện hay tác giả?) thấy thấm thía:

"Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng."

Phải xác định ngay để cậu khỏi hiểu lầm: "Cuộc bể dâu" dĩ nhiên là hoàn cảnh của đất nước mình, nhưng "những điều trông thấy" đây, trước hết và căn bản, là sự duyệt xét lại chính bản thân mình." (tr.83).

Phải chăng đoạn văn trên đây nhằm nói lên chủ đề của tập truyện Phạm Quốc Bảo...? Bởi vì, đâu phải vô tình mà tác giả *Cùm Đỏ* đã chọn *Dâu Bể* làm tên chung cho 11 truyện, trong khi theo lệ thường người ta vẫn hay lấy tên một truyện làm tựa chung cho toàn tập!

Kết thúc cuốn sách bằng truyện *Ngã Rẽ*, Phạm Quốc Bảo cho người đọc thấy niềm tin của ông đối với thế hệ trẻ Việt nam lớn lên trên vòng đất mới.

Đó là một cái nhìn tích cực của người cầm bút đối với nhân vật và cuộc sống. Cạm bẫy vốn giăng đầy trong một xứ sở của những cơ hội để dãi và bấp bênh. Mỗi bước đi là chực chờ một vực thẳm, nhưng mỗi người nhìn luôn luôn có những đỉnh cao. Ngã

xuống hố thẳm hay chinh phục núi cao là tùy ở mỗi con người. Tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại có người đang lên núi cao, nhưng cũng không thiếu người đang rơi xuống vực thẳm. Tuy vậy, dưới mắt Phạm Quoc Bảo, tuổi trẻ ấy *ngã* mà không *quị*. Nhân vật Vi Vân của ông, sau khi ngã đã biết đứng dậy. Cô đã thẳng thừng và quyết liệt nói *không* với hư hỏng và tội lỗi. Cái ảnh một người thiếu nữ "nghiên đầu trên cuốn sách đã mở ra sẵn sàng", và tiếp tục đọc truyện (tr.168) đóng lại truyện cuối của tập sách là hình ảnh của một niềm tin.

Có thể nói Phạm Quốc Bảo đã viết *Dâu Bể* bằng một ngòi bút tỉnh táo, quá tỉnh táo, cho nên truyện ông trong đau xót có chứa nỗi lạnh lùng.

Theo tôi thì *Đường Về Gian Nan* (tr.107) trong *Dâu Bể* là truyện mà tôi ưa thích nhất. Lý do rất chủ quan. Tôi xin phép không nói ra ở đây. Tôi muốn dành cho bạn đọc phần khám phá của riêng mình.

Sách in đẹp, bìa màu trang nhã, phụ bản là tranh vẽ của các họa sĩ quen tên: Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Nguyên Khai. Một tác phẩm không thể thiếu trong tủ sách của mỗi gia đình Việt Nam.

Tháng 11, 86
Nguyễn Nam Anh

Nguyễn Mộng Giác
Mưa đất lạ của Trần Diệu Hằng

Tập truyện thứ hai của Trần Diệu Hằng, Viet Publications Canada xuất bản, 1986, dày 150 trang, giá 7 Mỹ kim.

Tác phẩm thứ hai của nhà văn nữ này gồm 10 truyện ngắn, trong đó trừ truyện cuối cùng nhan đề *Buổi chiều trong ngôi nhà của mẹ*, 9 truyện kia đều lấy khung cảnh là cuộc sống tị nạn tại Mỹ. Và chủ đề chính của các truyện ấy là những khó khăn trong việc hội nhập, những va chạm của hai nền văn hoá, những phó sản của cuộc đổi đời đột ngột, tức là những kinh nghiệm xót xa mà bất cứ lớp di dân nào lần đầu đến lập nghiệp ở Mỹ đều gặp phải. Sự va chạm đó không xảy ra giữa người Mỹ đã lập nghiệp lâu đời và những người tị nạn Việt chân ướt chân ráo mới đến. Trong truyện Trần Diệu Hằng, va chạm xảy ra giữa người Việt với nhau, khoanh tròn trong gia đình, đưa tới những xung đột nhẹ nhưng sâu giữa mẹ chồng và nàng dâu (*Bữa Tiệc, Chỗ Tạm*), giữa nếp đạo đức cũ và sự đua đòi sa đoạ (*Cuộc Chơi, Người em vườn ngoại*), giữa ước vọng lãng mạn và sự vong thân vì ma chiết của thực tế (*Bên ngoài*

khung cửa, Buổi chiều trong ngôi nhà của mẹ), thêm vào đó là một vài nghịch cảnh tiêu biểu do cuộc đổi đời gây ra (*Trong gương, Căn chung cư số 7*).

So với tác phẩm đầu tay *Vũ điệu của loài công,* trong tập này, Trần Diệu Hằng "đằm " hơn, bớt đi sự sôi nổi và thêm được sự đĩnh đạc trầm tĩnh, đôi lúc có cái giọng phán xét đạo đức đầy vẻ xác quyết.

Về bút pháp, trong *Mưa đất lạ,* Trần Diệu Hằng cố gắng chuyển từ kể lể chuyện mình sang kể chuyện người, bằng cách chọn rất nhiều mẫu nhân vật khác biệt. Tuy trong nhiều truyện, nhân vật đó vẫn xưng *tôi* để đứng ra quan sát và kể chuyện, nhưng thí nghiệm của Trần Diệu Hằng đã thành công. Tác giả có thể phân tích được những tâm trạng phức tạp nhất, viết được những lời đối thoại hết sức sống động, xác thực, đặc biệt là cách ăn nói của giới trẻ du đãng sa đoạ.

Thơ Hiền của Như Chi

Thi tập của Như Chi, Văn Nghệ xuất bản tại Calif. Hoa Kỳ, 1986, dày 80 trang, giá 6 Mỹ kim.

Tập thơ đầu của một nhà thơ nữ do Văn Nghệ xuất bản, gồm 52 bài thơ mà tính chất chung rất giống với màu giấy in xanh nhạt và bức tranh thiếu nữ cầm quạt của hoạ sĩ Nguyên Khai in trên bìa.

Đây là một tập thơ tình cảm : từ tình yêu, tình hoài hương, cho đến những khao khát tìm kiếm ý nghĩa của đời sống lưu vong trong những bài thơ cuối tập.

Nhan đề *Thơ Hiền* có lẽ chỉ thích hợp với cách dùng lời thơ và cách chọn thi ảnh của Như Chi. Lời thơ hầu hết đều đơn giản, không tìm kiếm cái cầu kỳ. Không có thi ảnh nào phải làm cho bạn đọc ngỡ ngàng kinh dị. Câu thơ đi thẳng từ người viết tới người đọc, vừa tầm tay, không ai phải rướn người lên để bắt kịp cõi thơ. Như lời bài *Thắc mắc :*

Biển khơi nhớ sóng
Thuyền nhớ nước trôi
Hướng dương nhớ nắng
Đêm nhớ mặt trời.

Vầng mây nhớ gió
Rừng nhớ giọng chim
Sương chiều nhớ cỏ
Anh còn nhớ em ?

Một cách hỏi thật dễ hiểu, mà rất thơ ! Sự đơn giản hàm súc giúp cho Như Chi thành công ở các bài thơ 5 chữ. Trong các bài thơ tự

do như *Khờ dại, Mưa rả rích trên những ngày thân ái, Buổi hẹn cuối cùng,* khi không bị gò bó bởi số chữ và vần điệu nữa, Như Chi lại tạo được xúc động nhờ dòng cuốn của cảm xúc.

Về ý, thơ Như Chi không "hiền", vì đầy phức tạp, ray rức, mâu thuẫn. Không "hiền" như thơ Nguyễn Bính, Nguyễn Nhược Pháp, Anh Thơ thời tiền chiến. Làm sao được, Như Chi là một nhà thơ cảm và viết trong thân phận lưu vong ! Có thể tiếng thơ mới thoạt nghe vẫn hiền hoà trong trẻo, nhưng nghe kỹ sẽ còn thấy được cả những vết rạn của thanh âm !

Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh của Ngu Yên

Thi tập của Ngu Yên, Văn Nghệ xuất bản tại Calif. Hoa Kỳ, 1986, dày 96 trang, giá 6 Mỹ kim.

Tập thơ đầu của nhà thơ trẻ Ngu Yên, và cũng là thi phẩm thứ hai do nhà Văn Nghệ xuất bản trong tháng 11.1986. Thơ in trên giấy nền xám với tranh bìa của hoạ sĩ Võ Đình. Không biết vô tình hay cố ý, một lần nữa nội dung tập thơ rất thích hợp với màu giấy và tranh bìa do nhà xuất bản chọn.

Khác với tập *Thơ Hiền* của Như Chi, tập *Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh* của Ngu Yên thật ngổ ngáo, phá cách. Thơ Ngu Yên không thể in trên giấy nền xanh dịu, mà cũng không thể chọn tranh thiếu nữ làm bìa. Đây không phải là một tập thơ tình cảm. Đây là tiếng thơ của Lý Trí, một thứ lý trí khai phá không muốn chấp nhận khuôn thước cũ, mà cũng chưa tìm ra được khuôn thước mới. Mặc dù rất phục Bùi Giáng (Ngu Yên chọn một câu thơ của Bùi Giáng làm nhan đề), tác giả chưa đủ bản lãnh để "chơi hết mình" như Bùi Giáng, nhưng cũng chưa đủ phẩn nộ để làm thơ xám, thơ đen như Trần Tế Xương, Tú Kếu. Cuối cùng, Ngu Yên đem mình ra làm cái bia để cười cợt, nói ngông, ba hoa, thương xót. Người khác vô can, khỏi động chạm ai !

Những người quen đọc và hiểu loại thơ êm ái có vần có điệu, loại thơ lễ phép trang nhã, loại thơ trà dư tửu hậu, có lẽ sẽ không "chịu được" thơ Ngu Yên. Thơ Ngu Yên chủ về ý hơn về lời. Nhưng chỉ riêng ý thơ không thôi đôi lúc cũng khiến ta bàng hoàng :

"Ta nằm xuống bóng nhập vào thân thể. Ta làm người vô luận muốn cách nào. Bỗng cái bóng bỏ ta ngồi bật dậy, bước phiêu bồng vào cõi chiêm bao".

Cái bóng bỏ Ngu Yên để vào cõi chiêm bao , chính là tập *Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh* này.

Đời sống và cây bút chì của Trần Trúc Giang.

Cuốn sách ra đời trở thành một "hiện tượng" với tất cả ý nghĩa hàm hồ của hai chữ này. Là một hiện tượng, vì số tuổi trẻ của tác giả so với tham vọng muốn đưa ra những suy niệm tư tưởng rất lớn. Là một hiện tượng, vì cái giọng phẫn nộ bất cần của một người cầm bút may mắn chưa nếm qua những kinh nghiệm đáng phẫn nộ nhất của lịch sử Việt Nam. Là một hiện tượng, vì như Phạm Công Thiện thuở trước, Trần Trúc Giang là một người suy nghĩ và cảm nhận đời sống "già trước tuổi", vượt xa lên trên những bạn trẻ cùng lứa với anh về sức đọc, sức cảm xúc, sức viết. Nhất là viết thẳng những điều mà những người trẻ khác cùng tuổi anh thường giấu đằng sau vẻ lễ độ giả vờ.

Đọc *Đời sống và cây bút chì*, người ta sẽ ngỡ ngàng vì không thể hiểu hết được những gì tác giả muốn nói, sẽ bắt đầu ngờ vực tầm kiến thức và khả năng thu nhận của mình. Vì sao vậy ?

Có lẽ giải thích của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng trên nhật báo *Người Việt* là câu trả lời thoả đáng nhất. Ông đã viết :

" Trần Trúc Giang muốn đi nhanh, nhảy cao, bước xa. Điều đó cần thiết cho tuổi trẻ. Tôi nhớ lần đầu tiên quen Giang, anh đọc cho nghe hai câu thơ của Không Lộ thiền sư :

Leo lên đỉnh núi bốn bề
Hú dài một tiếng lạnh về hư không.

...Tôi yêu Trần Trúc Giang, không phải ở những gì anh viết, mà chính ở cái thái độ muốn lên cao của anh..."

Riêng người điểm sách thì mong tiếng hú *Đời sống và cây bút chì* không bị lạc mất giữa những tiếng động cơ xe hơi chạy giằng mắc trong đời sống tị nạn hối hả này.

Nguyễn Mộng Giác

BỔ KHUYẾT

Vì sơ suất kỹ thuật, bài *Vấn đề thẩm thức một tác phẩm văn nghệ* của Bùi Vĩnh Phúc trong số Văn Học 10 đã in thiếu phần thư mục. Xin các bạn thêm hộ cho ở cuối bài sách tham khảo sau đây :

— Poetry, Language, Thought — M. Heidegger (Harper & Colophon Books , 1975).

— Modern Continental Literary Criticism — O. B. Hardison Jr (Golden Tree Books, 1962).

— The Visual Dialogue — W. Kobler (Holt, Rinehart & Winston Inc, 1971).

— Makers of the Modern World — L. Untermeyer (Simon & Schuster).

Nguyễn Văn phụ trách
Thời sự văn học nghệ thuật.

CỘNG SẢN ĐƯA NHÀ VĂN DOÃN-QUỐC-SĨ RA CÁI GỌI LÀ TÒA ÁN CỦA CHÚNG.

Trong tháng này, tin sôi nổi nhất và xúc động nhất trong giới cầm bút Việt Nam hải ngoại là tin nhận được từ Sàigòn, qua bài viết của Chử Bá Anh, cho biết Cộng Sản Hà Nội sẽ đưa nhà văn Doãn Quốc Sỹ của chúng ta ra xử tại một nơi gọi là Tòa Án Nhân Dân của chúng vào ngày 30 tháng 10, 86.

Bị bắt lần thứ hai hồi tháng 5-1985, và bị biệt giam tại trại tù Phan Đăng Lưu, sau đó tại khám Chí Hòa Sàigòn. Trước sự can thiệp tích cực của các tổ chức quốc tế, nhất là tổ chức Ân Xá Quốc Tế ở Luân Đôn và Hội Văn Bút Quốc Tế, sau 17 tháng đầy đọa, nhà văn Doãn Quốc Sỹ, nay cộng sản Hà Nội đành phải đưa ông ra tòa.

Theo tin từ Sàigòn thì mặc dầu bị những cực hình về tinh thần và những sự khủng bố trắng trợn, tuy không hành hạ thân xác nhưng với hình thức tra khảo vô cùng tinh vi, nhà văn Doãn Quốc Sỹ vẫn giữ được tình trạng sức khỏe không quá tồi tệ là nhờ ông đã vận dụng phương pháp thiền trong thời gian bị giam cầm.

Ngay khi được tin nhà văn Doãn Quốc Sỹ sẽ ra tòa tại Sàigòn vào cuối tháng này, ba người con của ông hiện đang định cư tại Úc Đại Lợi là Doãn Quốc Hiền, Doãn Quốc Thái và Doãn Thị Thanh đã đánh điện đến các tổ chức nhân quyền quốc tế để thông báo tin tức.Các đài truyền hình tại Úc cũng đã đến phỏng vấn các thân nhân nhà văn Doãn Quốc Sỹ và cho phát hình ngay trong ngày. Các Hội Đoàn Việt Nam tại Úc chuẩn bị một cuộc biểu tình trước tòa đại sứ cộng sản Hà Nội tại Canberra để phản đối cộng sản Hà Nội đã dựng đứng những lý do để bắt giam Doãn Quốc Sỹ. Tuy Doãn Quốc Sỹ là một trong số hàng trăm nhà văn nhà báo nhà thơ Việt Nam đang bị cộng sản tống giam đầy đọa trong các trại học tập cải tạo, trong các nhà tù biệt giam, những người Việt ở hải

ngoại lấy Doãn Quốc Sỹ làm biểu tượng để đấu tranh chung cho tất cả những người cầm bút Việt Nam. Tranh đấu cho Doãn Quốc Sỹ là đòi hỏi chung của tất cả người cầm bút Việt Nam đang bị giam cầm phải được trở về đời sống bình thường. Các người cầm bút ở hải ngoại trong suốt 10 năm qua đã liên tục làm việc để những người bạn đang ở trong nhà tù Việt Nam phải được tự do. Nay nhân dịp vấn đề Doãn Quốc Sỹ một lần nữa được đưa ra trước công luận quốc tế, các người cầm bút Việt Nam hải ngoại chúng ta càng cần có thái độ tích cực hơn trong việc đòi hỏi cộng sản Hà Nội phải tôn trọng quyền của người cầm bút và đặc biệt trả tự do những người đang còn bị giam giữ. Hà Nội không có tư cách để xử Doãn Quốc Sỹ!

Tin giờ chót từ thân nhân nhà văn Doãn Quốc Sỹ cho biết trước sức phản kháng mãnh liệt của thế giới, Hà Nội đã phải hoãn vô hạn định vụ xử này.

ĐẠI HỘI BÁO CHÍ VIỆT NAM ĐẦU TIÊN TẠI HẢI NGOẠI

Bốn mươi đại diện báo chí Việt ngữ từ 8 nước Âu Mỹ và Úc Châu tham dự Đại Hội Báo Chí lần đầu tiên tại hải ngoại từ 24 đến hôm 26-10-86 đã bày tỏ ý chí muốn cải thiện sinh hoạt của làng báo hầu có thể phục vụ cộng đồng một cách hữu hiệu hơn và đồng thời góp phần đắc lực vào công cuộc giải phóng quê hương.

Trong bản tuyên bố sau ba ngày nhóm họp tại thành phố Stuttgart, miền nam nước Đức, các tham dự viên quan niệm rằng báo chí không chỉ là một phương tiện truyền thông hay là một phương tiện để bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc mà còn là một "vũ khí đấu tranh dân chủ" của cộng đồng người Việt hải ngoại chống lại độc tài cộng sản Việt Nam.

Vì thế người làm báo, viết báo trong hoàn cảnh lưu vong hiện nay phải dấn thân tích cực hơn nữa trong công tác vận động và yểm trợ cho công cuộc đấu tranh vì tự do và hạnh phúc của dân tộc.

KẾT QUẢ CỤ THỂ

Đại Hội đã do Nguyên san thời sự, văn nghệ Độc Lập và Văn Bút Việt Nam hải ngoại đứng ra triệu tập, nhóm họp trong ba ngày từ 24 đến 26-10-86 tại Trung Tâm Độc Lập. Sau nhiều phiên họp khoáng đại có thuyết trình và tham luận cùng thảo luận rộng rãi, Đại Hội đã đạt được một số kết quả cụ thể là tạo được sự cảm thông và tình thân hữu giữa những người cùng một ưu tư là tìm những phương thức chung cho báo chí Việt nam tại hải ngoại.

Đặc biệt là Đại Hội đã:

- Lập một ủy ban soạn thảo qui chế chung cho làng báo Việt nam

tại hải ngoại gồm Giáo sư Phạm Việt Tuyền (Pháp), ký giả Từ Nguyên (Pháp), ký giả Nguyễn Ang Ca (Bỉ), nhà báo Ngô Vương Toại (Mỹ), nhà báo Vũ Ngọc Yên (Đức)...

- Ủy nhiệm cho một số đồng nghiệp tại Âu Châu và Úc Châu xúc tiến việc vận động thành lập một tổ chức chung cho làng báo.
- Tiếp tục Đại Hội Báo Chí kỳ II dự liệu tổ chức tại Úc vào mùa thu 1987. Ban chủ biên báo Chuông Sàigòn tại Úc Đại Lợi đã nhận lời đảm nhiệm phần kỹ thuật tổ chức cho Đại Hội.

KÊU CỨU CHO VĂN NGHỆ SĨ CÒN BỊ CẦM TÙ

Các biện pháp đã được đề ra để khuyến cáo nhằm cải thiện sinh hoạt làng báo là việc các báo nên thành lập những tổ hợp chung để giảm chi phí biên tập, và do đó có thể kích thích người viết. Một số biện pháp nhằm khuyến khích các tài năng trẻ tăng cường cho nhân sự của làng báo cũng như việc cải tiến nội dung và hình thức tờ báo cũng đã được Đại Hội lưu tâm.

Những người tham dự Đại Hội tới từ 8 nước là Bỉ, Gia nã đại, Hoa kỳ, Hòa lan, Pháp, Tây đức, Thụy sĩ và Úc đại lợi, trong đó có những người đã từng làm báo từ 20, 30 năm trước đây như Trương Bảo Sơn, Đào Hữu Tri, Phạm Việt Tuyền, Nguyễn Ang Ca... Thuyết trình viên của đại hội là Nguyễn Ang Ca, Cao Thế Dung, Từ Nguyên, Ngô Vương Toại và Phạm Việt Tuyền.

Hôm khai mạc, do lời đề nghị của Luật sư Trần Thanh Hiệp, Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, đại hội đã đồng thanh chấp thuận lời kêu cứu đòi Hà nội phải trả tự do tức khắc cho tất cả ký giả và văn nghệ sĩ Việt nam hiện còn bị giam giữ trong các nhà tù cải tạo. Với lời tuyên bố "hẹn gặp lại đại hội kỳ II tại Úc đại lợi và một ngày không xa trong một đại hội cuối cùng ở Sàigòn" của Tiến sĩ Dương Hồng Ân, đại diện Độc Lập, đại hội đã được kết thúc trong tinh thần đoàn kết và đầy tin tưởng vào tương lai.

ĐẠI HỘI THI CA NĂM 1986 TẠI HOUSTON

Đại hội Thi Ca năm 1986 tại Houston đã khai diễn trong ba ngày 10, 11, 12 tháng 10, 1986 tại nhà hát Jones Hall của Đại học St. Thomas, Houston.

Đại hội đã quy tụ gần 300 thi sĩ từ các nơi về tham dự. Trong ngày đầu khai mạc, nhà thơ Huy-Lực Bùi Tiên Khôi, Poet Laureate of Houston, đã được ông nghị viên George Greanias giới thiệu lên diễn đàn để chào mừng Đại Hội và mở đầu chương trình Thi Ca. Huy Lực đã trình bày vì sao ông trở thành thi sĩ và triết lý sâu sắc ẩn dấu trong Thi Ca Việt nam. Phong cảnh, sinh hoạt của đất nước quê hương Việt nam đã tạo cho ông nguồn thi hứng dồi dào khi ông lên mười. Ông đã đọc ba bài thơ: một bài thơ đầu đời

khi lên mười tuổi được dịch sang Anh ngữ, và một bài thơ mới nhất chào mừng thành phố Houston, kỷ niệm sinh nhật 150 năm (1836-1986).

Tiếp theo đó là các nhà thơ Evangelia Vigil Pinon, Thomas Meloncon từ Ohio đến đã lên đọc thơ với tiếng đàn và tiếng trống phụ họa.

Hai ngày sau, Đại Hội đã thảo luận nhiều đề tài về Thi Ca, và nghe các nhà thơ đọc những bài thơ ưng ý nhất.

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1986.

Hàn Lâm Viện Văn Học Thụy Điển loan báo hôm 16-10 rằng người đoạt giải Nobel văn chương năm nay là một kịch tác gia, tiểu thuyết gia, thi hào da đen Nigeria, ông **WOLE SOYINKA.**

Trước đây, suốt lịch sử 85 năm của giải Nobel, chưa từng có người Phi châu nào được trao giải.

Ông Soyinka nghe tin vui trên lúc đang ở Paris họp hội nghị của Viện Kịch Nghệ Quốc Tế, đã nói đùa rằng người Phi Châu cũng nên lập một giải tương tự như giải Nobel để 85 năm sau mới bằng lòng trao giải này cho một người Âu Châu.

Nghiêm chỉnh hơn, nhà văn 52 tuổi này nói rằng ông không xem việc ông được giải như một phần thưởng cho cá nhân ông, mà là phần thưởng cho giới cầm bút. Ông nói giải Nobel năm nay ít ra cũng công nhận giá trị của nền văn hóa phong phú Phi Châu, kể cả văn chương Phi Châu, mà lâu nay thế giới bề ngoài ít ai biết tới.

Như hầu hết những trí thức Nigeria khác, ông Soyinka viết bằng Anh ngữ chứ không bằng ngôn ngữ bộ lạc Yoruba của ông. Ông đã viết cuốn tiểu thuyết *"The Interpreters"* xuất bản năm 1965 và *Season of Agony* xuất bản năm 1973. Nhưng quan trọng hơn là ông đã viết hơn 10 vở kịch và một cuốn hồi ký tuổi thơ rất được hoan nghênh xuất bản năm 1981, cuốn *Ake.*

Từ nhiều năm nay, tại Âu châu người ta thường nghĩ rằng nếu cần trao một giải Nobel văn chương đầu tiên cho người Phi Châu, thì giải trao cho Leopold Senghor, cựu Tổng thống Senegal, thi sĩ có chân trong hàn lâm viện Pháp. Nhưng trong mấy năm gần đây, hàn lâm viện văn chương Thụy Điển càng ngày càng chú ý tới Soyinka hơn. Năm 1985, ông đã có nhiều hy vọng được trao Nobel, nhưng rồi cuối cùng giải này về tay tiểu thuyết gia Pháp Claude Simon.

Khi loan báo tin Wole Soyinka được giải Nobel, hàn lâm viện Thụy Điển nói rằng ông là một người cầm bút với nhãn quan văn hóa rộng rãi và với óc thi vị đã tân tạo được thảm kịch của đời sống. Hàn lâm viện Thụy Điển cũng hết sức ca ngợi thứ ngôn ngữ

phong phú của đối thoại trong kịch của ông. Hàn lâm viện đặc biệt nêu ra hai vở xuất sắc của ông, vở *A Dance of the Forests* và *Death and the King's Horseman*, làm bằng chứng cho thấy ông là một trong những kịch tác gia thi vị nhất trong các kịch tác gia viết bằng Anh ngữ.

Vở A Dance of the Forest được viết lúc Soyinka mới trên đôi mươi và được diễn ở Lagon năm 1960 nhân lễ kỷ niệm độc lập của Nigeria. Vở thứ nhì sẽ được diễn tại trung tâm Lincoln ở New York đầu năm 1987 sắp tới.

Ông Wole Soyinka sinh năm 1934 tại làng Ake ngay trung tâm của vùng bộ lạc Yoruba ở phía tây Nigeria. Là con một hiệu trưởng, ông học Anh ngữ ở Nigeria và ở đại học Luds Luân Đôn, và đại học Ibadan ở Nigeria.

Sau khi tốt nghiệp đại học, ông dạy học và viết Script tại Luân Đôn, sau đó ông về nước khi Nigeria được độc lập, thành lập một nhóm kịch ở đấy. Ngoài việc viết kịch, ông còn diễn xuất và làm đạo diễn nữa. Trong cuộc nội chiến Nigeria, ông bênh vực chủ trương đòi tách ra khỏi chính quyền liên bang của bộ lạc Ibo để lập riêng quốc gia Biafra. Do đó ông bị bắt giam 22 tháng. Sau khi Biafra bị đánh bại, ông rời Nigeria qua sống ở Âu Châu và Ghana, và mãi tới 1976 mới về nước lại để dạy tại đại học Ife. Ông cũng dạy tại các đại học Cambridge, Sheffield ở Anh và đại học Yale ở Mỹ.

Tại Phi Châu, Soyinka vẫn được xem là một trong những nhà văn xuất sắc tinh tế nhất của lục địa này. Sau ngày Nigeria được trao trả độc lập, các nhà xuất bản Anh cho in rất nhiều tác phẩm của những nhà văn Nigeria trẻ chạy theo thời thượng. Riêng Soyinka vẫn tha thiết với truyền thống dân tộc của xứ sở ông, đi riêng một lối. Khi việc Phi Châu được độc lập hết trở thành thời sự, mối quan tâm của thế giới nhạt phai, những nhà văn trẻ không được ai in sách cho nữa, trong lúc Soyinka vẫn giữ được độc giả và in tác phẩm đều đặn ở Phi Châu, ở Anh và một phần ít ở Mỹ.

GIẢI NOBEL HÒA BÌNH 86 VÀO TAY NHÀ VĂN ELIE WIESEL.

Năm 86 là năm văn chương "được mùa". Một nhà văn đoạt giải văn chương là lẽ dĩ nhiên, nhưng một nhà văn khác đoạt giải Hòa Bình là một chuyện không đương nhiên. Không đương nhiên nhưng không lạ. Elie Wiesel là nhà văn của 26 cuốn sách viết về những ngày hãi hùng tại các trại tập trung của Đức Quốc Xã thời Đệ Nhị Thế Chiến vừa được Hội Đồng Nobel Nauy (không phải Thụy Điển) quyết định trao giải Nobel Hoà Bình 86.

"Ông là một trong những khuôn mặt lãnh đạo tinh thần quan trọng nhất của thời đợi khi mà bạo lực, đàn áp và kỳ thị chủng tộc đang là đặc điểm thế giới chúng ta.

Auschwitz và Buchenwald là những địa danh hãi hùng của thời Đệ Nhị Thế Chiến. Đó là mồ chôn tập thể của người Do Thái. Và Wiesel quyết định hiến cả đời mình để kể lại câu chuyện này, bởi vì ông cảm thấy rằng ông còn nợ nần quá nhiều với những người đã chết trên vùng đất đó, nếu không muốn nói là tất cả. Những ai quên nỗi thống khổ của những người đã chết là phản bội họ một lần nữa.

"Tôi tin rằng khi kể lại câu chuyện của họ chúng tôi đang giúp cho người sống.

Nhắc đến nhà hoạt động nhân quyền lừng danh Andrei D. Sakharov, mà Wiesel gọi là "người anh hùng vĩ đại của tôi" đề nghị lãnh tụ Nga Gorbachev hãy mở rộng cửa nhà tù, trại Cải tạo và cho phép một số người được ra đi đoàn tụ với gia đình họ. Không phải chờ đến khi được giải Nobel, Wiesel mới có sự lên tiếng này. Trước đây, vào tháng Tư, 1985, Wiesel cũng đã một lần khuyến cáo Tổng thống Reagan trong chuyến công du Tây Đức là đừng nên viếng nghĩa trang Bitburg, đó là nơi chôn cất của nhân vật của đội quân SS Đức Quốc Xã. "Thưa Tổng thống, nơi đó không phải là chỗ của Ngài. Chỗ của Ngài, chính là phía của các nạn nhân bọn SS."

Wiesel, đã nhập quốc tịch Hoa Kỳ và hiện sống ở New York, được xem là người đầu tiên dùng từ Holocaust trong một bài điểm sách cách đây 25 năm để mô tả vụ tàn sát tập thể người Do Thái trong thời Đệ Nhị Thế Chiến.

Cuốn sách đầu tay của Wiesel có tựa là *"Đêm"* viết năm 1956 bằng một bút pháp buồn bực và căm phẫn về những đau thương của gia đình ông ở trại Auchwitz và sau đó là Buchenwald. Năm 1944, Wiesel cùng những người Do Thái khác ở Romania được lùa lên xe lửa đưa đến các trại tập trung Đức Quốc Xã, mẹ ông và em gái ông bị giết trong phòng hơi ngạt. Wiesel theo cha chuyển sang trại Buchenwald, nơi đây cha Wiesel bị chết đói và bệnh kiết lỵ trước khi được quân đồng minh giải phóng.

Trong cuộc họp báo hôm thứ Ba, 14-10-86, tại Manhattan, Wiesel nói rằng: "Tôi luôn luôn có cảm tưởng lời nói nghĩa là trách nhiệm. Tôi cố gắng dùng nó không phải để chống lại thân phận con người mà là bảo vệ nhân loại, không phải để gây ra sự giận dữ mà là làm hạ cơn giận xuống, không phải làm chia ly mà là tạo sự hòa hợp."

Người ta đã gọi phone cho Wiesel lúc gần sáng để báo cho ông biết tin Hội Đồng Nobel Na-Uy quyết định trao giải cho ông. Ông nói tin ấy làm tôi 'lặng đi vì kinh ngạc'

Wiesel đã làm nhiều thứ nghề kể từ khi ông được giải phóng

khỏi trại tập trung vào ngày 11 tháng Tư năm 1945. Ông đã ở Pháp theo học ở Sorbonne, đi du lịch Ấn Độ và hoạt động tại Palestine năm 1948 như một ký giả.

MỘT THI SĨ NGA VỪA ĐƯỢC THẢ TỪ TẠI NGA.

IRINA RATUSHINSKAYA, một nữ thi sĩ nổi danh tại Nga đột nhiên được thả khỏi nhà tù ở tiểu bang Kiev, sau khi thi hành được nửa bản án 7 năm tù vì tội hoạt động và tuyên truyền chống chính quyền Nga sô, vào ngày 10-10-86.

Bà Ratushinskaya năm nay 32 tuổi, đột nhiên được thả trở về nhà mà không thân nhân nào nhận được hình dáng của bà sau ba năm rưỡi bị tù đầy. Bà vốn là cựu giáo sư vật lý bỏ nghề cuối thập niên 1970 để dành hoàn toàn thì giờ làm thơ. Thơ của bà được hoan nghênh rộng rãi bên Tây phương nhưng lại bị lên án là đầy tính chất riễu cợt đạo đức giả trong giới văn học Nga Sô hiện nay.

Bà ra khỏi tù mang theo đủ mọi thứ bệnh tật: đau tim nặng, áp huyết cao và sắp mù mắt. Bà đã bị bắt vào ngày 17-7-82 bị kết án vào tháng 3, 1983, với bản án gồm 7 năm lao động khổ sai ở các trại tập trung và 5 năm sau đó đầy trong nước.

Bà được thả đúng vào chiều hôm trước khi cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Reagan-Gorbachev tại Băng Đảo.

Trong khi đó, một "đồng chí" khác của Irina là Tatyana Osipova cũng được thả khỏi một trại tập trung cải tạo nhưng lại phải đến sống với chồng bà là ông Ivan Kovalyov đang bị đầy riêng tại một thị trấn cách Mạc Tư Khoa 320 dặm. Trông người mà nghĩ đến ta. Biết đến bao giờ các bạn cầm bút của chúng ta còn trong vòng lao lý ở Việt Nam mới được sum họp với gia đình và bè bạn?

GIỚI VIẾT LÁCH NGA THÚ NHẬN TINH THẦN MẤT GIÁ TRONG XÃ HỘI.

Tạp chí văn chương phổ biến ở Mạc Tư Khoa là tờ Thời Đại Chúng Ta, số ra tháng 5, 1986, vừa qua đã đăng một bài của nhà văn Astafvev thú nhận rằng sau 70 năm Cách Mạng Đỏ ở Nga, dân chúng Nga mỗi lúc một mất dần đi những giá trị tinh thần.

Vasily Bykov, Vikktor Astafyev, Chinghiz Aytmatov là những nhà văn hiện thời nổi tiếng nhất nước Nga. Họ đều chia sẻ chung một nhận xét nêu trên và cùng cho rằng cội rễ của sự mất gia trị nằm trong sự kiện được coi là ngôi sao bắc đẩu của văn chương được chính thức chính quyền Nga công nhận, ông tuyên bố rằng không thể đạo đức nếu không có niềm tin tôn giáo.

MICHENER SẮP VIẾT TIỂU THUYẾT VỀ VỊNH CARIBBEE

Jame Michener, tiểu thuyết gia Mỹ từng đoạt giải Pulitzer văn

chương đang muốn di chuyển tới cư ngụ tại tiểu bang Florida trong thời gian 2 năm để hoàn tất cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh là vịnh Caribbee.

Hiện nay Michener là giáo sư văn chương của Đại học Texas tại thủ đô tiểu bang này là Austin. Ông cho biết đang thỏa hiệp nhận một chân dạy tại đại học Miami, Coral Gables vào tháng 12, 86 này . Tuy nhiên ông vẫn giữ lại nhà ở và công việc liên tục tại Austin.

HỘI NGHỊ "THE CHALLENGE OF THIRD WORLD CULTURE" TẠI NORTH CAROLINA.

Một hội nghị mang tên *"Sự thách đố của văn hóa thế giới thứ ba"* đã mời được 17 nhà văn, nhà thơ, chủ bút báo chí, phê bình gia và giới điện ảnh của các nước thuộc Phi, Á và Mỹ châu tham dự, lôi cuốn hằng trăm giới học giả tới dự khán, vào đầu tháng 10-86 này tại tiểu bang North Carolina, trong đại học Duke.

Mặc dù vấn đề mời dự không chính thức qua hệ thống chính quyền các nước nhưng vai trò của chính quyền và đời sống, sự làm việc của nghệ sĩ là một đề tài nóng bỏng trong hội nghị.

Trong 3 ngày hội nghị, giới dự khán gồm học giả và sinh viên đã bu quanh các diễn giả ngoại quốc tại Hội trường để tìm hiểu đủ mọi vấn đề. Từ bản sắc văn hóa và lưu vong, tự do văn hóa và dân chủ, chính trị và văn chương đến vấn đề kể chuyện và nội dung viết phi luân hay không.

Elena Poniatowska, nữ tiểu thuyết gia Mễ Tây Cơ tuyên bố: "Chúng tôi viết bằng ngôn ngữ Mỹ Châu La Tinh... viết để tự giải thích những gì chúng tôi không thể hiểu và viết để lại cho con cháu chúng tôi."

Dennis Brutus, thi sĩ gốc Nam Phi sống lưu vong 20 năm nay, công nhận: "Một người tự nhìn mình như một thành viên của xã hội thì sáng tạo hay hoạt động chính trị cũng đơn giản là hai mặt thuộc thành viên của xã hội mà thôi."

Nhà văn Chí Lợ lưu vong Ariel Dorfman sôi nổi hơn; "Bạn không muốn có thái độ chính trị sao?... Này, thí dụ hiện nay ở Chí Lợi chính quyền đang thiêu chết con trẻ. Quí vị muốn chúng tôi lờ đi sao? Không để tin đó vào tiểu thuyết chúng tôi viết sao?... Chúng tôi viết trong nỗi đe dọa của chết chóc, đó không phải là vấn đề thẩm mỹ học sao?

THƯ TÍN

Tòa soạn Văn Học lâu nay vẫn liên lạc bằng thư riêng với một số thân hữu và bạn đọc. Nhưng vì hiện nay số thư từ nhận mỗi ngày tăng nhiều, nên Tòa soạn đành phải mượn hộp thư này để trả lời một số thư cần kíp. Mong quí bạn thông cảm cho.

*
* *

● **Bạn NGUYỄN THANH QUANG, SAN DIEGO**—Hoàn toàn đồng ý với những nhận xét và đề nghị của Quang, nhất là mối liên hệ sinh tử giữa văn chương và chính trị. Người cầm bút không thể đứng bên lề lịch sử, nhưng cách thế biểu lộ quan điểm chính trị của người cầm bút khác với cách thế của chính trị gia ở chỗ ngoài chân lý chính trị còn có điều kiện khác là cái đẹp của nghệ thuật. Nếu không chỉ là những khẩu hiệu hoặc những mẩu chuyện quá đơn giản không đủ sức thuyết phục người đọc. Các chủ đề Quang đề nghị, tòa soạn cũng mong ước thực hiện, nhưng chưa đủ bài. Muốn liên lạc với T.T.T., Quang thử gọi tờ San Diego Tin Tức dưới đó.

● **Ông V. TRUNG HEIN, PASADENA**—Lá thư ngắn của ông là một khích lệ lớn cho Văn Học. Đọc xong mấy dòng cảm nghĩ ấy. Chúng tôi đỡ cảm thấy cô độc và tìm thêm được sức cố gắng duy trì tờ tạp chí này. Thành thật cảm tạ.

● **Anh TÂM NGUYÊN, SAN JOSE**—Nhận được lá thư dài 3 trang chi chít của anh rồi, kẹt là không đủ thì giờ viết lại chừng ấy để cảm tạ lòng thành. Nếu anh đã soạn và sửa xong phần khảo cứu về âm nhạc Nga sô, xin gửi cho Văn Học, để nếu tiện có thể trích đăng.

● **Anh PHẠM KIM KHÔI, SAN JOSE**—Anh viết: "Tôi mới qua Mỹ được ít hôm. Nhân lúc còn rảnh rỗi đi tìm đọc các sách báo Việt ngữ và rất thích thú khi cầm Văn Học trên tay". Người mới qua như anh mà nhận xét như thế đúng là món quà cho Văn Học. Nhưng hai bài thơ thì "khép cửa" trước những kinh nghiệm ở VN anh có trong 11 năm qua. Mong anh gửi cho những nỗi đau đớn nhục nhằn ấy.

● **Anh NGUYỄN NGỌC THUẬN, TEMPE**—Đã nhận được hai bài thơ của anh và cho đi trên số này và số sau. Nghe anh bảo sức khỏe rất kém "Sau hơn chục năm chinh chiến, sau gần 7 năm tù tội, sau gần 3 năm lê lết ở các trại tị nạn Thái Lan và Nam Dương." Văn Học cũng buồn lây. Mong anh có đủ thì giờ chuyển những kinh nghiệm ấy thành văn chương.

● **ANH EM CHỦ TRƯƠNG NGUYỆT SAN THẾ HỆ**: Đã nhận được lá thư của Thế Hệ gửi đến Văn Học. Hóa ra tờ tạp chí nào cũng ở vào

tình trạng bi đát về tài chánh như nhau. Không biết làm gì hơn là chia sẻ những chán nản pha lẫn hứng khởi, những tuyệt vọng pha lẫn hy vọng với các bạn. Chúng ta lội nước ngược, thì phải chịu như vậy.

● **NHẮN TIN CHUNG QUÍ THÂN HỮU GỬI BÀI CHO VĂN HỌC.**— Văn Học không tiện đăng những bài đã đăng ở các báo khác, trừ trường hợp toà soạn Văn Học quyết định đăng một bài đã đăng ở báo bạn vì nhu cầu của chủ đề, hoặc vì giá trị bài đó, cần phổ biến rộng rãi hơn.

Vì vậy, quí bạn đã gửi bài cho Văn Học xin đừng gửi cho báo khác. Nếu quí bạn gửi cho nhiều báo một lượt, xin ghi rõ để tòa soạn tiện sắp xếp, cũng như đỡ gặp cảnh phải bỏ tiền thuê đánh máy rồi cuối cùng phải gác lại không đăng được.

Những bài Văn Học nhận đăng, tòa soạn sẽ thông báo cho tác giả bằng thư riêng, hoặc bằng điện thoại. Sau hai kỳ báo, nếu không có tin tức gì từ Văn Học, các bạn có thể gửi bài cho báo khác.

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Hóa thạch, thơ PVC; Hoá kiếp, Hóa thân, Tích tiên, Lý Thái Bạch thơ ĐTUP, Tình xứ bưởi thơ NHH, Hoa hồng trên đá tin của HL, Vĩnh biệt tình em, Tiễn đưa, thơ PQK; Chân dung, Ước chi, Buổi trưa ra trường, Mở cửa thơ ĐQT; Phát lưu ca, Thánh giá oan khiên buổi phế thần theo thơ NNT; Thiền thi (thơ dịch) của HQB, Ngày xuân, lại tìm hiểu truyện Kiều của VĐ; Tiễn xuân, thơ NĐVT, Giao thần thơ ĐQ; Ngộ kiến tiếng thơ thì thầm trong triền miên của N.Y, Một mảnh trăng xưa thơ HXG, Tẩu hỏa nhập ma thơ ĐTQP; Mấy ý kiến về bài viết của BNL, N.Y., BVP, của NQ, Gửi họ Vũ, thơ NXH.

SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

01. *Houston Poetry Fast* của Houston Center For the Humanities.
02. *Tập san thi ca*, số ra mắt do Trần Đức Lập, Tây Đức thực hiện.
03. *Mục Kiền Liên*, truyện cổ viết lại của Cung Vũ, minh họa của vi Vi, do Việt Publications Canada in và phát hành.
04. *Kỷ yếu lớp hướng dẫn làm báo 1986*, do nhật báo Người Việt, Nam Cali in.
05. *Viên sỏi của quê hương*, thơ Hàn Song Tường, in lần thứ hai tại Housotn, 1986, bạt của Mai Thảo, Đặng Phùng Quân.
06. *Mưa đất lạ*, tập truyện ngắn của Trần Diệu Hằng, Làng Văn Canada xuất bản và phát hành 1986.
07. *Đời sống và Cây bút chì*, của Trần Trúc Giang, Thế Giới lưu

vong hôm nay ấn hành; tuyển tập các suy luận về tư tưởng của một cây bút trẻ, đã phát hành khắp nơi.

08. *Thơ Hiền*, thi tập của Như Chi, Văn Nghệ xuất bản tháng 11 năm 1986, tập thơ đầu tay của Như Chi, đã phát hành khắp nơi, giá 6 Mỹ kim.
09. *Mười câu chuyện văn chương*, tiểu luận văn học của Nguyễn hiến Lê, Văn Nghệ xuất bản tháng 11-1986, đã phát hành khắp nơi, giá 7 Mỹ kim.
10. *Hóa ra nét chữ lên đàng quấn quanh*, thi tập của Ngu Yên, Văn Nghệ xuất bản tháng 11-1986, đã phát hành khắp nơi, giá 6 Mỹ kim.
11. *Trầm Mặc Cây Rừng*, tập truyện ngắn của Võ Hồng, Văn Nghệ xuất bản tháng 11-1986, phát hành đầu tháng 12-1986, giá 6 Mỹ kim.
12. *Cuối xã hội chủ nghĩa* của Hàn Lệ Nhân, Việt Publications Canada xuất bản tháng 11-1986, đã phát hành khắp nơi, giá 5 Mỹ kim.
13. *Dâu Bể*, tập truyện của Phạm Quốc Bảo, Người Việt xuất bản, đã phát hành khắp nơi.
14. *Giải Phóng VN huyền thoại, thực tại và hy vọng*, cuốn sách thứ hai mươi của Phạm Kim Vinh, đã phát hành khắp nơi.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài *"Hòa âm và âm nhạc Tây phương thế kỷ XX—(kỳ một)"* của Cung Tiến, đăng trong *Văn Học* số 8&9, Tháng 10-1986, có một vài sơ suất trong việc sắp chữ, xin quí độc giả lượng thứ và sửa lại như sau:

—Trang 84, dòng 03 từ dưới: "trở về" xin đọc "trỏ về".
—Trang 88, dòng 10 từ dưới: "thanh âm" xin đọc "thang âm".
—Trang 90, dòng 14: "đó là 'giọng chính', *vox organalis"* xin đọc "đó là 'giọng chính, *vox principalis*, với một hay nhiều giọng phụ, gọi là 'giọng bè', *vox organalis"*.
—Trang 91, dòng 07: "khúc tình ca" xin đọc "khúc bình ca".
—Trang 91, dòng 09 từ dưới: *"Ars antique"* xin đọc *"Ars antiqua"*.
—Trang 93, dòng 11 từ dưới: Các tương quan số học ghi trong ngoặc đơn phải được đọc như sau: 1/2=2/4; 3-2=2-1; 1+3=2+2; và 1+2+3+4= 10

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Cuốn sách mọi người chờ đợi:

tạp ghi Thi Vũ

GỌI THẦM GIỮA PARIS

PARIS, kinh đô Ánh sáng và Nghệ thuật. Paris, miền mộng tưởng của tình yêu, nơi muôn người mơ ước tới...

GỌI THẦM GIỮA PARIS, bằng những dòng tạp ghi, Thi Vũ dẫn ta vào khắp ngõ ngách kinh đô, để bắt gặp cõi Thơ và bầu trời Suy tưởng đã từ lâu thiếu vắng trên chốn bồn chồn. GỌI THẦM GIỮA PARIS còn đưa ta vượt quá đỉnh Elffel, và xuyên suốt dòng sông Seine để trở về nơi nghìn năm thương nhớ : Quê Hương.

272 trang, sách đóng chỉ (không dán keo), do Quê Mẹ ấn loát tuyệt đẹp, Bìa in Offset 6 màu — **Giá 90 FF.** (+ bưu phí 10 FF. đường thường, bưu phí hàng không 30FF.) — Chi phiếu đề tên QUÊ MẸ và gửi về : **Quê Mẹ — 25, rue Jaffeux — 92230 Gennevilliers (France)**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P O Box 2301
Westminster, CA USA. 92683
Phone : (714) 838 8432

NHỮNG SÁCH NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

* ***Đời viết văn của tôi***
của Nguyễn Hiến Lê. Dày 280 trang. Giá 10.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

* ***Tùy Bút 1*** của Võ Phiến. Dày 340 trang. Giá 12.00MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

* ***Hai mươi năm văn học Miền Nam***
Biên khảo của Võ Phiến. Dày 370 trang. Giá 13.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

Mùa Biển Động tập 3.của Nguyễn Mộng Giác. Dày 346 trang. Giá 12.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

* ***Những Đợt Sóng Ngầm.***tức Mùa Biển Động tập 1 của Nguyễn Mộng Giác, tái bản lần thứ nhất. Dày 180 trang. Giá 8.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

* ***Bão Nổi***
tức Mùa Biển Động tập 2 của Nguyễn Mộng Giác. Dày 246 trang. Tái bản lần thứ nhất. Giá 9.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

* ***Ngựa Nản Chân Bon,*** tập truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác. Tái bản lần thứ hai. Dày 202 trang. Giá 8.50 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

* ***Ký Thác.*** Tập truyện của Bình Nguyên Lộc. Dày 160 trang. Giá 7.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

Ngân, chi phiếu xin đề ***Văn Nghệ***
(ngoài Hoa Kỳ xin gửi bằng international money order)
Thư từ liên lạc xin gửi về Ông ***Võ Thắng Tiết***

CỦA TIN, GỌI MỘT CHÚT NÀY LÀM GHI

* *

Sau ngày Miền Nam sụp đổ :

— Hàng chục văn gia, trí thức Miền Nam bị bức tử trong tù và ngoài tù,

— Hàng trăm văn nhân thi sĩ ký giả Miền Nam bị đọa đày trong ngục tối,

— Tất cả báo chí của Miền Nam đều đóng cửa,

— Tất cả văn nghệ phẩm của Miền Nam bị cấm lưu hành, tàng trử,

— Tất cả các nhà cầm bút tự do của Miền Nam nhất loạt ngưng bút,

— Hàng mấy chục triệu ấn phẩm bị tịch thu, tiêu hủy.

Tóm lại, hết thảy mọi dấu vết sinh hoạt tinh thần của 20 triệu đồng bào Miền Nam trong 20 năm tự do bị xóa bỏ.

BÂY GIỜ CÒN LẠI GÌ ?

Họa chăng còn một cố gắng cứu vớt, thu gọn trong một cuốn sách :

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM

của Võ Phiến

Mua sách ấy :

— Là góp tay bảo tồn đời sống tinh thần của chúng ta vào một thời kỳ bất hạnh đáng thương.

— Là níu lại những cảm nghĩ buồn vui, những tiếng khóc nụ cười của một thời kỳ không thể quên.

— Cuốn sách thứ 3 của nhà xuất bản VĂN NGHỆ.

Phát hành vào tháng 8.1986

Sách dày 370 trang. Giá 13.00 Mỹ kim

Ngoài nước Mỹ thêm 2.00 Mỹ kim cước phí.

Thư và chi phiếu xin gửi về : Ông Võ Thắng Tiết

Po Box 2301 Westminster, Ca , USA, 92683.

Phone : (714) 838 8432

ĐẶC BIỆT : BẠN ĐỌC MUỐN CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ, XIN GỬI THƯ CHO NHÀ XUẤT BẢN BIẾT

Đã phát hành khắp nơi :

HẠ TUẦN THÁNG 8.1986

TÁC PHẨM MỌI NGƯỜI ĐANG CHỜ ĐỢI

MÙA BIỂN ĐỘNG

(tập 3)

của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

** Tập thứ ba trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động từng tạo tranh luận sôi nổi trong hai năm qua tại hải ngoại.*

** Tập truyện tái dựng lại khung cảnh tang tóc bi thương của Huế hồi Tết Mậu Thân*

** Tập truyện mô tả những vụ tàn sát đẫm máu của cộng sản tại cố đô.*

** Tập truyện ghi dấu khúc quanh trong tâm thức giới trẻ tại Huế, thức tỉnh những người còn mơ màng ảo vọng .*

Sách dày 346 trang

Giá tại Hoa kỳ 12 MK

Nhà xuất bản Văn Nghệ cũng vừa tái bản hai tác phẩm khác của Nguyễn Mộng Giác :

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

tức Mùa Biển Động tập 1, giá 8.00 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON

tập truyện ngắn, giá 8.50 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG ĐÓNG BỘ BA TẬP

Dày 770 trang. Chỉ có 150 cuốn Giá 25 MK.

sách quí dành riêng cho các bạn yêu sách

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ , theo địa chỉ :

Ông Võ Thắng Tiết

PO Box 2301 Westminster, Cali, USA, 92683

Phone : (714) 838 8432

VIETNAMESE LANGUAGE AND CULTURE PUBLICATIONS
PO BOX 133 PASCOE VALE SOUTH
VICTORIA 3044 AUSTRALIA

Sau đây là danh mục các tác phẩm do Vietnamese Language and Culture Publications đã xuất bản 1986 dành cho học sinh Việt Nam tại hải ngoại. Quí vị phụ huynh cần mua những sách song ngữ cần thiết này cho con em hiện đang học Anh ngữ tại trường và luyện thêm Việt ngữ tại gia đình.

1. BASIC LEVEL :

1 Thanh ' s Family (Vietnamese) 5. 50
2 What Is Lan Doing (Vietnamese) 5. 50
3 Tam And Nam (Vietnamese) 5.50
4 Today Hanh Goes To School* (Bilingual) 6.50

3INTERMEDIATE LEVEL

5 Thuy Tell Her Life Story (Vietnamese) 5.50
6 Trang' s Classmates (Vietnamese) 5.00
7 A Day In Huong' s Life (Vietnamese) 5.50
8 My Village (Bilingual) 6.50
9 The Last Train Journey (Bilingual) 6.50
10 The Adopted Children (Bilingual) 6.50
11 The Season of Flamboyant Flowers (Bilingual) 6.50
12 The Tadpoles (Bilingual) 6.50
13 Five Vietnamese Folk Tales (Bilingual) 6.50

3 GENARAL (BILINGUAL).

14 Old Stories From Vietnam 12.00
15 Life With Past Images*. 14.50
16 Selected Vietnames Folk Tales* 14.50
17 Folk Tales From Indochina* 14.50
* New publications in 1986.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles

304 S Broadway St # 534

Los Angeles, CA, 90013

(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622

Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove

9872 Chapman Ave, Suite 200

Garden Grove, CA, 92 641

(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771

Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật : *Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật : *Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn : *Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration : *Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*

** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

VĂN ĐÀN

PUBLISHING & DISTRIBUTING CO
14 SOUTH ALMADEN AVENUE
SAN JOSE, CALIFORNIA, 95113. USA
(408) 297-8141

PHÁT HÀNH KHẮP THẾ GIỚI

* Thư mục Văn Đàn gồm hơn 2000 mặt sách đủ loại để thiết lập tủ sách Việt ngữ cho gia đình, thư viện.
* Có bán đủ loại tự điển Việt, Anh, Pháp, Hoa, Hán, Miên, điện tử, toán học, kỹ thuật, danh nhân.
* Chúng tôi có sưu tầm hơn 500 loại băng nhạc hay giá trị nhất của nền âm nhạc Việt cùng những bản nhạc, tuyển tập của hầu hết nhạc sĩ tàitdanh.

ĐẶC BIỆT :

* Chúng tôi đã thiết lập tủ sách Anh ngữ gồm những tác phẩm của những tác giả danh tiếng Việt Mỹ viết về những vấn đề Việt Nam.
* Nhận dịch các tác phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam sang Anh Pháp ngữ.
* Nhận phụ soạn hoà âm phối trí, nhạc đệm cho băng nhạc, cassette, video.

SÁCH MỚI :

* *Cao Bá Quát giữa hồn thiêng sông núi của Tường Vũ Anh Thi*
* *Biển và Người, tập truyện Đoàn văn Xuyên.*
* *Mật tông của Nghiêm Xuân Hồng.*
* *Phong trào kháng chiến Trình Minh Thế của Nhị Lang*
* *Đời sống và cây bút chì của Trần Trúc Giang.*
* *Vũ điệu của loài công của Trần Diệu Hằng.*
* *Đời viết văn của tôi của Nguyễn Hiến Lê.*
* *Tùy bút của Võ Phiến*
* *Mùa biển động 1,2,3 của Nguyễn Mộng Giác.*
* *Màu cỏ úa của Nguyễn Ngọc Ngạn*
* *Phấn bướm của Hồ Trường An.*
* *Bụi hồng của Lê thị Huệ.*

Chúng tôi đang sửa soạn xuất bản những tác phẩm giá trị về khảo luận âm nhạc, văn chương của những tác giả danh tiếng hải ngoại.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

*Sáu tháng..... $13.00 US
*Một năm..... $25.00 US
*Hai năm..... $45.00 US
*Mỗi số ..... $2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số..... $2.50 US
Tàu thủy mỗi số ..... $1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số..... $3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA. 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

Di's Printing

Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
. . . . . .
đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

Văn Nghệ phát hành khắp nơi
MỘT LƯỢT BỐN TÁC PHẨM
TRONG THÁNG 11.1986.

THƠ HIỀN
tập thơ đầu tay của
NHƯ CHI
Dày 80 trang. Giá 6 Mỹ kim

HOÁ RA NÉT CHỮ
LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH
tập thơ đầu tay của
NGU YÊN
Dày 96 trang. Giá 6 Mỹ kim

MƯỜI CÂU CHUYỆN
VĂN CHƯƠNG
tiểu luận văn học của
NGUYỄN HIẾN LÊ
Dày 164 trang. Giá 7 Mỹ kim

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của
VÕ HỒNG
Dày 128 trang. Giá 6 Mỹ kim.

Bốn tác phẩm giá trị và trang nhã nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành trong vòng một tháng , rất thích hợp để bạn đọc mua làm quà tặng trong dịp Giáng sinh Tân Niên và Tết Đinh Mão 1987.

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ theo địa chỉ :
Ông Võ Thắng Tiết
PO Box 2301 Westminster, Calif. USA 92683
Phone : (714) 832.8445

Giá bán lẻ : US $ 2.50.